

Văn Học

Yên ơ
BIÊN KHẢO — VĂN HÓA — XÃ HỘI — CHÍNH TRỊ — NGHỆ THUẬT



JAMES BALDWIN
RICHARD WRIGHT
CHARLES WRIGHT
STERLING BROWN
DEI ANANG
LANGSTON HUGHES
JEAN-PAUL SARTRE
L. SEDAR SENGHOR
J.J. RABÉRIVÉLO
GRAHAM GREENE

thi c a
dade n
57

nội dung số này

- | | |
|--|---|
| 1. Vấn đề tạo lập tư bản tại các xứ chậm tiến | LÊ LINH |
| 9. Thi sĩ Da đen | JEAN-PAUL SARTRE
PHẠM HƯNG dịch |
| 15. Cho những loán quân Mỹ da đen | LÉOPOLD SÉDAR SENGHOR,
LÊ VINH THỌ dịch |
| 17. Những người trẻ da đen | TRẦN TRIỆU LUẬT |
| 32. Biên giới | LANGSTON HUGHES |
| 34. Nỗi thương tâm của Mỹ châu | LANGSTON HUGHES |
| 35. Người da đen nói về những dòng sông | LANGSTON HUGHES |
| 39. Con đường ở Nam | STRELING BROWN |
| 39. Những người thổi sáo | JEAN JOSEPH RABÉARIVÉLO
LÊ VINH THỌ dịch |
| 41. Vấn đề tư tưởng và tâm linh trong vũ trụ | HOÀNG VĂN ĐỨC |
| 48. «Chủ trương không liên kết» của Cộng Hộc Ghana | LÊ TRỌNG PHÒNG |
| 51. Ý nghĩ | RICHARD WRIGHT |
| 53. Kẽ dừa tin của Charles Wright | NGUYỄN XUÂN HOÀNG dịch |
| 58. Khu phố 49 | HOÀNG NGỌC BIÊN |
| 61. Phút thần tiên | CHARLES WRIGHT |
| 62. Khúc ca của người nghèo | HOÀNG NGỌC NGUYỄN dịch |
| 63. Kịch: Điệu buồn cho Charlie | DEI ANANG |
| 73. Giới nghiêm | TÀ TRUNG SƠN dịch |
| 86. Nguyễn Du | JAMES BALDWIN |
| 96. Tự Thú | HOÀNG THỊ ĐOAN dịch |
| 97. Chân trời Văn học | ĐỖ TIỀN ĐỨC |
| | THANH LĂNG |
| | THÀNH TÔN |
| | DUYÊN ANH, TRẦN H. OANH,
NGUYỄN XUÂN HOÀNG ghi |

Thư từ, bài vở, tiền bạc, ngân phiếu, xin gửi:

PHIÊN KIM-THỊNH

61 đường Lê văn Duyệt 61, Saigon — Đ. T. 23.622

Chi phiếu xin trả chương mục số 32 56 chánh trung khu chỉ phiếu Saigon

K D số 778 TT/BC

ngày 7-4-66

VẤN ĐỀ TẠO LẬP TƯ BẢN TẠI CÁC XỨ CHẬM TIẾN

LÊ LINH

Dầu tư

Không những chỉ có các quốc gia chậm tiến mới cần tư bản để khai thác tài nguyên xứ sở, mà ngay cả các quốc gia phát triển, vấn đề đầu tư cũng luôn luôn được đặt ra và xem như quan trọng bậc nhất giữa các yếu tố phát triển.

Riêng tại Việt Nam, vấn đề đầu tư càng cần hơn bao giờ hết. Vì rằng, chúng ta vừa thoát khỏi một nền kinh tế do hộ đề chuẩn bị bước sang một nền kinh tế tự chủ. Nhưng điều khó khăn cho bước phối hợp của công cuộc phát triển và ổn định mọi hoạt động kinh tế là chúng ta, mặc dầu sẵn có nhiều nguồn năng lực sẵn có những nguồn lợi về nông nghiệp cũng như hầm mỏ, nhưng vì thiếu tư bản, nên vẫn đề khai thác tài nguyên tùy thuộc phần lớn vào tư bản ngoại quốc.

Nếu điểm lại các ngành khai thác quan trọng tại đây, từ nông nghiệp đến kỹ nghiệp, chúng ta vẫn thấy số tư bản đầu tư của ngoại quốc cao hơn khu vực đầu tư của bản xứ. Điều này rất đáng hiểu, vì nó nhằm đem lại lợi tức cho cả đôi bên: tư bản ngoại quốc được lợi và kinh tế Việt Nam phát triển. Có nguyên liệu nhưng thiếu vốn — hay nói cách khác — thiếu tư bản khai thác, tất sự đóng góp của ngoại quốc vào địa hạt này rất cần thiết và hợp lý.

Về thành phần đầu tư, chúng ta có thể chia ra ba loại: đầu tư

của ngoại quốc; đầu tư của chính phủ; đầu tư của tư bản xứ. Nhưng tại Việt Nam, khu vực đầu tư của chính phủ xem như khá quan trọng. Giữa các loại chi phí của chính phủ, kể từ năm 1957 đến 1964, trung bình 1/5 ngân sách quốc gia được dùng để đầu tư vào khu vực phát triển kinh tế.

Và sau đây là tình hình chi phí của ngân sách quốc gia và ngân khoản đầu tư cho khu vực phát triển kinh tế của chính phủ từ 1957 đến 1964:

Năm	Tổng số chi phí (triệu bạc VN)	Cho quốc phòng (triệu bạc VN)	Các bộ phận khác (triệu bạc VN)	Đầu tư (triệu bạc VN)
1957	14,920	6,599	4,991	3,330
1958	14,134	6,017	5,197	2,920
1959	15,276	6,173	5,429	3,674
1960	15,214	5,798	5,076	4,340
1961	14,985	5,797	5,476	3,712
1962	22,682	12,105	9,077	1,500
1963	27,050	14,050	9,500	3,500
1964	26,500	14,000	9,100	3,400

Tài liệu: Nha Ngân Sách và Ngoại Viện; Liên Hiệp Quốc; và USOM, Saigon.

Ngoài ra, bất cứ một kế hoạch phát triển nào cũng đều phải tính phụng tiện. Phương tiện quan trọng vẫn là tiền. Do đó, trong đề nhất kế hoạch Ngũ niên của Việt Nam trước đây, số ngân khoản của chính phủ đóng góp vào khu vực đầu tư cho mỗi ngành hoạt động kinh tế như sau:

Khu vực	Số chi tiêu (triệu bạc VN)	o/o
o Công chính	5,425	31
o Điện lực	2,100	12
o Canh nông	3,850	22
o Các dịch vụ xã hội	2,100	12
o Kỹ nghệ	1,575	9
o Các ngành khác	2,450	14
Tổng cộng	17,500	100

Còn khu vực tư, vấn đề tạo lập tư bản đã dựa trên số vốn của các tư bản ngoại quốc và các nhà doanh nghiệp bản xứ.

Do đó, thành phần đầu tư để phát triển kinh tế luôn luôn được cấu tạo trên ba khu vực: a) ngoại quốc; b) chính phủ; và c) tư nhân trong xứ — hay ít nhất cũng gồm hai trong ba, ngoại trừ một vài ngành khai thác đặc biệt do một trong ba.

Đầu tư là điều rất cần thiết đối với công cuộc phát triển kinh tế của một xứ — nhất là đối với xứ này. Thiếu tư bản, thiếu chuyên viên, lại thiếu cả kỹ thuật khai thác làm sao ta phát triển được kinh tế? Chỉ thiếu một trong ba, ta cũng không thể đạt tới được mục tiêu của kế hoạch.

Vì thế, mục đích chủ yếu của công cuộc đầu tư là nhằm khai thác tài nguyên và những công trình khai thác đó phải nhằm vào giá trị trường kỳ. Cũng do đó, đầu tư thường đòi hỏi ở tư bản trường hạn. Số tư bản trường hạn ấy ít nhất sẽ phải đủ để chịu đựng một thời kỳ khai thác chưa sinh lợi, nhưng tin tưởng nó sẽ đem lại những lợi ích trường kỳ trong tương lai. Chẳng hạn như khai thác một mỏ dầu, số chi phí đơn vị cũng phải tốn cả hàng tỉ (Mỹ kim) với thời gian đơn vị là hàng chục năm. Nhưng sau đó, khi đã khai thác được giếng dầu, lợi tức sẽ thu về rất nhanh chóng và nguồn lợi từ đó sẽ làm giàu cho cả những nhà tư bản cũng như đem lại phần thịnh cho xứ sở chiếm hữu.

Sự khai thác tài nguyên thiên nhiên của xứ này — thực ra — mới chỉ ở vào bước sơ khởi, chưa có tính cách đại qui mô và toàn diện.

Tuy nhiên, trong ít năm gần đây, nhờ có Viện trợ Mỹ và sự đóng góp của chính phủ cũng như các tư bản bản xứ, nhiều ngành hoạt động kinh tế tại đây đã bắt đầu có chiều hướng phát triển. Một xứ có nhiều bò, ta đã thiết lập được các trại lấy sữa; có nhiều mía, ta đã thiết lập các nhà máy cất rượu và làm đường; có biển cả, ta đã bắt đầu động cơ hóa ngư thuyền; có nhiều đập nước lớn với sức nước chảy mạnh như đập Damhim... ta đã phát triển được các hệ thống điện lực, v.v...

Vậy, đã xác nhận đầu tư là vấn đề thiết yếu cho phát triển kinh tế, ta cần phải một mặt, duyệt lại và ban hành các đạo luật đầu tư thích đáng nhất với thực trạng xứ sở để có thể hấp dẫn được sự đầu tư của các tư bản ngoại quốc; một mặt, chính chúng ta phải tự tìm kiếm lấy các phương thức tạo lập tư bản quốc nội để có thể đóng góp hữu hiệu vào khu vực này. Muốn vậy, phải biết tiết kiệm: tiết kiệm để đóng góp vào đầu tư — hay cách khác nói tiết kiệm để giúp tạo lập tư bản.

Khi đã đạt được mức đầu tư quan trọng, nghĩa là có đủ tư bản



để khai thác nguồn lợi kinh tế, chắc chắn ta sẽ sớm đạt mục tiêu.

Ngoại Viện

Theo nghĩa đen và dễ hiểu, ngoại viện đơn giản là viện trợ của ngoại quốc. Nhưng theo nghĩa bóng và phức tạp, ngoại viện là một hình thức cam kết trợ giúp hay một thứ còn tìm của quốc gia viện trợ cho quốc gia nhận viện trợ.

Có hai thế giới viện trợ của «thế giới tự do» hai là viện trợ của «thế giới cộng sản». Tiêu biểu cho thế giới tự do là Hiệp Chúng Quốc Mỹ; tiêu biểu cho thế giới cộng sản là Nga Xô viết. Thêm vào đó, một số quốc gia tương đối mạnh và có ảnh hưởng chính trị quan trọng đối với các quốc gia nằm trong hệ thống ảnh hưởng của mình cũng có những chương trình viện trợ. Các nước đó là Anh Cát Lợi ở Âu Châu qua chương trình danh nghĩa viện trợ cho các nước theo phe xã hội chủ nghĩa nằm trong hệ thống cộng sản quốc tế. Tuy nhiên, tầm viện trợ trọng bằng các cường quốc bậc nhì này không quan trọng về ý thức hệ và chính trị của hai thế giới tự do và cộng sản như Nga Xô và Hoa Kỳ. Cùng với hệ thống ngoại có những chương trình ngoại viện. Lẽ tất nhiên, mỗi chương trình ngoại viện mang một mục tiêu và giá trị viện trợ khác nhau.

Đối với Hoa Kỳ, ngoại viện qua—kế hoạch Marshall—được đề ra nhằm giúp các quốc gia bị chiến tranh tàn phá trong các trận hưng nền kinh tế tiền chiến của mình và giúp phát triển kinh tế. Đồng thời, chương trình ngoại viện của Hoa Kỳ cũng nhằm để giúp các xứ lạc hậu, chậm tiến có cơ hội phát triển nhưng nền kinh tế chậm tiến đó của họ.

Viện trợ của Nga Xô Viết cho các quốc gia theo phe xã hội chủ nghĩa và nằm trong hệ thống cộng sản quốc tế cũng mang một đôi mục tiêu tương tự như của Hoa Kỳ, nhưng nó có cách gây ảnh hưởng chính trị nhiều hơn; và trong thực tế, khối lượng viện trợ của Nga Xô Viết cho khối cộng sản cũng không mấy quan trọng.

Các chương trình viện trợ của Khối Thịnh Vượng Chung Anh Quốc qua khuôn khổ kế hoạch Colombo và các chương trình của Liên Hiệp Quốc cũng đều nhằm những tác dụng tương tự

như của Hoa Kỳ. Và, như trên đã nói, mỗi quốc gia viện trợ đều theo đuổi một mục tiêu riêng biệt.

Sau đây, ta thử xét tới mục tiêu sâu xa và trường kỳ của mỗi xứ viện trợ.

Kế hoạch viện trợ của Hoa Kỳ được đề ra là để mở rộng vai trò lãnh đạo của họ tại những phần đất theo phe tự do chủ nghĩa; để mở rộng hệ thống phòng thủ của họ ra ngoài tầm hoạt động của lãnh thổ họ; mở rộng hệ thống thị trường của họ ra các phần đất hải ngoại để giúp có nơi tiêu thụ các sản phẩm thặng dư của các ngành kỹ nghệ chế tác.

Nga Sô Viết và Trung Cộng gần đây, cũng đều thi đua đề ra những chương trình viện trợ cho các nước thuộc hoặc có khuynh hướng với phe xã hội chủ nghĩa. Mục đích của họ đơn giản là để tranh dành ảnh hưởng về quyền lãnh đạo cộng sản quốc tế tại các thế giới Đông Âu, Á Châu, Phi Châu và Châu Mỹ La Tinh hơn là giúp các nước đó có cơ hội phát triển xứ sở và những nền kinh tế của họ đến nơi đến chốn. Ngoài những điểm trên, tất nhiên họ cũng nhắm những mục đích xa xôi khác nữa: chẳng hạn, nhờ viện trợ mà họ có thể chiếm được đất đóng tại những xứ nhận viện trợ.

Nói tóm lại, dầu là viện trợ của Hoa Kỳ hay của Nga Sô Viết, những kẻ đang dẫn đầu các ý thức hệ tự do và cộng sản trong thế giới ngày nay, đều qui về những điểm chính như sau: a) lấy viện trợ làm phương tiện để nắm quyền lãnh đạo những phần đất của của thế giới nằm trong khu vực ảnh hưởng của mình; b) gây ảnh hưởng chính trị tại các nước nhận viện trợ; c) chiếm thêm thị trường độc quyền và được ưu đãi tại các nước nhận viện trợ; d) mở rộng hệ thống phòng thủ cho quốc gia mình ngay trên những phần đất của các nước nhận viện trợ — hay nói cách khác — tại những biên thùy xa xôi ngoài lãnh thổ của mình v.v...

Đó là đại cương về mục tiêu của các nước nhận viện trợ. Nhưng còn các nước nhận viện trợ thì sao? Họ sẽ ảnh hưởng được những gì? Như trên đã nói, đối với các xứ chiến bại hoặc gần như bị chiến tranh tàn phá hoặc đang sống trong những trạng thái chậm tiến, lạc hậu giữa thế giới tiến bộ ngày nay, nếu không có ngoại viện, khó điều mà phục hưng, kiến thiết, và phát triển được xứ sở — đặc biệt về phương tiện kinh tế, vì lấy đâu ra tư bản (tức phương tiện) để trang bị cho các kế hoạch phục hưng, kiến thiết, và phát triển? Do đó, ngoại viện,



ngoài những mục tiêu mà các nước viện trợ theo đuổi, cũng vẫn có lợi cho các xứ nhận viện trợ và còn trở thành một nguyên tố giúp tạo lập tư bản cho các quốc gia nhận viện trợ và đang cần phát triển kinh tế.

Chẳng hạn như Anh, Pháp, Đức, Nhật... đều là những xứ bị chiến tranh tàn phá sau Thế Chiến II, vậy muốn phục hồi tình trạng cũ và để phát triển, cần phải có tư bản. Tư bản duy nhất mà họ trông cậy vào là Viện trợ Mỹ. Và cũng chính nhờ đó, các xứ kể trên đều đã chơi dây mau chóng. Ngay nay, họ đã phục hưng và phát triển được kinh tế. Họ đã thanh toán được những món nợ cho Mỹ, và tất nhiên không còn phải nhận viện trợ kinh tế của Mỹ nữa, tức họ đã trưởng thành và đạt tới tự lập kinh tế.

Tất cả những kết quả tốt đẹp ấy đều bắt nguồn và chịu ảnh hưởng của ngoại viện.

Riêng đối với các xứ chậm tiến, ta thấy, nếu thiếu hoặc không có ngoại viện, các xứ này sẽ rất khó khăn phát triển kinh tế. Vì rằng, một khi lợi tức quốc gia tự nó không đáp ứng nổi nhu cầu chi phí của nhà nước, tất nhiên họ sẽ phải nghĩ ngay tới việc gia tăng mức độ thuế khóa; và như vậy, dân chúng sẽ phải chịu thuế rất nặng nề, đôi khi vượt cả khả năng đóng góp của họ. Nhưng nếu có ngoại viện bù đắp cho những khoản khiếm hụt của ngân sách quốc gia, mức độ thuế khóa cũng sẽ được giảm đi, hay dân chúng chỉ phải chịu với một tỉ số tương đối nhẹ và dễ có khả năng đóng góp, tất họ sẽ có nhiều cơ hội thuận tiện để tiến thẳng tới mục tiêu phát triển kinh tế.

Tất nhiên điều đó không có nghĩa là các xứ chậm tiến cứ trông cậy vào ngoại viện mãi mãi; nhưng trong giai đoạn xây dựng những nguồn gốc giúp tạo lập tư bản.

Viện trợ Mỹ

Sau Đệ Nhị Thế Chiến, có thể nói, hầu hết các quốc gia kể cả một số cường quốc ở Âu Châu, đều đã phải nhờ vào viện trợ Mỹ mà phục hồi nền kinh tế đổ nát vì chiến tranh và phát triển kinh tế, đặc biệt là kỹ nghệ, vì hầu hết các biên thùy Tây Âu cũng là những biên thùy kỹ nghệ.

Thật vậy, sau Đệ Nhị Thế Chiến, hầu hết các phần đất của thế giới bị lôi cuốn vào chiến tranh đều trải qua một giai đoạn khủng hoảng kinh tế. Đối với những quốc gia may mắn không ở trong

vòng khói lửa, nhưng không ít thì nhiều, cũng phải chịu phần nào ảnh hưởng. Vì vậy, viện trợ Mỹ, do kế hoạch Marshall đề ra, cốt để giúp các xứ sở đó có điều kiện để phục hưng và phát triển. Đối với những xứ trị tội cuốn vào vòng chiến, tất cả những cơ sở kinh tế căn bản, các trung tâm sản xuất—nông nghiệp hay kỹ nghệ—và cả đến các đô thị, làng mạc, nông trại của họ đã bất hạnh bị chiến tranh tiêu hủy, nay muốn phục hưng phải có phương tiện, nhưng xứ sở đã hầu như suy sụp rồi, lấy đâu ra phương tiện nữa (?). Còn đối với các xứ tuy may mắn không bị chiến tranh tàn phá nhưng lại là những xứ chậm tiến, vậy muốn phát triển, phải có một khối lượng tư bản đáng kể; mà tư bản đây phải nói là tư bản của ngoại quốc, chứ những xứ chậm tiến đó không thể nào nói tự túc phát triển. Vì nếu tự phát triển được, chắc đã phát triển được rồi (?).

Do đó, muốn phát triển kinh tế phải tạo lập tư bản. Mà muốn tạo lập tư bản, phải chú ý đến ngoại viện. Viện trợ Mỹ hiện nhiên là một nguồn ngoại viện, và khối lượng của Viện trợ Mỹ lại thường quan trọng trên các phần đất theo phe tự do chủ nghĩa của thế giới.

Nếu không nhận định rõ rệt, người ta có thể nghĩ rằng, Viện trợ Mỹ, chỉ nhằm đem lại quyền lợi cho Mỹ. Tất nhiên khi họ viện trợ cho ta, họ phải nhằm vào một mục tiêu quyền lợi không trên phương diện này thì cũng về phương diện khác, điều đó không ai chối cãi. Vì rằng, trên đời này, có ai cho không ai bao giờ đâu (?). Nhưng thiết tưởng cần thành thật mà nhận rằng, họ có lợi thì ta cũng phải có lợi; và rằng, nhận viện trợ không có nghĩa là chấp nhận sự kiện các xứ nhận viện trợ chỉ phớt mọi chủ quyền xứ sở của các xứ nhận viện trợ. Ví dụ điển hình là các trường hợp của Nhật Bản, Ấn-Độ, Ba-Tây, Trung Đông, v.v... Nếu mục tiêu viện trợ nhằm đem lại và chỉ cho quyền lợi cho các quốc gia viện trợ, nhưng đồng lợi cũng đem lại lợi ích cho các quốc gia nhận viện trợ, thì điều đó cũng chỉ là một sự kiện hợp lý.

Tất nhiên ta phải hiểu rằng, dầu là viện trợ Mỹ hay bất cứ viện trợ của ai, cũng đều là một con dao hai lưỡi: biết sử dụng và xử dụng đúng mục tiêu, ngoại viện sẽ trở nên hữu ích, vì nó giúp các xứ nhận viện trợ tạo lập tư bản để phát triển kinh tế; và nó giúp xiết chặt tình hữu nghị giữa các xứ viện trợ với các xứ nhận viện trợ. Nhưng nếu nó bị sử dụng không đúng mục, hoặc bị sử dụng vào các mục tiêu sai lầm, như dùng nó để xây dựng các chế độ độc tài, quân phiệt duy trì các chính quyền độc tài, phân biệt v.v... ngược lại, nó sẽ

trở thành một nguyên cơ dân áp các cánh hoa tự do, dân chủ tại các nước nhận viện trợ, hoặc nó là nguyên cơ gây xáo trộn kinh tế cũng như nguồn gốc của rối loạn xã hội, và nó cũng thường trở thành những lời nguyên rủa tại các nước nhận viện trợ đối với các nước viện trợ. Thêm vào đó, nó cũng dễ bị các nước viện trợ dùng áp lực viện trợ can thiệp vào các vấn đề nội bộ—nói cách khác—chủ quyền của các xứ nhận viện trợ mặc dầu sự can thiệp ấy cố tâm hay miễn cưỡng. Như trên vừa đề cập, Viện trợ Mỹ rất quan trọng đối với các quốc gia đang trên đường hoặc mong muốn phát triển kinh tế. Vì, như ta đã thấy, viện trợ Mỹ đã giúp cho một số quốc gia nhờ đó mà thành công trong các công cuộc phát triển. Chẳng hạn viện trợ Mỹ đã giúp chính đốn được nền kinh tế khủng hoảng của Thổ Nhĩ Kỳ và Hy Lạp sau chiến tranh cách đây gần hai mươi năm. Đối với đa số các quốc gia khác, Viện trợ Mỹ giúp ổn định một tình trạng kinh tế bất bành, sự khó khăn trong việc phục hưng nông nghiệp hoặc phát triển kỹ nghệ những phá hoại ngầm ngấm ở bên trong hoặc bên ngoài, và nhiều vấn đề tiền tệ phức tạp khác. Với viện trợ Mỹ, các chương trình nhập cảng hàng hóa cần thiết của các xứ nhận viện trợ—còn chậm tiến hay đang phát triển—có thể thực hiện được. Viện trợ Mỹ còn gánh chịu một phần lớn chi phí của các quốc gia; cũng như là một thứ thuế vô hình rất lớn lao, gánh chịu thay cho dân chúng của các quốc gia nhận viện trợ.

Điều cần nhấn mạnh ở đây không nên hiểu viện trợ Mỹ là cho không: viện trợ bao giờ cũng vẫn là viện trợ. Nhưng trong giai đoạn phục hưng và phát triển kinh tế bất bành, để phát triển, và giúp đạt mục tiêu tự lập kinh tế.

Một khi đã có đủ khả năng tự lập kinh tế—hay nói cách khác—khi nhịp độ sản xuất quốc gia đã thực sự gia tăng và nền kinh tế tương đối, đã ổn định, tất, nhiên các quốc gia nhận viện trợ sẽ không phải nhận viện trợ của Mỹ hay bất cứ của ai nữa, như trường hợp của Anh, Pháp, Đức, Nhật, Hy, Thổ, và Đài Loan gần đây.

Kết luận, ta có ba phương thức giúp tạo lập tự bản: 1) kêu gọi sự đầu tư của tư bản ngoại quốc bằng cách duyệt lại và ban hành những đạo luật đầu tư thích đáng nhất với thực trạng xứ sở; 2) kêu gọi nỗ lực viện trợ của các bạn đồng minh có khả năng, chủ yếu nhất là Hoa Kỳ; 3) huy động khôi tiết kiệm củ quân chúng và tự bản bản xứ.

JEAN-PAUL SARTRE
THI SĨ DA ĐEN
ORPHÉE NOIR

Khi các bạn thảo miếu vãi bịt những cái miệng da đen, các bạn mong muốn những gì? Họ sẽ ca ngợi các bạn? Những cái đầu mà ông cha chúng ta đã dùng bạo lực đè xuống tận đất, các bạn tưởng sẽ đọc thấy sự sống kinh trong mắt họ khi họ ngẩng lên sao? Đây là những người đang đứng nhìn chúng ta và tôi mong các bạn cũng cảm thấy như tôi cái cảm giác bị nhìn. Vì suốt ba nghìn năm nay người da đen đã hướng đặc ân được nhìn mà không bị nhìn; họ là cái nhìn đơn giản, ánh sáng của mắt họ đã kéo mọi vật ra khỏi bóng tối nguyên thủy, nước da trắng cũng là một cái nhìn, một thứ ánh sáng lịch sự lại, trời da trắng, trắng vì là người, trắng như ban ngày, trắng như sự Ngọt, trắng như đạo đức, soi sáng thế giới như một ngọn đuốc, âm lộ th cái bản thể bí ẩn và trắng của tạo vật. Ngay nay những người da đen nhìn chúng ta và cái nhìn của chúng ta trở vào trong mắt chúng ta; lên lượt những bó đuốc đen soi sáng thế giới và những cái đầu trắng của chúng ta chỉ còn là những ngọn đèn mờ lắt lắt trước gió. Chẳng cần kể ý đến chúng ta, một thi sĩ da đen đã thi thán với người yêu:

Dân bà Tràn t-ông, dân bà da đen

Khoác lên mình màu sắc của đời sống...

Dân bà Tràn t-ông, dân bà da đen

Tôi chỉ cần chín cẳng đã thật rên chèo, niềm ngất ngáy của rượu đen

và đối với chúng ta nước da trắng chỉ còn là một lớp sơn tại tại kỳ lạ không cho da thịt thở hay một cái áo lột màu trắng, đã sòn rách ở cùi tay và đầu gối mà nếu chúng ta có thể cởi bỏ được, người ta sẽ thấy da thịt thật sự của con người, da thịt màu rượu đen. Chúng ta những tưởng chúng ta là những thành phần thiết yếu của thế giới, là những mặt trời làm cho lúa chín, là những mặt trăng làm cho nước triều lên; chúng ta chỉ còn là những con vật. Mà cũng không được là vật nữa :

Những ông ở thành phố

Những ông sang trọng

Chẳng còn biết nhũm má dưới trăng

Chẳng còn biết đi chân không

Chẳng còn biết kể truyện cổ tích...

Xưa kia được làm dân Âu Châu do thiên mệnh, từ ít lâu nay chúng ta cảm thấy uy thế của chúng ta tan rã dưới những cái nhìn Mỹ hay Nga ; Âu Châu chỉ còn là một địa hình bất thường, một hán đảo của Á Châu ra đến Đại tây Dương. Chúng ta hy vọng ít nhất thấy lại được một phần cái oai hùng của chúng trong mắt gia nhân của người Phi Châu. Nhưng không còn có những con mắt gia nhân nữa : chỉ có những cái nhìn man rợ và tự do đang phê phán đất nước chúng ta.

Thì đây, một người da đen lang thang :

đến tận cùng.

những con đường dài dằng dặc

đầy cảnh sát...

Còn đây một người khác : la lên với những bạn đồng chủng :

Thưa ôi ! Thưa ôi ! con nhện Âu châu cựa chân và những đốt chân

làm bằng lâu thủy...

Đây là :

Cái yên lặng đen tối của đêm Âu châu

ở đây

... không có gì mà không bị thời gian làm hoa ố.

Một người da đen viết :

Montparnasse và Bâle, Âu châu và những con hoẵng lột không

Đôi khi ám ảnh chúng ta như những kỷ niệm hay những dây vô...

và đột nhiên, dưới mắt chúng ta, nước Pháp trở thành xa lạ, và chỉ còn là một kỷ niệm, một dây vô, một đám sương mù sot lại trong những tâm hồn đầy ánh nắng, một miền đất trong nội địa hoang vu ở đây không có niềm vui sống ; nước Pháp đã trôi về phương Bắc, đã nằm lại gần đây Kai. shatka : chính mặt trời mới là thiết yếu, mặt trời miền nhiệt đới vào vùng biển đầy đảo, và hoa hồng miền Imangué, và hoa huệ miền

Iarive và núi lửa trên đảo Martinique. Bàn thể màu đen. Bàn thể bằng lửa, chúng ta thì ngẫu nhiên và xa lạ, chúng ta phải biện minh những nếp sống, những kỹ thuật, màu da tại tại nung chưa chín càng thảo mộc màu xanh xám của chúng ta. Chúng ta bị những cái nhìn trầm lắng và soi bói ấy đục đến tận xương tủy:

Ah hãy nghe thể giới da trắng

một môi kinh khủng trong cổ găng hết mình

những khớp xương nổi loạn kèn răng rắc dưới những vì sao cứng rắn

những thổi thép xanh đục từng da thịt huyền bí

anh hãy nghe những chiến thắng thổi kèn báo trước bại trận

anh hãy nghe họ vấp ngã vào những sai lầm vì dai

Lương thay cho những kẻ chiến thắng nhiều khoa học và khờ dại.

Thế là hết, những chiến thắng của chúng ta đã bị lật ngửa tòn đê lộ gan ruột ra ngoài, gạc ruột ấy là thất bại thâm kín của chúng ta. Nếu muốn làm vỡ cái vỏ đang giam hãm chúng ta, thì chúng ta không thể nào trông vào những đặc quyền của nòi giống, của màu da, của kỹ thuật nữa: ta chỉ có thể nhập vào cái toàn thể, mà những cặp mắt đen kia không cho ta vào, bằng cách lột bỏ những cái áo lột trắng để chỉ cổ làm người mà thôi.

Dù sao nếu những bài thơ kia làm cho chúng ta xấu hổ thì cũng không phải do sự cố tình của những tác giả: họ có viết cho chúng ta đọc đâu; những ai là thực dân hay đồng lõa, khi lật cuốn sách này ra sẽ tưởng chừng như đọc trộm qua bờ vai người khác những hàng chữ không dành cho mình. Những tác giả da đen này nói với những người da đen và nói đến những người da đen; thơ của họ không chạm biếm mà cũng không chửi rủa: đây là một sự nhận thức. Các bạn bảo: «Vậy thì ngoài giá trị tài liệu ra nó làm cho chúng ta thích ở điểm nào? Chúng ta đâu có thông cảm nổi.» Tôi muốn chỉ cho các bạn con đường của thể giới da đen và chứng minh rằng thi ca này thoát đầu có vẻ vụng về nhưng thật ra là tiếng hát của mọi người và cho mọi người. Thêm lại, trong bài này tôi nói với những người da trắng và tôi muốn thật thích cho họ những gì người da đen đã biết: tại sao phải bắt buộc qua một kinh nghiệm thi ca mà người da đen, trong vị trí hiện tại của họ, trước tiên mới nhận thức được bản thân mình và ngược lại, tại sao thi ca da đen bằng Pháp-ngữ ngày nay lại là thi ca cách mạng duy nhất.



Nếu giai cấp vô sản da trắng ít dùng đến thi ca để nói lên những khổ đau, những nỗi ức hay niềm kiêu hãnh, thì cũng không phải là một sự ngẫu nhiên; và tôi cũng không tin rằng những công nhân không có «tài» bằng những cậu ấm của chúng ta: cái «tài» thiên phú sẽ mất

hết ý nghĩa một khi người ta cho rằng nó phổ biến ở giai cấp này hơn ở giai cấp khác. Cũng không phải một công việc nặng nhọc làm cho họ mất cả sức ca hát : những người nô lệ ngày xưa còn làm việc mệt nhọc hơn, thế mà bây giờ chúng ta còn giữ được những khúc hát của người nô lệ. Phải công nhận điều này : chính là hoàn cảnh hiện tại của cuộc đấu tranh giai cấp đã làm cho người thợ quên lãng tiếng nói thi ca. Bị kỹ thuật áp bức, họ muốn trở thành kỹ thuật gia vì biết rằng kỹ thuật sẽ là phương tiện giải phóng ; nếu một ngày kia họ phải kiểm soát công việc quản trị các xí nghiệp thì họ chỉ có thể thành công với sự hiểu biết và nghề nghiệp, kinh tế và khoa học. Về cái mà những nhà thơ gọi là Thiên nhiên họ có một sự hiểu biết sâu xa và thực tiễn nhưng do ở chân tay hơn là do ở mắt ; với họ Thiên nhiên là Vật chất, là sức đề kháng thụ động, là trở lực vô tri và đen tối mà họ cày xới bằng dụng cụ ; Vật chất không ca hát. Đồng thời giai đoạn hiện tại của cuộc chiến đấu đòi hỏi ở họ một hành động liên tục và có hiệu quả : tính toán chính trị, dự liệu đúng đắn, kỷ luật, tổ chức quân chúng ; ở đây mơ mộng là phản bội. Duy lý, duy vật, duy nghiệm, những chủ đề trọng yếu này của cuộc chiến hàng ngày rất ít thuận lợi cho việc sáng tác những huyền thoại thi ca. Huyền thoại cuối cùng, huyền thoại « chiến vĩ đại » đã từng nổi danh, nay nhường bước cho những nhu cầu của cuộc đấu tranh : trước tiên phải lo đến những việc khẩn thiết nhất, chiếm điểm này, chiếm điểm kia, yên cầu tăng số lượng nuy-lê, quyết định cuộc đình công đoàn kết này, cuộc chống đối chiến tranh Đông Dương kia, chỉ có hiệu quả là đáng kể. Dĩ nhiên là giai cấp bị áp bức trước tiên phải tự nhận thức, nhưng chính sự nhận thức này lại ngược với công việc đi vào bản ngã, vấn đề ở đây là nhận rõ, trong hành động và do hành động, vị trí khách quan của giai cấp vô sản giai cấp này có thể được định nghĩa bằng, đơn giản hóa bởi sự áp bức đè nặng lên cả cũng như lên mỗi người và bởi cuộc chiến đấu chung, những công nhân không còn biết đi tại đâu hành động. Tự nhận thức đối với họ là định rõ vị trí của mình giữa những lực lượng to lớn chung quanh, là định rõ chỗ của mình trong giai cấp và chức năng của mình trong Đảng. Chính ngôn ngữ của họ cũng không có những chỗ hờ của định ố; những chỗ thiếu chính xác thường xuyên hay những trở biến nghĩa điểm ảo tạo nên. Tiếng nói của thi ca. Trong nghề nghiệp họ dùng những chữ chuyên môn và dịch xác, còn ngôn ngữ của những đảng cách mạng, Parain đã chứng minh tính chất thực nghiệm của nó : dùng để truyền lệnh, ra chỉ thị, trao tin tức, nếu nó mất tính cách chặt chẽ, Đảng sẽ tan rã. Do đó chủ nghĩa dân bản bị loại bỏ, thế mà thi ca lại bắt buộc phải chủ quan, đặt cấp vô sản thành một loại thơ xã hội mà vẫn bắt nguồn từ chủ thể,

xã hội trong mức độ chủ quan vừa đúng, một loại thơ dựa trên thất bại của ngôn ngữ mà vẫn làm cho mọi người hăng say, và hiểu được như một chỉ thị rõ ràng nhất hay là như câu « Dân vô sản toàn thế giới, hãy đoàn kết lại » mà người ta đọc thấy ở ngưỡng cửa Liên xô. Nếu không, thì ca của cách mạng tương lai sẽ vẫn ở trong tay những thanh niên tư sản có thiên chi mà nguồn cảm hứng xuất phát từ những mâu thuẫn tâm lý, từ sự trái ngược của lý tưởng giai cấp, từ chỗ mập mờ trong ngôn ngữ cũ kỹ của người tư sản.

Người da đen cũng là nạn nhân, như người công nhân da trắng, của cơ cấu tư bản của xã hội chúng ta; vị trí này cho họ thấy sự liên đới chặt chẽ vượt qua ranh giới màu da với một số giai cấp người Âu cũng bị áp bức như họ, và làm cho họ dự phóng một xã hội không có đặc quyền trong đó màu da sẽ chỉ là một điều bất thường. Nhưng nếu sự áp bức là một thì đồng thời nó cũng tùy theo hoàn cảnh lịch sử và địa dư: người da đen là nạn nhân, vì là da đen, với tư cách dân bản xứ bị trị hay là người Phi châu bị đầy á. Bị áp bức trong chủng tộc và vì chủng tộc, nên trước tiên người da đen phải nhận thức chủng tộc của mình. Nhưng, ai qua bao thế kỷ đã cố biến họ thành súc vật, vì họ da đen, bây giờ họ phải bắt buộc những người ấy công nhận họ là người. Nhưng ở đây không có lối thoát, không có gian lận và cũng không có sự « qua lằn ranh giới »: một người Do thái, da trắng giữa những người da trắng, có thể chối mình là Do thái và nói là mình là người giữa những người khác. Người da đen không thể chối mình là da đen và cũng không thể đòi hỏi cái nhân tính không màu sắc ấy: họ đen cơ mà. Vì thế họ bị đẩy về đích thực tính: bị chửi rủa, bị làm nô lệ, họ vươn mình lên, nhặt lấy chữ « da đen » mà người ta ném vào mình như một hòn đá, và đòi quyền làm người da đen, trước mặt người da trắng, trong niềm kiêu hãnh. Sự đoàn kết sau cũng giữa những người bị áp bức trong cuộc chiến đấu chung phải được dẫn đầu ở những thuộc địa bằng cái mà tôi gọi là lúc phân ly hay là lúc chối từ: thuyết chủng tộc bằng kỹ thi chủng tộc này là con đường duy nhất dẫn đến việc bãi bỏ những khác biệt nội giống. Không có cách gì khác nữa. Trước khi đoàn kết lại và được tổ chức hẳn hoi trong nước, những người da đen làm sao có thể trông vào sự giúp đỡ của giai cấp vô sản da trắng xa vời và phải lo đến những cuộc đấu tranh của chính mình? Và lại cũng cần phân tích kỹ lưỡng mới nhận thấy sự tương đồng của những quyền lợi sâu xa sau những điều kiện bên ngoài có vẻ khác biệt: dù muốn dù không người thợ da trắng vẫn hưởng được ít nhiều trong chính sách thực dân; mức sống của họ thấp mấy đi nữa cũng còn phải thấp hơn nếu không có công cuộc chinh phục. Dù sao họ cũng không bị bóc lột trắng trợn bằng người thợ công, nhất ở Da-kar hay Saint-Louis. Hơn nữa việc trang bị kỹ thuật và kỹ nghệ hóa những nước Âu-Châu cho phép người ta nghĩ rằng những

biện pháp xã-hội-hóa sẽ có thể được áp dụng ngay, nhưng nhìn từ Sénégal hay Congo, xã-hội chủ-nghĩa trước tiên hiện ra như một giấc mơ đẹp : để cho những nông dân da đen thấy đó là kết: cuộc thiết yếu của những đòi hỏi tức thời ở địa phương, trước hết họ phải cùng nhau nhau nói lên những đòi hỏi, vậy là họ phải ý thức mình là người da đen.

Nhưng căn bản của sự nhận thức này khác với điều mà chủ nghĩa mác-xít tìm cách gọi lên nơi người thợ da trắng. Ý thức giai-cấp của người công nhân Âu-Châu được hướng đến lợi tức hay thắng dư giá-trị, đến những điều-kiện hiện thời của vấn đề chiếm hữu các công cụ, nói tóm lại đến những đặc tính khách quan của vị trí của mình : trái lại, vì sự khinh bỉ của người da trắng đối với người da đen — không có chút gì tương đương trong thái độ của người tư sản đối với giai cấp thợ thuyền — thọc sâu vào tâm hồn họ, những người này phải đưa ra một cái nhìn đúng hơn về chủ quan da đen để chống lại; vì thế ý-thức chủng tộc trước tiên được hướng đến tâm hồn đen, hay là — vì chữ này trở đi trở lại nhiều lần trong tuyên tập — nói cho đúng hơn, đến một tính chất chung của những tư tưởng và những thái độ của người da đen mà người ta gọi là hắc tính. Nhưng muốn dựng nên những ý niệm chủng tộc chỉ có hai cách : chuyển qua địa hạt khách quan một số đặc tính chủ quan hay là biến thành chủ quan những hành vi có thể quan sát một cách khách quan được. Vì thế người da đen khi đòi hỏi hắc tính của mình trong một trào lưu cách mạng tức khắc đặt mình vào lãnh vực của Tư tưởng, hoặc vì họ muốn tìm lại nơi mình một số đặc tính có thể thấy được một cách khách quan trong những nền văn minh Phi Châu, hoặc là họ hy vọng tìm được Bản thể đen trong đáy lòng mình. Thế là hiện ra sự chủ quan, mối quan hệ giữa mình và mình, người thợ mà người công nhân đã mất. Người da đen khi kêu gọi những bạn đồng chủng tự nhận thức sẽ cố trình bày hình ảnh gương mẫu của hắc tính và quay về nắm lấy hình ảnh ấy trong tâm hồn mình. Họ mục cũng một lúc là gương và đèn, nhà cách mạng đầu tiên là người đi lên tuyên cáo tâm hồn đen, là người phát ngôn giết hắc-tính từ mình ra để đưa lên cho thế giới biết ; một nửa là tiên tri, một nửa là chiến sĩ, họ làm nhiệm vụ nguyên thủy của thi nhân. Thi ca da đen không có một chút gì gọi là thổ lộ tâm tình : đây là một thứ thi ca công dụng đáp ứng một nhu cầu. Các bạn thử lật một tuyên tập thơ, da trắng ngày nay mà xem. Các bạn sẽ thấy hàng trăm đề tài khác biệt tùy theo tình tình và nỗi lo lắng của tác giả, tùy theo giai cấp và quốc gia.

(còn nữa)

PHẠM HÙNG dịch

leopold sedar senghor



LÉOPOLD SÉDAR SENGHOR ở Liên bang MALI (Senegal),
đã xuất bản bốn tập thơ, nhiều bài báo, và một tuyển tập
thi ca Phi-Châu ông từng là đại biểu Sénégal tại Quốc Hội
Pháp ở Paris và là chủ tịch Hội đồng Liên Bang MALI.

cho những toán quân mỹ da đen

Trước kia, tôi không công nhận các anh giam mình trong
bộ quân phục từ tưng bạc màu

Tôi không công nhận các anh bó rọ dưới chiếc nón sắt bóng nhẵn

Tôi không công nhận tiếng hí rền rĩ của những con ngựa sắt
Tổ của các anh chúng chỉ uống mà không ăn

Thôi sự cao quý của loài voi, chỉ được cái vể vụng về man
rợ của nhữ con vật thời tiền sử

Sau nét mặt rắn rỏi của các anh, tôi không công nhận các anh

Tuy nhiên tôi chỉ bắt bàn tay đen ẩm của các anh — tên tôi là
Phi-Châu

Và tôi lại nhận ra những giọng cười đã mất, những tiếng
nói xa xa, những giọng thác lữ âm ỉ CONGO

Hỡi các anh, tôi nghi ngờ chính các anh đã oanh tạc những
thánh đường là niềm hãnh diện của Âu Châu

Hay các anh là sấm sét trong tay Thượng đế đã tàn phá SODM
và GOMORRAH

Không, các anh là sứ giả của tình thương, là cơn gió ấm
mùa xuân sau mùa đông lạnh lẽo

Cho những ai đã quên mất nụ cười — những ai chỉ nhếch
nửa vầng môi

Những ai chỉ biết vị mặn của nước mắt và mùi tanh nồng của máu

Các anh mang lại mùa xuân thanh bình hy vọng trong lặn
cùng tuyết vọng.

Làm mát dịu những đêm thanh với giọng sữa ngọt

Và những cánh đồng xanh của bầu trời đã phủ đầy hoa

Niềm im lặng dịu dàng ca hát, các anh đem đến mặt trời

Không khí trong lành với tiếng nước róc rách, tiếng chim
ca réo rắt và tiếng vỗ cánh êm êm

Và không gian đã trở thành lò ấm

Phổ xá dập dìu trẻ con hí hửng nô đùa với mộng

Người ta nhảy múa trước mây mướt và ngạc nhiên chợt hát
vang lừng

Mi mắt sinh viên rải rác những cánh hoa hồng

Trái cây chín trên ngực nàng trinh nữ

Và đôi móng phụ nữ nở nang trầu nạng đẹp vô cùng

Hỡi đồng bào da đen, những chiến binh miệng ca hát nở h

Sinh tha bùng lên khi mùa đông chấm dứt

Tôi xin chào anh em như sứ giả hòa bình!

LÉOPOLD SÉDAR SENGHOR

LÊ VINH-THỌ dịch



**Những người
trẻ da đen
giữa
lòng giã
trắng**

(tiếp theo)

TRẦN TRIỆU-LUẬT

4. Trước ngã ba đường tiến bộ.

Nhưng tâm hồn hướng về với quê hương, với đất mẹ của người con trẻ tuổi không hoàn toàn chỉ đơn sơ, thuần hậu có thể. Nhìn nhận rõ rệt hơn về quê hương, về đồng bào, về dĩ vãng, bất cứ người thanh niên nào tự nhận là tiến bộ cũng đều phải đắn đo trước một dứt khoát phải minh định. Thật là rõ rệt đến không thể nào chối cãi: đất mẹ yêu dấu của mình giữa thời đại, trước thế giới vẫn bày ra tất cả vẻ què mùa, cục mịch. Hay rõ rệt hơn, lạc hậu và chậm tiến trong tệ đoan, cổ tục vẫn là những từ ngữ gán cho xứ sở không tài nào chối cãi.

Cho nên, giải phóng khỏi thực dân là một đảng, xây dựng tiến bộ văn minh lại là một đảng khác. Và khi chọn làm cho mau con đường thứ hai này, người trẻ lại phải định thái độ trước khi bước đi. Hoặc từ chối hẳn dĩ vãng để bước theo kịp và theo in hệt Tây phương. Hoặc cố tìm lấy trong kho tàng xứ sở, trong tiếng nói đất mẹ, trong hồn thiêng lịch sử những truyền thống để làm gạch đá xây nền.

Với Benjamin Matip, tác giả *AFRIQUE NOUS T'IGNORONS*, nhà văn tuy mới bước vào văn nghiệp nhưng trẻ trung, nhiều hứa hẹn sau này, thì chỉ có một chọn lựa dứt khoát là từ bỏ như con đường thứ nhất vừa kể. Bởi, đối với ông, ánh sáng của quá khứ hầu như đã hoàn toàn tàn tạ, đã lặn vào bóng tối thời gian. Và giữa những mảnh vụn còn lại của lịch sử, những ngày qua, ông chỉ nhìn thấy:

«Quá khứ, đó là kho tàng của những bậc già lão. Họ tìm trong đó kỷ niệm xa xôi, khúc phim tranh đấu cũ, và cả những lầm lẫn của họ».

Đối với ông, «những vinh quang của họ, những chiến thắng của họ cũng như những thất bại của họ, tất cả những thứ đó, chẳng còn gì». Với ông, điều đáng kể chính là đời sống tương lai, chính là những ngày khó nhọc phải xây dựng xã hội ngày mai. Cho nên tuy «Phi châu có lẽ có thể hăng diện về quá khứ đó, nhưng với tôi nó chẳng còn lại gì, chẳng còn lại gì ngoài cảnh tượng tui nhục này, ngoài trống rỗng và hư không trước vô cùng. Phi Châu, mày đã làm gì quá khứ của mày? Mày dẫu nó cho ngày mai? Hay mày yên lặng tựa thềm đã chết không hồi sinh, đã hấp hối không chậm trễ hay chỉ là ngưng nghỉ một thời? Mà lịch sử nhân loại thì biết gì đến những ngưng nghỉ của mày?» (14)

Có lẽ ý kiến của Benjamin Matip theo cùng với cuồng nhiệt tuổi trẻ, đã đặt ông đứng hẳn, hàng ngũ cực đoan. Nhưng dẫu sao, qua ý nghĩ của nhân vật Samuel, người thanh niên còn đang theo học tại kézzaé, ta thấy rõ với ông, với những người trẻ tuổi như ông, chỉ có một con đường dứt khoát cho Các Dân Mạn. Đó là con đường, đòi hỏi phải mạnh bạo chống đối lại những do dự, trù trừ, nắn nắn xoay quanh của những người già, những người cò.

(14) *Anté-logie de la littérature négro — africaine*, tome I, Romanciers et conteurs, Léonard Sainville, p. 42.

Nhưng đó vẫn chỉ là ý kiến đại diện cho một phía những người trẻ da màu trước chậm trễ trên con đường tiến bộ của xứ sở so với Tây phương. Với những tâm hồn cũng tha thiết và nhiệt tình không kém trước tiến bộ, kỹ thuật hóa, khoa học hóa xứ sở, ta lại gặp những nhận định khác hẳn. Đây là ý hướng của những người tuy trẻ nhưng vẫn nhìn nhận ra được khuyết điểm của những thành phố kiến trúc Tây phương và vì đó, trở về rừng tìm tìm tôi lại bề sâu cho tâm hồn mà hành trình diễn tả trong bài thơ *Au plus profond des terres* của *Abioseh Nicol* (Sierra Leone) biểu lộ rõ ràng :

El je revins

*Au long des côtes de guinée
Tout plein des charmes compliqués
De vos neiges et belles cités :
Dakar, Accra et colonou,
Lagos, Bathurst, et puis Bissau,
Et puis Freetown ou Libreville
La liberté n'est qu'à l'esprit.*

*Ils disaient : Va dans les terres
Et vois la véritable Afrique.
D'où que tu vienes
C'est de là que tu viens.
Va dans la jungle — au plus profond
Tu trouveras ton cœur caché
Ton âme ancestrale
Et silencieuse.*

El je partis

Dansant sur mon chemin. (15)

(Rồi tôi trở về

*Dọc theo bờ biển xứ Guinée
Nơi tràn đầy những mê hoặc muôn màu
Của những thành phố mới và đẹp :
Dakar, Accra và Colonou
Lagos, Bathurst, và rồi Bissau,
Và rồi Freetown hay Libreville
Mà tự do chỉ ở trong tâm tưởng.*

*Họ bảo : Anh đi vào lòng đất
Để thấy lại Phi châu đích thực.*

(15) Anthologie africaine et malgache, textes choisis et présentés par Langiton Hughes et Christiane Reygnault, Ed Seghers, p.175; An African treasury, selected by Hughes 175.

Nơi mà anh tìm tôi
 Đó là nơi anh đến
 Hãy đi vào rừng rậm — ở tận trong cùng đó
 Anh sẽ thấy trong lòng anh ẩn dấu
 Linh hồn của tổ tiên anh
 Trầm lặng
 Rồi tôi bước đi
 Nhảy nhót trên con đường của tôi.)

Tuy vậy, cũng như bất cứ một xã hội đang xáo trộn, biến đổi nào, xứ sở Phi Châu vẫn bày ra rõ ràng những đứt khoát đi vắng để theo mới hoàn toàn hoặc tìm về quá khứ làm nền xây dựng tương lai trong những cuộc tranh chấp mới cũ, khi ngấm ngấm lúc bộc phát, giữa các thế hệ trẻ già cùng sống chung trong gia đình, làng mạc. Trong cuốn truyện SOUS L'ORAGE (Trong cơn dông tố) của Seydou Badian, ta được chứng kiến tầng lớp thanh niên đang sửa soạn vào đời phải đối diện với phụ huynh vẫn còn bo bo với tập tục, quan niệm hôn nhân cổ truyền. Như thế, kể chuyện những người trong gia đình bất đồng ý kiến về hôn nhân, tình yêu, Seydou Badian cũng đặt chúng ta trước những vấn đề xã hội mới cũ chẳng khác gì trong những tiểu thuyết luận đề, phong tục của Nhất Linh, Khái Hưng thuộc Tự Lực văn đoàn những năm tiền chiến. Ở đây, trong Sous l'orage, ta được gặp nhân vật Loan của Đoàn Tuyết gả cho một thương gia giàu có là Famegan. Nhưng khi đi học, cô lại quen biết Samou; và dựa trên hiểu biết mới, lại thêm nhiệt tình vì đồng lứa tuổi, anh em Kany phải tán thành tình yêu chân thực lẽ dựa trên cơ tục bênh vực Famegan. Và giữa những khác biệt, trình bày cho ta đầy đủ mọi sắc diện, khía cạnh của xã hội đổi thay yếu, hai chiều hướng chính vẫn là hai chiều hướng đưa tới tận cùng cực đoan như ta vừa thấy trên.

Tuy nhiên, giữa những diễn tả cực đoan như thế, ta lại may mắn có được một trình bày khác hẳn của người bác sĩ da đen Frantz Fanon (16). Theo tác giả trẻ đầy hứa hẹn nhưng lại mất sớm

(16) Đ. «Những kẻ trầm luân ở trần gian», Nguyễn Văn Trung, nhận định III, Nam sơn xuất bản, trang 146-153

này, với những người Phi Châu, những người đang «trăm luan ở trần gian» (LES DAMNÉS DE LA TERRE), chỉ có một con đường để đi là con đường mình tự tạo cho mình, mình phải khám phá trước thực tế đời sống. Con đường đó không là con đường duy trì cũ vãng, nề cò, tiếp tục truyền thống, bảo tồn văn hóa xưa cũ. Con đường đó cũng không là con đường đi theo bước mòn Tây phương, cóp nhặt in hệt xã hội Âu Mỹ. Con đường đó, nói một cách thật gọn và ngắn, chính là con đường hướng đi lịch sử giải phóng vừa mở ra: con đường đặt mình vào tự kiến tạo và tự giải thoát cho mình bằng chính sức lực của mình, trong hoàn cảnh sống của mình và đáp ứng thỏa đáng nguyện vọng chính thực của mình.

5. Những vấn đề cấp bách trước mắt.

Nhưng dù đứng ở khởi điểm nào nhìn về viễn trình tự tạo những tân quốc gia, bất cứ người trẻ Phi Châu nào có lẽ cũng phải nhận rõ những khó khăn phức tạp của xứ sở mình. Những khó khăn đó đặt ra rất nhiều vấn đề mọi phạm vi chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục. Bởi vì, trong những năm vừa qua, theo như nhận định của *Monnerot*, «cách mạng vẫn chỉ là một ảo tưởng. Thực tế cho biết cách mạng đã không có. Hai trăm triệu dân Phi Châu đã được giải thoát khỏi ách thống trị của thực dân chẳng? Đúng thế, nhưng chẳng có gì đổi thay. Dân Phi Châu đã cực khổ trong chế độ thực dân, họ vẫn còn đang cực khổ giữa nền độc lập. Một cuộc cách mạng không gì khác hơn là một thay đổi những kẻ thượng lưu lãnh đạo, và Cách Mạng Phi Châu như thế chẳng có ý nghĩa gì ngoài ý nghĩa đánh đổi một thượng lưu lãnh đạo da trắng bằng thượng lưu lãnh đạo da đen, da nhợt; quần chúng đông đảo những người Phi châu vẫn mãi mãi ở trong tình trạng họ đã chịu đựng từ bao lâu nay: khổ cực trong bệnh tật, bị lợi dụng, đói ăn và vô hy vọng». (17)

Cho nên, theo dõi những người thanh niên tri thức da đen cầu học giữa những thành phố lớn Tây phương trong truyện KOCUMBO, L'ÉTU DIANT NOIR của nhà văn *Ake Loba*, xứ Côte d'Ivoire, ta được thấy như *Sainville* nhận định, biết bao nhiêu vấn đề phức tạp đặt ra cho những người trẻ da đen, tự coi như mất gốc. Hơn nữa, trước những vấn đề đó, họ bối rối, họ lạc hướng, họ chẳng biết thực sự mình ước muốn gì và giải quyết vấn đề cho thật sát thực tế ra làm sao. Cho nên, anh chàng Kocumbo trong truyện chơi với giữa đất Pháp. Anh thấy bên mình, ngay khi vừa đặt chân xuống tàu, đã biết bao người qua đi và ý nghĩ khác

(17) Jean Ziegler, op.cit., p.15.

biệt. Rồi lạc vào giữa đám bạn bè, kẻ chơi bời, trụy lạc, kẻ say sưa học hành, kẻ mê mải chiến đấu, hành động như người sinh viên Cộng sản Abdou. Anh lại hiểu, khi tới ở với Nadan trong cư xá sinh viên Phi châu da đen, thế nào là đói, là bệnh tật, là suy sụp tinh thần. Khi thành thợ và yêu Denise, một nữ chiến sĩ Cộng sản, anh đã tưởng tìm ra đất đứng nên tranh đấu say mê. Nhưng biều tình, Denise chết. Và lại một lần nữa, anh lâm vào khủng hoảng tinh thần. Và có lẽ với những biến chuyển đời sống như thế, Kocumba vạch rõ cho ta hình ảnh người thanh niên trí thức trẻ trung giữa nơi đất sống náo nhiệt Tây phương. Và cũng chính ở giữa nơi đất óc và bàn tay trẻ mà người Mẹ Phi châu đã được ca tụng phải tự hào và hãnh diện:

«Trong vòng mười hoặc mười lăm năm trở lại đây, ai đã từng qua thăm một trường Đại học hoặc một trường Cao đẳng tại Pháp hay Anh quốc mà chẳng nhớ lại, thường khi trong xúc động, sôi nổi, tranh luận, dự ước, bất bình, phẫn nộ, vì cố gắng phác họa xuất hiện những biên giới được tạo dựng lại, những xã hội công bằng và tự do, nơi mà cả một dân tộc được mãi mãi sung sướng sống trong hòa bình và thịnh vượng. Quả vậy, phần đông những hội viên của Tổng đoàn sinh viên Phi châu da đen, hội viên của C.E.E sùng hy sinh. Nhiều người trong họ đã chứng tỏ điều đó. Nhưng cay cho phần lớn bọn họ. Nhiều người đã bị lột trần ảo tưởng. Một thất bại khó hiểu của cuộc Cách Mạng cho một phần bội mà họ tự cái là Phi châu ngày nay chẳng đáp ứng đúng giấc mơ của họ có khi thất bại thì tất là không đủ biện giải cho những mâu thuẫn nội tại mà đa số xã hội Phi châu ngày nay chịu đựng trong đau khổ». (18)

Cho đến nay, những giấc mơ Cách Mạng họ đã hằng đêm, hằng ngày mơ ước và cố công gây dựng vẫn chưa đạt nổi. Nhưng chưa đạt nổi, hoặc còn rất lâu mới đạt nổi, thì họ vẫn sống với ý thức thanh niên tinh đó, họ vẫn liên tục nhìn nhận được những nhiệm vụ thường nhật nhưng cấp bách phải làm. Và sống;

(18) Jean Ziegler, *op.cit.*, p.13

học, đọc, nghĩ và làm như vậy, họ còn nhận ra được những thụ động, buông xuôi, trụy lạc, sa đọa của một số không nhỏ anh em bạn bè họ :

« Abdou đã thấy ở Phi châu sự khốn khó dưới mọi hình thức và càng bị xúc động hơn sau chuỗi ngày lưu trú ở Âu châu. Anh đã đau đớn khi nhận thấy trẻ sơ sinh yếu tử, mà thổ dân buộc tội cho ác thần, chẳng qua chỉ là do thiếu vệ sinh hoàn toàn ; mười đứa trẻ mà sống tới tuổi trưởng thành chỉ có ba : đời sống chỉ còn cho những kẻ mạnh nhất. Sau hết, anh không thể chịu đựng nổi mà không nổi loạn trước các chết khi sinh nở của biết bao thiếu phụ trẻ trung mà anh thấy trong trí tựa như một loài ruồi nhỏ chết ngay vừa khi ban phát đời sống. Vì thế, anh đã hăm hở muốn hiến mình để chữa chạy tình trạng đó. Phi châu ngày nay, như anh thường nói, chẳng có được hy vọng và danh dự nếu đã không có những công trình đã hăng hái gây dựng không nghỉ ngơi, không an hưởng thanh nhàn... (19) cho nên, dưới mắt anh, tất cả sinh viên Phi châu đã bỏ mất thời giờ vào vui chơi thay vì chăm chỉ học tập hay miệt mài vào một chấp nê nào đó không đáng mà còn nên khinh khi. » (19) Và chính từ những nhận định về bạn bè như thế nên anh đã đưa tư tưởng cùng lòng hào hiệp cuồng nhiệt hướng về phía những ý thức cực đoan chủ trương hy sinh cá nhân cho lợi ích của cộng đồng » (19)

Với người sinh viên theo học y khoa thì cái nhìn hướng về xã hội đã dừng lại ở đau khổ vì bệnh tật của quần chúng. Với người trí thức trẻ chọn viết văn, làm thơ, thì cái nhìn hướng về xã hội tuy cũng quy vào quần chúng, nhưng lại tìm về quần chúng theo một cách thể riêng biệt tạo nên bởi phương tiện riêng : ngòi bút. Và riêng theo I.W.W. Cilashe ở Nam Phi châu, ngòi bút, được đồng hóa với khí giới :

Volre belail est parli

Hommes de mon pays.

Sauvez-le ! Sauvez-le !

Mais laissez le fusil

Et prenez la plume,

L'encre et le papier

C'est votre bouclier.

Vos droits s'en vont !

Alors prenez la plume

*Et chargez-la, chargez-la d'encre.
Assis, tout armés
Sans hésiter,
Faites feu de votre plume !*

*(Gia súc của bạn đi mất,
Hỡi người bạn thuộc xứ sở tôi.
Hãy cứu lấy nó ! Hãy cứu lấy nó !
Nhưng bỏ ngay súng xuống
Mà cầm lấy ngòi bút,
Mực và giấy
Đó là cái khiến cho bạn.*

*Quyền lợi của bạn đang bỏ đi mất !
Thì hãy cầm lấy ngòi bút
Và nạp vào, chăm vào mực.
Bạn ngồi xuống, với vũ khí trang bị đầy đủ
Không do dự,
Bạn, hãy chăm lửa vào ngòi bút bạn.)*

6. Chúng ta cùng những đường chỉ tay

Đề được rõ rệt hơn, ta có thể nói tựa như Léonard Sainville là khi Phi châu nổi lên và nhịp bước chạy về phía độc lập thì liền đó nhà văn, nhà thơ, người viết truyện kể cũng sắp hàng và cất cao những lời ca hòa nhịp.

Cho nên, tuy là nảy sinh vì được tiếp xúc với văn minh Tây phương, nhưng nền văn chương Phi châu da đen mà ta vừa biết sơ lược qua con đường tìm vóc dáng người trẻ da đen, vẫn luôn luôn có tính chất mạnh mẽ, mang sức hào hùng chiến đấu và thâm dày sức sống vươn cao.

Nền văn chương này vì thế, tuy viết bằng ngoại ngữ, Pháp hay Anh ngữ, nhưng vẫn luôn luôn là nền văn chương có bản sắc độc đáo riêng của nó. Nghĩa là, nói như Jean-Paul Sartre (21), nền văn chương mà những người da đen viết chính cho những người da đen và để nói về chính những kẻ da đen. Và trong ý hướng sáng tác như thế, nền văn chương đó chính là nền văn chương cách mạng, nền văn chương tự định đặt ý thức về chính mình.

(20) *Anthologie africaine et malgache*, cit; *An African treasury*, p. 189.

(21) *Orphée noir*, précédée par Jean-Paul Sartre, *Anthologie de la nouvelle poésie nègre et malgache de langue française*, pp. XI-XII.

Cho nên, như tấm gương soi sáng tâm hồn cho chính mình và người khác nhìn nhận ra vóc dáng đích thực của mình, nên văn chương trẻ và đầy sức sống của Phi châu vừa nổi dậy này còn đồng thời là ngọn đuốc soi đường cho cả nhiều thế hệ đang trôi dạt, vươn lên đứng thẳng và đứng hiên ngang.

Với những người trẻ, nên văn chương này vì thế rất gần họ. Mà thật ra, phải nói là chính nên văn chương này là nên văn chương do họ tạo ra, để họ viết về họ, nhận định về họ và xử sở dĩ sản truyền thống cũng như tiến bộ thời đại hầu, từ đó, họ tìm ra ý thức cho họ, họ khơi lên con đường Cách Mạng cho tổ quốc họ. Và đồng thời ở khởi điểm đó, họ dâng hiến cho đời sự mạng làm người và cho ta, những thanh niên đồng lứa tuổi, cùng thời đại và trong hoàn cảnh như họ, những kinh nghiệm, những gương mẫu, những tâm tình, những thái độ cũng như những đường hướng tổng quát và toàn diện.

Và trong viễn tượng như thế, tuy giữa lòng giấy trắng, chỉ mới phác họa sơ khởi vài nét chính về những người trẻ da đen Phi châu dựa trên mấy cuốn thi văn tuyên và một số tài liệu thâu thập vội vàng, chúng ta cũng muốn ở đây hòa nhịp theo họ cất lên tiếng ca về con đường định mệnh, con đường số phận cùng chung với họ:

*Les lignes de nos mains
Ne sont point des parallèles
des chemins en montagnes
des gerçures sur troncs d'arbres
des traces de luttes homériques.*

*Les lignes de nos mains
ne sont point des longitudes
des boyaux en tranchées
des sillons dans les plaines
des raies en chevelures
des pistes dans la brousaille*

*Elles ne sont point
des ruelles pour les peines
des canaux pour les larmes
des ringoles pour les haines
des cordes pour pendus
ni des portions
ni des tranches
ni des morceaux*

de ceci... de cela...

Les lignes de nos mains
ni Jaunes
ni Noires
ni Blanches

ne sont point des frontières
des fossés entre nos villages
des filins pour lier des faisceaux de rancœurs.

Les lignes de nos mains
sont des lignes de Vie
de Destin
de Corur
d'Amour.

de douces chaînes
qui nous lient
les uns aux autres
les vivants aux morts.

Les lignes de nos mains
ni blanches
ni noires
ni jaunes,

Les lignes de nos mains
Unissent les bouquets de nos rêves (22)

(Những đường chỉ tay của chúng ta
chẳng là những vĩ tuyến
Những con đường đưa lên núi
Những vết nứt trên thân cây
Những dấu tích của bước đường tranh đấu của Homère.

Những đường chỉ tay của chúng ta
chẳng là những kinh tuyến
Những đường hầm quanh co
Những luồng gió nơi đồng bằng
Những đường rẽ trên mái tóc
Những đường mòn thú vật chạy để lại trong bụi rậm.

Chúng chẳng là
những đường phố nhỏ cho cực nhọc
những kênh rạch cho nước mắt

(22) Les lignes de nos mains. Bernard B. Dadié (Côte d'Ivoire) Anthologie africaine et malgache, Langston Hughes et Christiane Reygasse, op.cit., pp.155-156.

những rãnh mương cho hận thù
những dây nợ cho kẻ phải treo cổ
cũng chẳng là những đoạn ngắn
những mếp mỏng
những mồi nhỏ
cho cái này... hoặc cái nọ...

Những đường chỉ tay của chúng ta
chẳng Vàng
chẳng Đen
cũng chẳng Trắng

chẳng là những biên giới
những hố sâu giữa lòng mạc chúng ta
những dây thừng cột chặt từng chúm oán hận
những đường chỉ tay của chúng ta
là những con đường của Đời Sống
của Định Mệnh
của Tâm Tư
của Tình Yêu

của sợi dây thân ái
ràng buộc chúng ta
người nọ với người kia
người sống với kẻ chết

Những đường chỉ tay của chúng ta
chẳng trắng
chẳng đen
cũng chẳng vàng

Những đường chỉ tay của chúng ta
Nối kết những bó hoa mộng ước của ta.)

TRẦN TRIỆU-LUẬT

(17.11.1986)

LANGSTON HUGHES

(1902-)

Langston Hughes sinh ngày 1 tháng 2 năm 1902 tại Joplin thuộc miền Missouri. Thuở thiếu thời ông sống với bố mẹ tại Midwest.

Cha ông là một người rất cực cần thủ lỗ và chỉ biết có đồng tiền. Mẹ ông trái lại là một người đàn bà tình cảm ông lớn lên trong cái cảnh cơm chẳng lành canh chẳng ngọt đó.

Được ít lâu sau cha ông quyết định rời bỏ Joplin để lên Mexique lập nghiệp. Bởi cha ông nghĩ chỉ có lên đó mới mong chóng làm giàu được thôi (Mexique lúc bấy giờ là một vùng kỹ nghệ khá phồn thịnh)

Mẹ ông nhất quyết ở lại. Bà không chịu từ bỏ nơi chôn nhau cắt rốn. Và tổn thảm kịch gia đình bùng nổ. Giải pháp: ly dị.

Người cha bị ám ảnh bởi giàu sang phú quý đã quên mất đứa con thơ, và vợ trẻ quên mất những nỗi nhọc nhằn của thân phận một người da đen. Từ đó vì phải mưu sinh ông thay đổi chỗ ở luôn. Hết ở chỗ này vài tháng lại đến ở chỗ kia một năm. Khi ông đang theo học năm thứ hai bậc tiểu học ở Topeka mẹ ông đành phải gọi ông về. Bà gởi ông sang cho ở với bà ngoại bên miền Lawrence? (thuộc Kansas). Nhưng cũng chẳng được bao lâu thì bà của ông mất. Cũng may nhờ có mấy người trong họ thương tình đem ông về nuôi. Năm ấy ông được 12 tuổi.

Mẹ ông tục huyền năm ông lên 14 tuổi. Bà đưa ông về sống chung với người dượng trong một ngôi nhà mà hai vợ chồng mới tựu được ở Lincoln (thuộc miền Illinois)

Cuối năm ấy (1916) ông phải bỏ học để theo mẹ và chuyển lên Cleveland, một miền có rất nhiều nhà máy kỹ nghệ nặng mới dựng nhằm đáp ứng cho các nhu cầu cấp bách của chiến tranh (vì lúc đó Âu châu đang có đại chiến 1918).

Nhờ tiền công cao nên gia đình Langston Hughes cũng sống được tạm đầy đủ.

Trong dịp phát phần thưởng ở trường học Lincoln ông đã viết một bài thơ cho cuộc lễ — đó là bài thơ đầu tiên của ông — và ông được bầu làm thí si của nhà trường nhờ bài thơ ấy.

Nhưng có lẽ lần ông cảm thấy sung sướng nhất là lần ông được thấy những bài thơ đầu tiên của ông in trên tờ «The Beffrey Owl» một tờ báo của trường Central Hight School xuất bản ở Cleveland.

Từ đó tên tuổi ông bắt đầu được nhắc nhở đến rất nhiều ở các trường trung học, một phần nhờ ở cá tính khá độc đáo của thơ ông, một phần này cũng khá quan trọng nhờ ở sự cổ vũ và khuyến khích của các giáo sư, hoặc đã từng dạy ông học hoặc chưa hề dạy ông những cảm mến thơ ông, cảm mến tài nghệ ông. Riêng giáo sư Carl Sandburg, đã nhìn thấy được vóc dáng lớn mạnh của thơ ông nên ông đã tiên đoán, thế nào Langston Hughes cũng sẽ gây được một ảnh hưởng sâu rộng trong nền thi ca, không những ở Hoa Kỳ, ở Mỹ châu mà còn ở khắp thế giới nữa. Vào lúc này thì cha ông lại thích sống gần ông để gây dựng tương lai cho ông. (bởi bấy giờ Langston Hughes đã lớn rồi) Nên năm 18 tuổi vừa mới ra trường Langston Hughes đã quyết định đi Mexique ở với bố đẻ.

Nhưng cuộc xung đột giữa hai cha con càng trở nên trầm trọng. Chàng thanh niên đang nhìn đời bằng con mắt tò mò muốn tìm hiểu vũ trụ và loài người bằng tâm tình nghệ sĩ của mình thì làm sao mà sống được với một người cha, lúc nào đâu óc cũng lo nghĩ toàn chuyện tiền bạc. Không những thế, cha ông còn muốn ông trở thành một tên mại bán.

Bất đồng với người cha hẹp hòi cổ chấp ham lợi, Langston Hughes lại còn ghét luôn cả các anh em ông. Bởi những người này đã chịu thua chột những cá tính, tài năng của người da đen, chịu khom lưng cho người da trắng lợi dụng vì ham tiền.

Chẳng bao lâu sau ông ly dị với vợ ông, bởi ông cho rằng vợ ông cũng mắc phải một tật xấu như mấy anh em ông.

Mùa thu năm 1911, nhờ số tiền trợ cấp của cha Langston Hughes ghi tên vào học tại trường đại học Clumbia. Nhưng suốt ngày ông chỉ lo đọc sách xem truyện chẳng quan tâm chi đến việc học cho lắm, chủ đích của ông là làm sao sống xa người cha cổ chấp ấy thôi. Một lần nữa vì ngưỡng mộ tài nghệ của một lịch sử ông đã bỏ phăng một ngày thi để đi theo bạn tài của người này đến nghĩa địa.

Chẳng bao lâu ông từ giả Columbia lên Harlem. Đến Harlem ông nhất quyết không quay lại Columbia bởi ở đây có nhiều điều cảm động hơn.

Tiền trợ cấp của cha không còn, ông phải tìm cách tự túc mưu sinh. Đây là cả một vấn đề cho một người da đen như ông. Nhưng rồi ông cũng tìm được một việc làm tạm nuôi sống tâm thân qua ngày.

Kể từ đó ông bắt đầu dẫn dắt phiêu lưu. Rồi liền tiếp ông thay đổi nghề nghiệp luôn. Hết làm thợ giặt ủi lại làm phu bến tàu, hết làm bồi trong những khách sạn lại đi ca hát trong những hộp đêm hoặc có khi lại đóng vai nhà mô phạm đi dạy học trong những trường sinh ngữ.

Sau chuyến du lịch vượt bể sang Phi châu, đến khi trở về ông hay tin mẹ ông đã bị người chồng thứ hai bỏ và bà phải quay về Hoa thịnh Đôn. Tháng 9 năm 1925 dịp này đã đưa đến cho đời ông khi ông gặp Vachel Lindsay tự khách sạn «Wardman Hotel».

Từ đó thơ ông bắt đầu xuất hiện trên nhiều tạp chí văn nghệ xuất bản ở Mỹ. Và trong một cuộc thi thơ ông đã được trao giải nhất.

Năm 1926 ông cho xuất bản tập thơ đầu tiên của ông mang tên là «The Weary Blues». Với tập thơ này Langston Hughes không những chỉ nổi tiếng ở Mỹ châu mà thơ ông còn gây được một xúc động mạnh mẽ trong số độc giả đông đảo ở Âu châu. Thật quả đúng như lời tiên đoán của Carl Sandburg trước đó 6 năm.

II

Langston Hughes là một thi sĩ da đen đã thể hiện gần trọn vẹn cả một đời sống ẩn ức và trỗi nổi của chính ông vào những tác phẩm thi ca của ông.

Thơ ông bi thảm nhưng hùng dũng, âm ỉ nhưng mãnh liệt. Ông nói đến cái thân phận tội mọi bất mãn của chính ông nhưng là nói đến cái thân phận tội mọi bất mãn của mọi người da đen.

Tuy cái không khí của thơ ông có nung nấu sôi bỏng thật nhưng là cái nung nấu sôi bỏng của ôn hòa cởi mở; tuy nó có giận dữ hằn học thật nhưng là thứ giận dữ hằn học của khoan khoái bao dung. Nó không bùng nổ đóng kín mà nó chan hòa bao la đầy nhân ái. Người đọc tất không thể nào quên được những điều này khi có dịp đọc đến thơ ông.

Ngoài ra ông được xem như là người đầu tiên đã mang được vào thi ca cái tinh thần sống động và thâm khốc của nhạc Jazz.

Hiện nay Langston Hughes được coi là một trong vài thi sĩ có đủ tầm quyền nhất để đại diện cho nền thi ca da đen hiện tại.

Những thi phẩm chính của ông là :

The weary Blues (xuất bản năm 1926)

Fine clothes to Jen (xuất bản năm 1927)

Selected Poems (xuất bản năm 1929)

Langston Hughes không những là một thi sĩ mà ông còn là một kịch tác gia và là một nhà văn có hạng nữa. vở kịch đáng chú ý nhất của ông là vở «Mullatto» (xuất bản năm 1928 nhưng phải chờ đến tháng 8 năm 1935 mới có dịp được trình diễn)

Và cuốn truyện đáng chú ý nhất của ông là quyển «Not Without Laughter» (xuất bản năm 1930).

Hãy đọc thơ ông và yêu ông.

TRẦN KIM-VŨ

(viết theo tài liệu của J.Wagner trong
Les poètes nègres des étatsunis)

biên giới

Tôi thường hay băng khuâng
về đời sống và cái chết —
và tôi nghĩ
giữa những giọt nước mắt với tiếng gào thét
đang tiềm tàng một sự gì khác biệt

Tôi thường băng khuâng
về thế giới bên này và bên kia
và tôi nghĩ
khắp đâu đây
chẳng có một khoảng nào ngăn cách

LANGSTON HUGHES
TRẦN KIM-VŨ dịch



THO'

L. Sédar Senghor
Sterling Brown
Langston Hughes
J. J. Rabéarivelo
Dei Anany
vô danh

langston hughes

nỗi thương tâm của mỹ châu

Lỗi là nỗi thương tâm của Mỹ châu

Là hòn đá cản trở cho nền Tự do

Là sự nhầm lẫn to lớn

Mà Jamestown (1)

Đã gây ra từ thuở nào

(1) Người ta còn nhớ vào tháng 8 năm 1919 chính Jamestown đã xua những người Phi châu đầu tiên đổ bộ lên đất liền, mà ngày nay con cháu họ vẫn còn ở khắp nước Mỹ.

Sự nhầm lẫn lớn lao của Mỹ châu là cứ ngỡ rằng có thể tước đoạt Tự do cho những người Mỹ này mà chẳng cần cho họ hưởng lấy một công lao xứng đáng của họ. (ghi chú của người dịch theo tài liệu của J. Wagner)

langston hughes

người da đen nói về những dòng sông

Tôi đã biết những dòng sông

Tôi đã biết những dòng sông cũ như quả đất và lâu đời hơn những
dòng máu chảy trong huyết quản loài người

Linh hồn tôi lớn lên sâu thẳm như những dòng sông

Tôi đã tắm trong dòng Euphrates vào những buổi bình minh vừa dậy

Tôi đã dựng túp lều của tôi cạnh dòng Congo và nó ru tôi ngủ

Tôi đã nhìn mặt sông Nile và những kim tự tháp vươn lên trên đó

Tôi đã nghe tiếng ca hát của lòng Mississippi khi Abe Lincoln xuôi về
miền New Orleans và tôi đã thấy cái lòng sông dậy
bùn của nó vàng rực lên trong hoàng hôn

Tôi đã biết những dòng sông

Những dòng sông cũ kỹ tối tăm

Linh hồn tôi lớn lên sâu thẳm như những dòng sông.

TRẦN KIM VŨ dịch

STERLING BROWN

(1901-)

Sterling Brown sinh ngày 1 tháng 5 năm 1901 tại Washington DC. Cha ông cũng là một giáo sư của trường đại học tại đây, trường Harvard. Lúc nhỏ Sterling Brown theo học võ lòng ở các trường trong thủ đô. Sau ông vào trường Trung học Williams College ở Massachusetts, đến năm 1922 ông đỗ bằng B.A. Năm sau ông đỗ luôn bằng M.A. tại Harvard.

Năm 1929 ông trở thành giáo sư văn chương Mỹ tại đại học đường Harvard sau khi đã đóng vai thầy đồ ở một số trường Trung học và đại học nhỏ.

Ngoài ra ông còn là một «Visiting Professor» của các trường đại học ở Atlanta, ở New York ở Minnesota và cả ở Vassar College nữa. Trong khoảng thời gian từ năm 1936 đến năm 1939 ông giữ thực «Editor on Negro Affairs» cho là Federal Writer's Project.

Kể từ năm 1939 trở đi ông cộng tác thường xuyên với nhóm của Gunnar trong một công cuộc điều tra rộng lớn về người Mỹ da đen. Những kết quả của cuộc điều tra này đều được cho in trên tờ An American Dilemma.

Sterling Brown viết rất nhiều về thi ca nhất là thi ca Mỹ da đen cho một số lớn tạp chí tên tuổi như: The Crisis, Opportunity, Phylon, New Challenge, The new Republic Đó là chưa kể đến những tạp chí khác về nhạc Jazz.

Trước khi Cho in thi tập Southern Road (1932) phần lớn thơ của ông đều có in trong ba tập văn thi tuyển hàng năm của B.A. Bolkin lấy tên là Folk

Cách đây vài năm lại có một số lớn thơ của ông in trong tập văn thi tuyển hàng năm của G.K. Anderson và Eda Lou Walton, đó là tập This generation.



Sterling Brown

con đường đi Nam

Hãy nhẹ nhàng đến đó - h'ha

Với cái búa này cậu ơi

Hãy nhẹ nhàng đến đó — h'ha

Với cái búa này cậu ơi

▲ Dâu có /ội gì, hỡi bạn

Bạn vẫn còn đủ thời giờ

Họng súng đã chia—h'ha

Bắn vào quả tim đen hần

Họng súng đã chia—h'ha

Bắn vào quả tim đen hần

Chúng đã hại tôi đời đời bạn ơi

Và rồi một ngày kia



Dứa con gái tôi thì lo xây đắp đại lộ thứ năm—h'ha

Thằng con trai tôi thì đã bỏ đi rồi

Dứa con gái tôi thì lo xây đắp đại lộ thứ năm —h'ha

Thằng con trai tôi thì đã bỏ đi rồi

Còn vợ tôi thì vào nhà thương bạn ơi

Và trẻ thơ thì chẳng được chào đời



Cha già tôi đã chết — h' hâ
Đang khi người nguyên rủa tôi
Cha già tôi đã chết — h' hâ
Đang khi người nguyên rủa tôi
Còn bà mẹ già tôi bạn ơi
Người đành cam chịu nỗi khổn' cùng

Chân tôi có móng sắt — h' hâ
Một thẳng giám thủ đằng sau
Chân tôi có móng sắt — h' hâ
Một thẳng giám thủ đi đằng sau —
Súng đạn và xiềng xích, bạn ơi
Đến bao giờ mà tôi quên được

Người da trắng họ đã bảo tôi — h' hâ
Hãy xéo đi hơi linh hồn mầy
Người da trắng họ đã bảo tôi — h' hâ
Hãy xéo đi hơi linh hồn mầy
Tôi đâu có cần gì, bạn ơi
Khi họ đã bảo tôi thế

Xiềng xích sẽ không bao giờ — h' hâ
Cởi bỏ tôi ra được...
Xiềng xích sẽ không bao giờ — h' hâ
Cởi bỏ tôi ra được

Tôi là một kẻ tuyệt vọng đáng thương, hơi người bạn của tôi ơi
Mãi mãi đáng thương.

STERLING BROWN
TRẦN KIM VŨ dịch

jean joseph rabéarivelo

JEAN JOSEPH RABÉARIVELO ở Cộng hòa MALAGASY (MADAGASCAR) tự tử năm 1937 lúc 35 tuổi. Trước khi chết ông đã nổi tiếng trên toàn quốc và để lại 7 tác phẩm, một tác phẩm, một xuất bản ở Brésil và những tác phẩm ở Tunisie

những người thời sáo

Ông sáo của anh

Anh đã tạo bằng xương ống quyền con bò rừng dũng mãnh
và gọt dừa trên những ngọn đồi trụi cây cháy nắng

Ông sáo của hân

hân đã tạo bằng cây sậy run rẩy trong cơn gió
khoét lỗ bên giồng suối triền miên
uống ánh trắng trong mộng

Một buổi xế chiều

Các anh đã cùng thời sáo
Như muốn cứu vãn khỏi định mệnh
Giữ lại con tàu tròn
đang chìm đắm ở chân trời

Nhưng các vị thần gió, thần đất, thần rừng và thần cát
Có nghe chăng lời than vãn của các anh ?

Ổng sáo của anh
Buông những âm thanh trầm như bước chân
con bò rừng giẫm dừ
tiến vào sa mạc
Bỗng chạy trở về
Quần quại vì đói khát và mệt mỏi
Bên gốc cây trơ trọi
Không lá và không trái

Ổng sáo của hân
Như một cây sậy nghiêng mình
Dưới sức nặng một con chim cắt cánh
Không phải con chim dứa trẻ con đa bất
lông cánh được vuốt ve
Mà một con chim lạc đạn
Nhìn bóng mình như một niềm an ủi
Dưới giòng nước trời ối

Ổng sáo của các anh
Tiếc nhớ thuở ban đầu
Trong những bài ca sầu hận.

JEAN JOSEPH RABÉARIVELO
LÊ VINH THỌ dịch

KHÔNGGIAN—THỜIGIAN VÀ CONNGƯỜI

VẤN-ĐỀ TƯ-TƯỞNG VÀ TÂM-LINH TRONG VŨ-TRỤ

HOÀNG VĂN-ĐỨC

Chúng-ta đã chấp-nhận cùng với nhau khi đề-cập đến vấn-đề không-gian và thời-gian rằng tất-cả vũ-trụ, tất-cả thực-tại bên-ngoài, đều cùng một bản-chất (substance unique), và có kích-thước hình-học tùy theo địa-điểm mà thay-đổi ; và chúng-ta đã-gọi bản-chất duy-nhất đó, chung cho tất-cả, là *không-thờigian* (l'espace-temps). Nhưng điều làm cho chúng-ta luôn-luôn thắc-mắc có-lẽ là vấn-đề tư-tưởng và tâm-linh trong vũ-trụ (la pensée et le psychisme dans l'univers), vì tư-tưởng cũng là một thực-tại hiện-hữu : Descartes đã chẳng từng nói — « Tôi suy-tưởng vậy tôi hiện-hữu » (Je pense, donc je suis, ^{ra} ergo sum). hay sao ? Thực ra, tư-tưởng, hay tâm-linh, cũng không thể tách ra ngoài không-thờigian được.

Tất-cả sự khó-khăn chúng-ta thường gặp phải trong khi tìm hiểu-biết, nguyên-do ở chỗ chúng-ta thường-tưởng không-thờigian như một khung-cảnh « bất-động im-lìm » (inerte), tương-tự như một sân-khấu để cho các tài-tử lên diễn-trò. Thực ra, không-thờigian không phải chỉ là một sân-khấu trống-rỗng; không-thờigian vừa là sân-khấu, vừa là diễn-viên trong cùng một lúc. Chúng-ta không nên quên là chính chúng-ta cũng do không-thờigian mà thành.



Về phương-diện vật-chất, chúng-ta dễ chấp-nhận rằng chúng-ta được làm-thành bởi không-thời-gian. Điều khó chấp-nhận hơn là tìm ra mối liên-quan giữa tư-tưởng của chúng-ta với không-thời-gian, vì thoát-liên tư-tưởng thấy như không có gì là «vật-chất» hết: tư-tưởng là tinh-thần. Chúng-ta sẽ giải-quyết vấn-đề dần-dần, từ chỗ dễ đến chỗ khó, từ chỗ giản-dị đến chỗ phức-tạp.

Trước khi giải-quyết vấn-đề chính là chúng-ta, chúng-ta hãy thử giải-quyết vấn-đề phụ là vấn-đề các đồ-vật hoàn-toàn vật-chất. Như một phần-bé sơ-đẳng (une particule élémentaire) là một pơ-rô-tông (proton, dương tử) chẳng-hạn.

Chúng-ta được các nhà vật-li-học dạy cho biết rằng phần-bé sơ-đẳng đó có chung-quanh nó cái mà họ gọi một «trường» (un champ); nhờ cái «trường» đó mà phần-bé sơ-đẳng thay-đổi được không-thời-gian quanh nó; và sự thay-đổi có-thể diễn ra trên thực-tế rất xa, xa đến vô-cùng, tuy ảnh-hưởng có bị giảm-bớt đi khi người-ta rời xa phần-bé đó, càng xa ảnh-hưởng của «trường» càng bị-giảm. Một pơ-rô-tông, lấy làm thí-dụ, có một «trường» rất mạnh ngay chung-quanh nó, đấy là trường-hạt-nhân (champ nucléaire) hay trường mê-dông (champ mésonique). Xa hơn trường hạt-nhân, có hai trường khác chông-chất lên nhau là trường tĩnh-điện (champ électrostatique) và trường hấp dẫn (champ gravitationnel). Mấy cái trường đó cho-phép phần-bé «pơ-rô-tông» tác-động đến bất-cứ một phần-bé nào khác dù phần-bé đó ở xa đến đâu cũng mặc (tuyệt-động càng yếu nếu phần-bé chịu sự tác-động càng ở xa). Nói một cách khác, thì một phần-bé vật-chất riêng-rẽ, nghĩa-là một vùng hết-sức nhỏ của không-thời-gian, bao-giờ cũng liên-đới với toàn-thể Vũ-Trụ (coextensif à tout l'Univers), bởi-vì nó có-thể gây ảnh-hưởng đến tất-cả mọi vùng trong Vũ-Trụ. Như-thế là ngay từ kích-thước vi-ti, vật-chất đã được nối-liên, đã được ràng-buộc với tất-cả những gì bao-quanh nó. Một ảnh-hưởng không-bao-giờ truyền đi một chiều, một ảnh-hưởng bao-giờ cũng có-đi-có-lại; một ảnh-hưởng không-bao-giờ đơn-hành-độc-hướng, mà trái-lại bao-giờ cũng song-hành-tương-hỗ. Nghĩa-là, bất-cứ một điểm nào trong Vũ-Trụ, dù ở xa đến đâu mặc-dù, cũng có ảnh-hưởng đến một phần-bé vật-chất, ví-dụ như một pơ-rô-tông chẳng-hạn. Sự di-động của phần-bé vật-chất đó là do ảnh-hưởng của tất-cả thực-tại bên-ngoài bao-quanh nó.

Như-vậy, ngay từ mức-độ sơ-quang, người ta đã thấy xuất-hiện hai hiệu quả đã được Vật-Li-Học công-nhận :

- 1) ảnh-hưởng của tất-cả thực-tại bên-ngoài đến kiến-trúc và cử-chỉ của một điểm duy-nhất trong không-thời-gian, và
- 2) ngược-lại, ảnh-hưởng của mỗi-một điểm đến kiến-trúc của tất-cả thực-tại bên-ngoài.

Cái Một «tên-phỏng» ra Toàn-Thể và Toàn-Thể qui-tụ về cái Một, L'Un est coextensif au Tout et le Tout converge dans l'Un.

không gian

Đặc-tính đó chúng ta sẽ tìm-thấy-lại trong suốt dọc cuộc hành-trình của cuộc tiến-hóa chung của toàn-vũ, từ cái sơ-đẳng như po-rô-tông đến những kiến-trúc phức-tạp như Con Người. Cái diễn-tiến «tương-quan» đó (processus d'interconnexion) ở mức-độ sơ-đẳng thì còn lỏng-lẻo, nhưng lên đến những trình-độ tiến-hóa phức-tạp hơn càng dần càng rắc-rối khó-hiểu. Cái mà chúng-ta gọi là «tư-tưởng» của chúng-ta chẳng-quá chỉ là một sự gia-tăng hay một sự cải-thiện của sự «tương-quan» đó giữa mỗi người chúng-ta và vũ-trụ còn lại. (Chúng-ta có-lẽ đã bắt-đầu chớm-hiểu rằng cô-nhân Đông-Phương có li biết-bao khi quan-niệm «Nhân Thân Tiêu Thiên Địa» và giải-thích mọi sự bằng thuyết vũ-trụ định-mệnh, déterminisme cosmique, mà Tây-Phương nhờ khoa-học mới bắt-đầu đi đến). Chúng-ta hãy lấy một thí-dụ. Thí-dụ chúng-ta nghĩ (tức tư-tưởng) rằng chúng-ta phải đi làm-việc sáng mai: thoát-tiên chúng-ta không tưởng-tượng ra được tại-sao lại-có-thể-có một thứtương-quan (interconnexion) gì giữa i-nghĩ đó với những điểm trong không-thời-gian. Nhưng suy-nghĩ đến cùng chúng-ta sẽ-thấy: nói rằng sáng mai chúng-ta phải đi làm, trước hết bắt-buộc chúng-ta phải cố-gắng nhớ lại (nghĩa-là làm một sự cố-gắng về kí-ức): nhớ-lại rằng ngày nào trong tuần-lễ chúng-ta cũng đều phải đi làm hết. Chúng-ta đã-biết rằng nói đến kí-ức là nói đến «một chiếc cầu bắc ngang và nối liền hiện-tại và quá-khứ: như-vậy, tri-nhớ của chúng-ta thiết-lập những mối liên-lạc giữa những điểm ở xa trong quá-khứ thuộc về không-thời-gian, và chúng-ta mới chỉ làm có một việc, là làm nổi lên trong i-thức của chúng-ta cái mối liên-lạc vô-i-thức đó với quá-khứ mà tri-nhớ của chúng-ta còn giữ được. Về mặt khác, khi chúng-ta nghĩ rằng ngày-mai chúng-ta sẽ đi làm thì chúng-ta có ngay trước mắt, trong tâm-trí, một vị-trí sẽ được thực-hiện trong tương-lai, chúng-ta như tiên-đoán (prévoir) hay tiên-thị (visualiser) một trạng-thái thuộc về tương-lai. Sự tiên-thị đó nối chúng-ta liền với những điểm trong không-thời-gian ở cách xa chúng-ta trong tương-lai. Nhớ-lại và trông-thấy-trước (kí-ức và tiên-đoán, mémoire et prevision), đây là hai đặc-tính chính của tư-tưởng chúng-ta, của tâm-linh chúng-ta; hai đặc-tính đó, rút-cuộc, hiện ra như những giây liên-lạc nối-liên chúng-ta với những điểm ở cách xa chúng-ta trong không-gian và trong thời-gian.

Thí-dụ trên chỉ là thí-dụ đặt ra cho dễ hiểu. Trên kích-thước Càn-Khôn (nghĩa-là toàn-thể Vũ-Trụ) một «tư-tưởng» như thế thực ra không có một giá-trị gì rõ-rệt. Nó cũng không thiết-tập nên những mối giây liên-lạc gì chặt-chẽ, chắc-chắn với những điểm ở cách xa trong không-thời-gian. Điều cần-thiết phải nghiên-cứu là xét-xem có chuyện gì xảy ra trên bình-diện tiến-hóa chung của Toàn-Vũ (Càn-Khôn) và xem Con-Người có-thể có vai-trò gì trong sự tiến-hóa chung đó. Vai trò đó chắc-chắn chỉ có-thể là vai-trò mà cái sơ-đẳng đã chỉ rõ cho chúng-ta biết, là gia-lăng những mối liên-lạc với Toàn-Vũ, (intensifier les liaisons avec tout le Cosmos, và gia-tăng bằng hai cách: *Hiệu-Biến (Tri-Thức)* và *Tinh-Thương*).



Con người phải tìm cách đặt mình vào đúng trục tiến-hóa, bằng cách thực hiện sự «nhập-thế» (accesion au monde), và sự «nhập-thế» không ở ngoài sự nhân-cách-hóa-chính-mình nhờ Hiểu-Biết và Tình-Thương. Hiểu-biết, là tất-cả thực-tại bên-ngoài đều qui-hội về mình; Tình-Thương là chính-mình phóng mình ra tất-cả thực-tại bên-ngoài. Chính nhờ những điểm (foyers) Hiểu-biết và Tình-thương (như con Người) mà dần dần được thiết-lập một mối tương-quan liên-đôi (coextensivité, interconnexion) càng ngày càng chặt-chẽ giữa những điểm khác nhau trong Căn-khôn, trong cuộc hành-trình tiến-hóa.

Chúng-ta có-thể hỏi ngay từ bây-giờ xem như thế thì mục-dịch, cứu-cánh của cuộc tiến-hóa đó là gì? Tiến-hóa là muốn nối-liên các điểm không-thời-gian lại với nhau, như vậy để làm gì?

Câu-hỏi đó là một câu hỏi lớn. Tuy-nhiên, có-lẽ chúng-ta cũng có-thể trả-lời được nếu chúng-ta cho rằng mục-dịch của cuộc tiến-hóa không ngoài sự Duy-Nhất sau-cùng (l'Unité finale). Chúng-ta rồi sẽ đến một sự tổng-hợp Toàn-Thể, mỗi chúng-ta rồi sẽ phối-hợp với Toàn-Thể (le Tout). Nhưng phối-hợp sẽ không có nghĩa là «tan ra» trong Toàn-Thể, nhưng sẽ là một sự «nhân-cách-hóa» được khuyến-khích đến tột-độ của mỗi một nguyên —) trong sự khác-biệt. (Une union dans la différenciation), như Teilhard de Chardin đã nhận-định, đây chính là mục-dịch của cuộc tiến-hóa. Sự qui-nguyên trở về Duy-Nhất ở giai-đoạn chót, trên khếch-lược Căn-Khôn, sẽ được thực-hiện nhờ sự hưởng-thương không ngừng của tâm-linh. Nói một cách khác, con Người chỉ là một thử «dụng-cụ», một phương-tiện để cho không-thời-gian, nghĩa-là cho Căn-Khôn Vũ-Trụ, gia-lăng phần tâm-linh của nó qua trung-gian của những «mối tương-quan» (interconnexions) càng ngày càng lớn. Hiểu như vậy là hiểu rằng cuộc tiến-hóa sẽ diễn-tiến trong khung-cảnh Căn-Khôn, chứ không diễn-tiến trong khung-cảnh nhỏ-hẹp và nhân-hình (anthropomorphiste) của con Người. Mỗi-một điểm trong Căn-Khôn phải được coi như đang ở trong tình-trạng gia-lăng tâm-linh và, con Người có-thể được coi như một «sáng-chế» của «tổ-chức tế-bào» (tissu) Căn-Khôn để giúp cho «tổ-chức tế-bào» đó gia-tăng thêm những đức-tính tâm-linh. Nhưng, khi con Người đã tự-đặt-mình vào đúng trục-tru tiến-hóa của Căn-Khôn, (— bằng cách thực-hiện sự «nhân-cách-hóa chính-mình» nhờ Hiểu-biết và Tình-Thương —), thì con Người hẳn tự-vượt để trở-thành siêu-việt và không còn là một «dụng-cụ» tâm-thương. Con Người đem sự nhân-cách-hóa chính-mình góp phần vào cuộc tiến-hóa chung, và chính sự nhân-cách-hóa đó làm cho con Người khả-dĩ thượng-tồn.

Sự nhân-cách-hóa như vậy làm cho con người có-thể «sống-mãi», bất-diệt, như toàn-thể Căn-Khôn. Nhân-cách-hóa khác «cá-nhân-hóa». Trong sự cá-nhân-hóa tất-cả sự quan-trọng đều dồn về cá-nhân, mà cá-nhân chỉ là vô-mình. Vì-kì chúng-ta nên nhớ rằng cứu-cánh sau-cùng là sự phối-hợp, qui-nguyên với Toàn-Thể, như vậy cá-nhân không quan-

trọng, chỉ quan-trọng những mối liên-lạc mà cá-nhân đã thiết-lập nên giữa nó và Vũ-trụ : đây không phải là sự « cá-nhân-hóa » mà trái-lại đây là sự « nhân-cách-hóa » theo Teilhard, là Hiều-Biết chứ không phải vô-minh, là Tinh-Thương chứ không phải lòng ích-kĩ, là sự gì sẽ lưu-truyền trong thời-gian chứ không tiêu-tan đi theo vật-chất của hình hài chúng-ta.

Những điều nói trên thoạt nghe thấy những tin-diệu tôn-giáo. Thực ra trong khi suy-luận ở đây chúng ta không đứng trên lập-trường tôn-giáo, mà đứng trên lập-trường khoa-học. Nếu suy-luận khoa-học mà lại đưa chúng-ta đến vị-trí tôn-giáo, thì chúng-ta cũng có-thể nói như Einstein rằng tôn-giáo mà chúng-ta đã đi-đến, đã gặp, là một tôn-giáo mở rộng ra Căn-Khôn Vũ-Trụ, và là một tôn-giáo được-đặt căn-bản trên những dự-kiến khoa-học. Chúng-ta cảm-động mà nhận-thấy rằng « tôn-giáo căn-khôn » (« religiosité cosmique ») mà chúng-ta đang đề-cập tới là một « sự qui-hội » (une convergence) tất-cả các tin-diệu tôn-giáo mà con-Người, không kể chủng-tộc, không kể màu da, không kể thời-gian đã từng linh-cảm đến một cách thường-xuyên (1).

Chúng-ta có lạc-quan không khi đưa ra một viễn-tượng tiến-hóa tốt-đẹp như trên ? Chúng-ta phải trả-lời thế-nào về những sự đau-khổ không khiếp, không ích-lợi gì cho ai, đang được reo-rắc trên Đất-Nước chúng-ta, và trên nhiều nơi khác trên thế-giới nếu không muốn nói rộng là trên toàn thế-giới ? Sự đau-khổ có trái-ngược, mâu-thuẫn với sự tiến-hóa để đạt tới một tâm-linh siêu-việt mà chúng-ta vừa mới đề-cập đến không ?

Thực ra thái-độ phản-kháng, thái-độ chống-đối, công-phản trước những sự đau-khổ của con Người chính là sự phản-kháng, chống-đối, công-phản đối-với sự tín-tưởng siêu-hình, thuộc phạm-vi tôn-giáo, rằng có một Thượng-Đế sáng-tạo ra tất-cả Căn-Khôn Vũ-Trụ, một Thượng-Đế toàn-thiện, toàn-hảo. Cuộc nổi-loạn của chúng-ta trước sự đau-khổ bắt nguồn từ nhận-thức thấy rõ-ràng có sự trái-ngịch giữa Thượng-Đế toàn-hảo đó với những nhân-vật không hoàn-hảo chút nào mà Ngài đã tạo-lập nên.

Nhưng hình-ảnh của vị Thượng-Đế sáng tạo ra muôn loài đó không vì sự chống-đối của chúng-ta mà không xuất-hiện, — thêm một lần nữa —, trong tổng-hợp tiến-hóa mà chúng-ta vừa bàn đến.

Chúng-ta đã chứng-minh rằng Vũ-Trụ sẽ tiến đến một giai-đoạn tâm-linh toàn-diện (une phase à psychisme total), nghĩa-là đến một Toàn-Thể hoàn-toàn tâm-linh (un Tout parfaitement psychique); Toàn-Thể tâm-linh đó có-thể gọi được là Thượng-Đế, nếu chúng-ta muốn cho nó có một tên gọi. Nhưng để đạt tới cứu-cánh cuối-cùng đó, Vũ-Trụ

phải dò-dẫm, phải tìm ra con đường khả-dĩ cho nó những giải-pháp đưa-dẫn đến chặng đường chót. Sự dò-dẫm, tìm-kiếm có-thể đem lại những giải-pháp xấu-xi bên cạnh những giải-pháp tốt-lành, khiến người-ta phải nhìn-nhận rằng sự đau-khổ, sự xấu-xa thường-xuyên đi theo mọi cuộc tiến-hóa: có tiến-hóa tất-nhiên có đau-khổ. Chúng-ta nhìn-nhận sự đau-khổ, nhưng nhìn-nhận không phải là chấp-nhận.

Chúng-ta không chấp-nhận sự xấu như một tai-trong cần-thiết; trái-lại, chúng-ta tìm cách khai-trừ nó để hướng mình về phía các trục tiến-hóa chân-xác, « thực ». Tóm-lại sự xấu vẫn có-thể có trong cuộc tiến-hóa, nhưng chúng-ta vẫn có khả-năng khiến nó không tác-hại, ngăn-cản sự hướng-thiện của chính cuộc tiến-hóa. Tiến-hóa bao-giờ cũng là tiến-hóa theo chiều-hướng tốt-lành, đẹp-đẽ. Cuộc tiến-hóa sẽ đưa-dẫn chúng-ta đến Thượng-Đế.

Nhận-định về cứu-cánh của cuộc tiến-hóa như vậy không có nghĩa là cho rằng Thượng-Đế không sáng-tạo ra Căn-Khôn Vũ-Trụ, mà chỉ là điểm đi-tới, kết-thúc của Căn-Khôn Vũ-Trụ.⁽¹⁾ Thượng-Đế không phải là một sự kết-thúc, vì, ngay trong giai-đoạn chót của cuộc tiến-hóa, Thượng-Đế cũng sẽ không hiện-diện như một sự-vật hay một nhân-vật *đứng tách-rời* và khỏi Toàn-Thể tách-rời khỏi số đông (la multitude) làm nên Toàn-thể. Thượng-Đế đúng ra là li-tưởng mà Vũ-Trụ sẽ thực-hiện, khi Vũ-Trụ đã đi hết con đường tiến-hóa, là con đường thăng-tiến: li-tưởng đó, như chúng-ta đã thấy, là « sự phối-hợp trong sự khác-biệt », là sự phối-thien theo quan-niệm của Teilhard, Cái Một liên-phóng ra Toàn-Thể và Toàn-Thể qui-tụ về cái Một (L'Un coextensif au Tout et le Tout convergeant dans l'Un). Thượng-Đế cũng không thể được quan-niệm như không-có-mặt trong giai-đoạn đầu-tiên khai-thiên-lập-địa, bởi-vì Thượng-Đế vẫn là một thứ động-lực thúc-dẩy tất-cả cuộc tiến-hóa. Mà cuộc tiến-hóa đó diễn ra như thể mỗi điểm của Vũ-Trụ đã có sẵn mỗi căn-bản tiền-tri (pré-connaissance), hay một tiềm-thức (pré-conscience) về mục-dịch phải tiến-tới với căn-bản sẵn-có đó, — là cái Đức sáng (minh Đức) của cô-nhân Đông-Phương —, mỗi điểm trong Vũ Trụ, (—con Người cũng là một điểm vũ-trụ —), chỉ còn việc cố-gắng vươn mình lên đến cứu-cánh, — tức là làm sáng cái Đức sáng vốn ^{đã} tàng trong thâm-xâu của chính mình (Minh minh Đức).

Đến đây chúng-ta có-thể nhận-định thêm rằng cái Biết do li-tri của chúng-ta thực ra không trái-ngược với cái Biết do trực-giác thần-học (tôn-giáo). Chính nhà phân-tâm-học lớn là Carl Jung cũng đã cho rằng người-ta phải chú ý đặc-biệt đến các tín-diệu tôn-giáo (dogme religieux), thường-thường vẫn ẩn xâu trong thâm-lâm chúng-ta, nhưng chúng-ta vẫn không diễn-tả được chính-xác theo quan-điểm duy-lí. Thí-du: kinh-nghiệm về sự đau-khổ, đối với con Người, là một kinh-nghiệm vô-

1. Xin đọc «Mối Tình Mẫu Hoa Đào» của Nguyễn Mạnh Côn, Giản xuất bản 1965.

cùng buồn-thảm, chua-sốt; nhưng kinh-nghiệm cũng cho ta biết thêm rằng một sự đau-đớn cực-kì là một dịp khiến chúng-ta suy-nghĩ chính-xác (chính tư-duy) về chiều hướng đích-thực của cuộc tiến-hóa (axes véritables de l'évolution). Trái hẳn với điều người-ta có-thể chờ-đợi, một niềm đau-đớn sâu-xa ít ra khi gây trong tâm-hồn người đau-khổ tâm-trạng ai-oản, căm-thù hay nổi-loạn; nó thường làm cho ta lắng mình xuống chiều sâu của tâm-hồn, và do đó có thể khiến cho cuộc tiến-hóa nhận-thức rõ hơn con đường phải theo để tiến-tới Tinh-Thượng nhiều hơn nữa. Nói như-vậy không có nghĩa rằng sự đau-khổ là hữu-ích và cần-thiết, hay đáng tán-thưởng; nhưng tin-diệu tôn-giáo cho rằng sự đau-khổ cần-thiết để « chuộc tội » và để tiến tới « lòng Lành » (Thiện) chắc chắn không phải vô duyên-cớ.

Xin đề cho những người vô-thần và những người không tôn-giáo suy-nghĩ.

HOÀNG VĂN ĐỨC

(1) Trong các tôn-giáo chỉ có Phật-Giáo là không có một Đấng Sáng-Tạo (tùy theo tôn-giáo mà được gọi là Trời, Thượng-Đế, Dieu, Jehovah, Allah, Brahma, Trung-Đạo, v.v.) Đức Phật-Đà đã không ban một giáo-thuyết nào đặc-biệt về nguồn-gốc của vũ-trụ hay của đời sống. Cái trí hiểu-biết của phạm-tục quá thấp-kém để mà tìm được một câu trả-lời cho câu hỏi đó. Trong kinh Visuddhi Magga có nói: «Nguồn-gốc của bản-thể luân-hồi trong cõi Ta-Bà (Samsara) vì bị vô-minh (Avijja) che-dấu đi, nên không thể tìm ra được». . . Bởi sự yên-lặng này của Đức Phật, và bởi Ngài không muốn đi tới chỗ vô-vọng là giảng-nghĩa cái không-thể-giảng-nghĩa-được, nên các nhà Phật-giáo lúc đầu đã dùng những giáo-lí của đạo Bà-la-môn, để giảng-nghĩa bản-chất của vũ-trụ.

(Phật-Giáo với Mác-xít, Francis Story,
bản dịch của Trần Quang-Thuận
Đất-Tử xuất-bản, tr. 66-67).

MỘT VÀI GHI NHẬN VỀ
« Chủ trương không liên kết »
của
CỘNG HÒA GHANA

LÊ TRONG PHONG

Chủ trương không liên kết là chính sách đối ngoại của N'krumah (1) từ sau ngày Ghana giành lại được độc lập (1957).

Tại sao Ghana từ chối gia nhập vào một trong hai khối Tự do và Cộng sản ? Nếu tìm ra được những nguyên nhân nào đã đưa Ghana tới quyết định trên, chúng ta sẽ tìm ra được những động lực chính đã thúc đẩy Ghana chọn lựa « giải pháp không liên kết » như một thái độ thích hợp cho hoàn cảnh của Ghana, một nước nhỏ bé và thiếu mở mang (2). Trong cuộc tranh chấp hệ-hệ của Đại Thế giới hiện nay.



Tại sao Ghana không gia nhập khối Tự do ? — Một quá khứ lệ thuộc Anh quốc hơn bốn thế kỷ rưỡi chắc hẳn chưa phai mờ trong ký ức của dân tộc Ghana. Vì vậy, nghi ngờ Tây phương là phản ứng tất nhiên của một quốc gia mới thoát khỏi ách thống trị của Tây phương.

(1) Kwame N'krumah, Tiến sĩ Triết học, Thủ tướng đầu tiên của chính phủ độc lập Ghana, rồi trở thành Tổng Thống Cộng hòa Ghana từ 1960.

(2) Ghana, tên cũ là Gold Coast nằm trên bờ vịnh Guinée, rộng chừng 237.800 km², 6 triệu rưỡi dân, nguồn lợi chính về kinh tế là cacao, chiếm 45% tổng số xuất cảng năm 1957 có nhiều mỏ bauxite, ước lượng chừng 200 triệu tấn nhưng Ghana xuất cảng ox và mua lại mọi vật dụng cố nhâm !

Ngoài ra chính sách bài thực dân, từ lâu vẫn là chính nghĩa của các nhà lãnh đạo quốc gia cũng không cho phép các vị này coi thường công luận để đưa Ghana tham dự vào những hệ thống liên minh ngoại giao hay quân sự do các Cường quốc Da Trắng đề nghị. Và lại vấn đề có tham dự hay không vào sự cạnh tranh ảnh hưởng giữa hai khối Đông và Tây cũng không phải là mối bận tâm duy nhất của Ghana hiện nay. « Âu châu phải hiểu rằng những lo lắng của Âu châu không thể là những lo lắng của Á châu », câu nói này của Nehru về trường hợp của Ấn độ không khác ý nghĩ của Phi châu ngày nay là bao nhiêu (1) — Do đó một quốc gia mới giành được độc lập như Ghana, hiện đang còn phải lo chống lại nạn nghèo đói và ngu dốt, có bắt buộc phải chọn một trong hai ý thức hệ của Đông hay Tây? Cuối cùng Ghana cũng hiểu rằng nếu Ghana tham dự vào những hệ thống liên minh do Tây phương đề nghị và dù cho Ghana có được đối xử một cách bình đẳng chẳng nữa, chắc chắn trên thực tế, Ghana khó có thể có được một ảnh hưởng quan trọng đối với các Đại Cường quốc. Những kinh nghiệm của thời kỳ lệ thuộc Anh quốc đã giúp cho Ghana nhận thức được điều trên.

Tại sao Ghana từ chối gia nhập khối Cộng sản? Khi Ghana giành được độc lập, khối Cộng sản, từ sau thời kỳ Staline, không những ngừng lên án mà ngược lại còn tán đồng chủ trương trung lập của các quốc gia mới được độc lập. Các quốc gia này không bao giờ bị thúc bách phải gia nhập vào một cuộc liên minh quân sự nào như kiểu liên minh Bagdad hay Liên phòng Đông Nam Á. Không gia nhập khối Cộng sản, N'krumah và các nhà lãnh đạo Ghana còn mong muốn đem lại một cái gì mới lạ cho Ghana và cho cả Phi Châu. Chấp nhận một chủ nghĩa Cộng sản nảy sinh từ một xứ không thuộc Phi Châu, còn đâu là truyền thống kiên nhẫn của Phi châu. Phi Châu phải đứng bên ngoài sự tranh chấp hiện hữu giữa các cường quốc, « Phi châu phải đoàn kết lại » có như vậy Phi châu mới gìn giữ được nền độc lập của mình.

Chính vì những lẽ trên mà N'krumah đã chọn chủ trương không liên kết như một chính sách đối ngoại lý tưởng cho Ghana. Những động lực chính đã thúc đẩy N'krumah theo đuổi chính sách này là :

- Tự mình xác tư cách độc lập của Ghana.
 - Tăng cường khối trung lập để tạo lập một lực lượng thứ ba hầu làm dịu bớt sự gay gắt giữa Đông và Tây và nhờ đó sẽ gìn giữ được hòa bình thế giới. « Sống như chúng ta hiện nay đang sống, dưới sự đe dọa thường xuyên của họa diệt vong toàn thế giới, càng có nhiều quốc gia không liên kết thì khối trung lập trên thế giới càng quan trọng và chúng ta càng có nhiều may mắn để tồn tại » (2).
 - Mong muốn nhận viện trợ tài chính và kỹ thuật của cả hai khối.
- Chính sách lơ lửng của hai khối chắc chắn sẽ giúp cho Ghana h-

(1) Tibet Mende, Conversation avec Nehru, Ed. du Seuil, Paris, 1956, trang 139.

(2) N'krumah, L'Afrique doit s'unir, Pay et trang 231.

lợi nhiều hơn là đứng hẳn về một phe nào mà thực vậy trong khoảng 1959-1965, Gaana đã nhận được những vốn đầu tư quan trọng của Tây phương và của khối Cộng sản: Anh quốc, 80 triệu bảng, Tây Đức 40, Hoa Kỳ 30, Nga 15, Trung cộng 2 ! (1) Đập thủy điện Akosambo trên sông Volta có thể cung cấp tới 42 tỷ kwh điện lực mỗi năm cho nhà máy luyện nhôm (210.000 tấn) là do các chuyên viên Hoa Kỳ thiết lập, tốn kém đến 200 triệu mỹ kim mà một nửa số này là của Hoa Kỳ, Anh quốc và Ngân hàng quốc tế (2) Nga cũng dành cho Ghana một ngân khoản 40 triệu mỹ kim năm 1960, tặng cho Ghana một phi cơ kiểu IL. Và trang bị cho Ghana hai nông trường của nhà nước, tương tự như những « sov khoz » ở Nga — (3).



Sau cuộc đảo chính ngày 24-2-1966, N'krumah bị lật đổ. Liệu chính sách không liên kết của N'krumah có được duy trì tại Ghana nữa hay không ?

LÊ TRỌNG PHỒNG

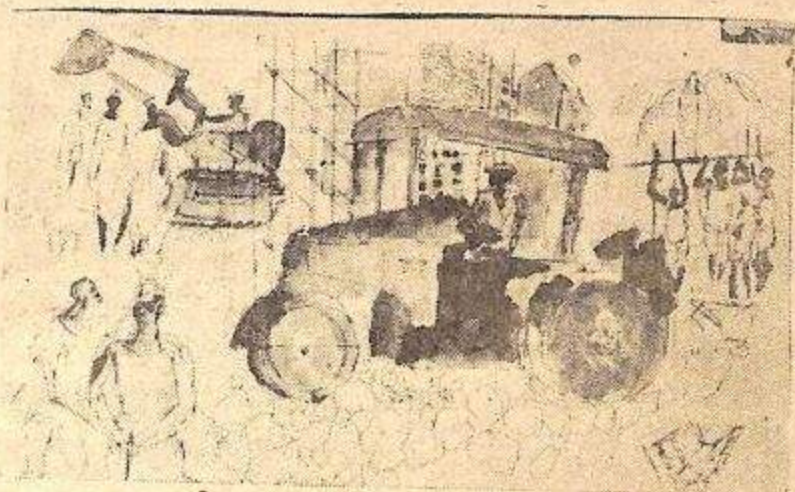
tương o

(1) Le monde diplomatique, 3-1956

(2) Jean Ziegler, Sociologie de la nouvelle Afrique, Calimex

(3) Evan Luard, The cold War, Praeger, New York,

Richard wright



Ý NGHĨ

Mỗi biển cổ nói một ngôn ngữ riêng biệt và mỗi phút giây của đời sống cuồng nhiệt mặc khải dần dần, tiềm ẩn của nó. Có sự kinh ngạc khi lần đầu tiên tôi nhìn đôi ngựa lốm đốm đen trắng, loại ngựa rừng, chạy nước kiệu trên con đường đầy bụi giữa làn khói trắng mịn mờ.

Có nỗi vui mừng khi tôi thấy những luống cải xanh đỏ thẳng hàng trải dài dưới ánh nắng chạy mát đến tận chân trời sáng chói

Có nụ hôn dịu dàng và tươi thắm của dọc tình khi giọt sương mai chạm trên đôi gò má và hai bắp chân tôi trong những lần chạy băng đường mòn xanh của ngôi vườn đầm sương.

Có tình cảm mơ hồ về sự vô cùng vô hạn khi tôi chiêm ngưỡng con nước vàng lịm ngủ của dòng Mississippi, từ trên cao những con dốc hiểm nghèo xanh tươi của bộ lạc Natchez (1)

Có những tiếng vọng ban đêm mà tôi nhận thấy trong tiếng kêu của những đàn chim nhận bầy về hướng nam xuyên qua bầu trời khô cằn của mùa thu.

Có nỗi phiền muộn chua cay và nồng nhiệt của đám khói rừng hickory (2).

Có nỗi ưa thích nhứt nhối và không thể thực hiện được khi muốn bắt chước niềm kiêu hãnh trẻ con của những chú chim sơn ca đi vênh váo và dấy dựa trong bụi đỏ của những nẻo đường thôn dã.

Có sự khao khát đồng nhất với nàng kiến cô đơn bốc tự thân tôi khi tôi nhìn nó với miếng mồi nặng nề hấp tấp đi về một nơi huyền bí.

Có sự miệt thị bao trùm lấy tôi khi tôi nhìn thấy chủ tôm quân quại co quắp thân hình lại một cách sợ hãi trong chiếc bình nằm dưới một hộp đồ ăn đã rì.

Có sự lộng lẫy xót xa của những đám mây tím vàng và đỏ hực mà một mặt trời vô hình đã đốt cháy.

Có nỗi hãi hùng trong tia sáng chói máu đỏ mà mặt trời lặn bỏ lại đằng sau nó, phản chiếu lên những vuông cửa bằng gỗ quét vôi trắng.

Có nỗi mòn mỏi mà tôi cảm thấy tận trong thâm tâm khi tôi nghe những chiếc lá xanh rên xiết trong tiếng mưa xào xạt.

Có niềm bí mật không sao hiểu được khi màu trắng tinh của một loài nấm độc ẩn trong bóng tối của một miếng cây ẩm mục găm lên trong tôi.

Có một cảm giác chết chóc mà lại không chết khi tôi nhìn thấy con gà giò dấy dựa ^{tiếng} xuống sau khi đã bị cha tôi vịn bẻ cổ nó.

Có sự trở trêu mà tôi cho rằng Chúa đã bày đặt bằng cách bắt chó và mèo khi ăn sữa phải thè lưỡi liếm láp từng ngụm nhỏ.

Có sự thèm khát khi tôi nhìn thấy những giọt nước mĩa nguyên chất trong sáng và dịu dàng chảy từ từ dưới chiếc chày.

(1) Natchez : bộ lạc xưa của người Da Đỏ vùng Mississippi.

(2) Hickory : một thứ cây ở vùng Bắc Mỹ, có họ với cây hồ đào (noyer). Gỗ nó rất bền và thường được dùng để chế tạo ca-nô và guốc trượt nước (skis).

Có nỗi say mê điên cuồng dâng lên tận cổ tôi và tràn ngập trong máu huyết tôi khi lần đầu tiên tôi thấy những khúc cuộn mềm nhão và hò hững của con rắn lục ngủ dưới ánh mặt trời.

Có nỗi sợ hãi kinh ngạc khi thấy chú heo con bị đâm đến tận tim, bỏ chìm trong chảo nước sôi, bị cạo tẩy, bị chẻ dọc, bị mổ bụng, bị treo lên, đâm những máu và mỡm há ra.

Có tình yêu của tôi đối với vẻ cao cả cảm nín của những cây sồi phủ đầy rêu.

Có dấu hiệu của sự tàn bạo đất trời khi tôi nhìn thấy sườn nhà của một căn lều bằng gỗ ngã nghiêng dưới cơn nắng hạ.

Có tuyến nước bọt trào lên miệng tôi khi tôi cảm thấy hương vị của bụi đất thổ quặng lại do cơn mưa mát mẻ.

Có khái niệm mơ hồ về sự đối khi thờ mùi thơm của cỏ mới cắt còn tươi mát.

Và cũng có nỗi hãi hùng ngấm ngấm len lỏi vào tận giác quan tôi khi những đám mây mù to lớn màu vàng bốc lên từ bầu trời nặng trĩu những vì sao, tắm mình trên trái đất trong những đêm yên lặng.

RICHARD WRIGHT

NGUYỄN XUÂN HOÀNG dịch.

Sinh ngày 5 tháng 9 năm 1908 trong một đồn điền, cách Natchez bốn mươi cây số; thuộc vùng Mississippi. Cha mẹ ông là những người da đen nghèo khổ. Bị cha bỏ rơi, mẹ ông phải tần tảo ngược xuôi nuôi ông đến ngày bà bị bệnh tê liệt — Bà ngoại ông mang ông về và cho ông đi học — Năm lên mười lăm tuổi, ông bỏ nhà và đi làm việc ở Memphis hai năm. Chính ở Memphis ông đọc H. L. Mencken và quyết định trở thành nhà văn. Với số tiền dành dụm được 150 dollars, ông đến Chicago và kiếm ăn bằng nghề bán hàng cho đến khi thất nghiệp. Ông gia nhập đảng Cộng Sản qua sự trung gian của hội John Reed.

Năm 1946, Richard Wright cùng vợ và con nhỏ đến sống ở Paris. Và ông đã ngụ lại đây cho đến ngày từ giã cõi đời (28 tháng mười một năm 1960) năm 1953 Richard Wright có sống nhiều tháng ở Phi Châu. Năm 1954 ông cho ấn hành du ký này dưới tựa Back Power. Ít lâu sau ông cho ấn hành quyển The Outsider. Trong những tác phẩm của ông đã ấn hành từ trước có thể kể:

Les enfants de l'oncle Tom,

La naissance de Biggor,

Fils indigène

và

kẻ đưa tin
của
CHARLES WRIGHT
(THE MESSENGER)

HOÀNG NGỌC BIÊN giới thiệu

1. Tiếng hát trong thành phố

Qua các đường phố của một New York thành phố hoang dã, qua các đường dây điện chằng chịt của những khu ngoại ô, qua những đỉnh nhà chọc trời kỳ hà học, những chiếc bus cao chênh vênh và những xe điện hăm ám cứng, tiếng hát đam mê tan vỡ nhưng cũng rất tin yêu thoi vào tâm hồn những con người biết rung động, da trắng, da đen, da vàng, và những người màu da khác, thoi vào như những cơn gió nhẹ hiền hòa mỗi buổi sáng mai thì thăm bên chúng ta, những người da trắng, da đen, da vàng và những người màu da khác, nhắc nhở chúng ta, bằng những âm thanh tuyệt vọng, nỗi đau đớn của con người đang quần quai ở địa giới và niềm hy vọng của chính họ nơi thiên đàng.

Tiếng hát Mahalia Jackson tôn nghiêm thánh hóa đưa chúng ta qua các miền đất khô nhọc, những buổi sáng mù sương hay như buổi chiều nắng xuống, trên những trang sách trắng, với những hàng chữ đen mọc lên nhau, từng cuốn, từng trang, từng chữ, từng tiếng nói, đưa chúng ta qua các miền đất khô nhọc của những con người đã quên tự xóa mình, đã có một nền văn minh nhưng chưa được hòa đồng với những nền văn minh khác, tiếng hát dạy cho chúng ta thân phận của những người đen đến muộn và cũng dạy cho chúng ta yêu thương họ.

Yêu tiếng nói của họ, tiếng nói, mà cũng là chứng nhân, một chứng nhân đen, nghĩa là một chứng nhân khiêm nhường, đau xót, nhọc nhằn.

Chứng nhân đó là một kẻ đưa tin.

2. Kẻ đưa tin.

Kẻ đưa tin, nghĩa là một kẻ suốt ngày chuyên chạy rong ngoài đường, từ đầu thành phố đến cuối thành phố, đi bộ, đi xe bus hoặc đi xe điện hăm, nhưng suốt ngày chạy rong ngoài đường, giữa một thành phố bít bùng, thế giới của một New York ít ai biết đến, một New York của những hạng đi điếm, đàn bà hoặc đàn ông, những kẻ nghiện ma túy, rượu chè, những kẻ trụy lạc.

Kẻ đưa tin là một cậu bé da đen, giữa màu đen và màu nâu, nhưng rất dễ được nhận là màu đen, sinh tại Missouri, ngụ ở đường 49, giữa Đại Lộ Thứ 6 và Đại Lộ Thứ 7, trung tâm New York, sống một cách khiêm nhường, nhỏ bé, trong một căn phòng không thề ở được.

Nghề đưa tin không phải là một nghề sinh lợi. Những ngày cuối tháng, những ngày cuối tuần, hay cuối những ngày vất vả khó nhọc, cậu bé đưa tin, vốn đẹp trai và dễ yêu, phải bán dâm — bán dâm với các bà, dĩ nhiên, nhưng cũng bán dâm với các ông, có lẽ thường với các ông hơn, vì với những người này công việc sẽ được dễ dàng, giản dị và mau chóng hơn.

Cậu bé da đen hơi nghiện thuốc, rượu, và gần như điên cuồng vì cái năng lực sinh dục của mình, và cùng với thuốc, rượu, và việc bán dâm, cậu say mê những đĩa hát của Billie Holiday, ở bên phía mặt trời mọc của con đường, cũng là một Edith Piaf của khu phố 49.

Kẻ đưa tin là Charles Wright.

3. Những khuôn mặt buồn.

Giữa một thành phố rộng lớn, với những chuyến chạy rong thường trực, Charles có những bạn trai bạn gái cũng gần như nó toàn là đi điếm, những hạng người ^{đen} da trắng, những khách hàng đàn ông và những khách hàng đàn bà. Chung quanh hắn là cả một dây chuyền những nhân vật, những khuôn mặt thú vị và điên hình: Bà Lee, son phấn như một con búp bê, với những tên Claudia, cũng gọi là Bà Đại Công Tước, một tên da đen lạnh lùng giả trang thành một con mẹ điên kinh khủng; Ruby, nữ ca sĩ ở Kansas City, từng biết tất cả về cuộc đời và về đàn ông, nhất là đàn ông da trắng — và nay đã mất giọng —

(Khuôn mặt những người da trắng cũng như khuôn mặt của em hay của chị, của bất cứ ai)

Bruce, sinh viên thần học, với những bài diễn văn êm dịu và những tin tưởng trầm lặng, say sưa tối ngày; Traine-Savate, chuyên chơi trò tặc, được tiền nếu khéo tay; Barry, tên ghiền ma túy; Sally, nước da ngăm đen, với một thân hình tuyệt diệu; Sue, rất bà lớn, da trắng hơn; Miss Roberta — cả ba cô đều là gái giang hồ chuyên nghiệp.

Cũng nên kể thêm những người đàn ông và những người đàn bà, những khuôn mặt vô danh mà hân gặp ngoài đường và trao thân, những người này ngủ từ giường này qua giường khác, chẳng đề ý đến bộ phận sinh dục của người cùng bán dâm với mình, ngủ, uống rượu và dùng ma túy.

Những khuôn mặt bạn kể trên đã được tả lại một cách rõ ràng, không một lời phê phán, và không khỏi pha lẫn một sự triu mến kín đáo.

Giữa một thành phố rộng lớn với những chuyến chạy rong thường trực, giữa những khuôn mặt bạn bè chỉ biết ái tình, rượu và ma túy, Charles còn có một vài mối tình khác, nhỏ bé, thơ ngây nhưng cũng sâu đậm mà đôi khi gần như hân không dám động đến vì sợ cạn nguồn: Một người đàn bà đã già đang sống trong một thành phố miền Nam khô gió mà hân vẫn thường tỏ vẻ triu mến và khi chết đi, cũng như Proust, hân đã viết ra được những trang đẹp; Maxine, một cô bé lớn trước tuổi, có thiên tài về mỹ thuật, mà hân vẫn thường âu yếm dẫn đến viện bảo tàng; Shirley, mối tình sống gió khó nhọc của hân.

4. Chứng nhân cô đơn

Charles là chứng nhân của một nỗi chết trong tâm hồn. Chuyện của kẻ đưa tin là chuyện kể nỗi cô đơn, nỗi cô đơn giữa một thành phố lớn, thành phố của yêu thương mà cũng là thành phố của tàn nhẫn, sa mạc của loài người, trong đó mỗi người là một con kiến giữa hàng triệu con kiến khác, chỉ giống nhau, chỉ gần nhau ở mỗi một điểm độc nhất là cùng chung một nỗi cô đơn. Và những khuôn mặt trụy lạc, say sưa, ghiền ma túy, những kẻ tội lỗi, đồng tình ái, những người đang cố lấp những khoảng trống của cuộc sống bằng

cách tìm những kho báu lạc vật chất, những người đang cố quên lãng bằng rượu chè và nhục dục, tất cả đều có chung một ám ảnh ray rứt : thoát khỏi nỗi cô đơn đó,

Charles vùng vẫy giữa những khuôn mặt bạc đó, vùng vẫy trong lòng mỗi trang sách, nhưng rồi, đối diện với con người, con người cô đơn, chính kẻ đưa tin suốt đời cũng không tìm thấy tin tức đưa ra nữa. Thông minh và nghề nghiệp đã cho hắn biết được những thành kiến, những lời sỉ nhục, những ức hiếp, và hơn những người khác, hắn biết được con người cô đơn đang làm gì, đang tìm cách nào làm cho nỗi cô đơn của họ trầm trọng hơn, hãi hùng hơn.

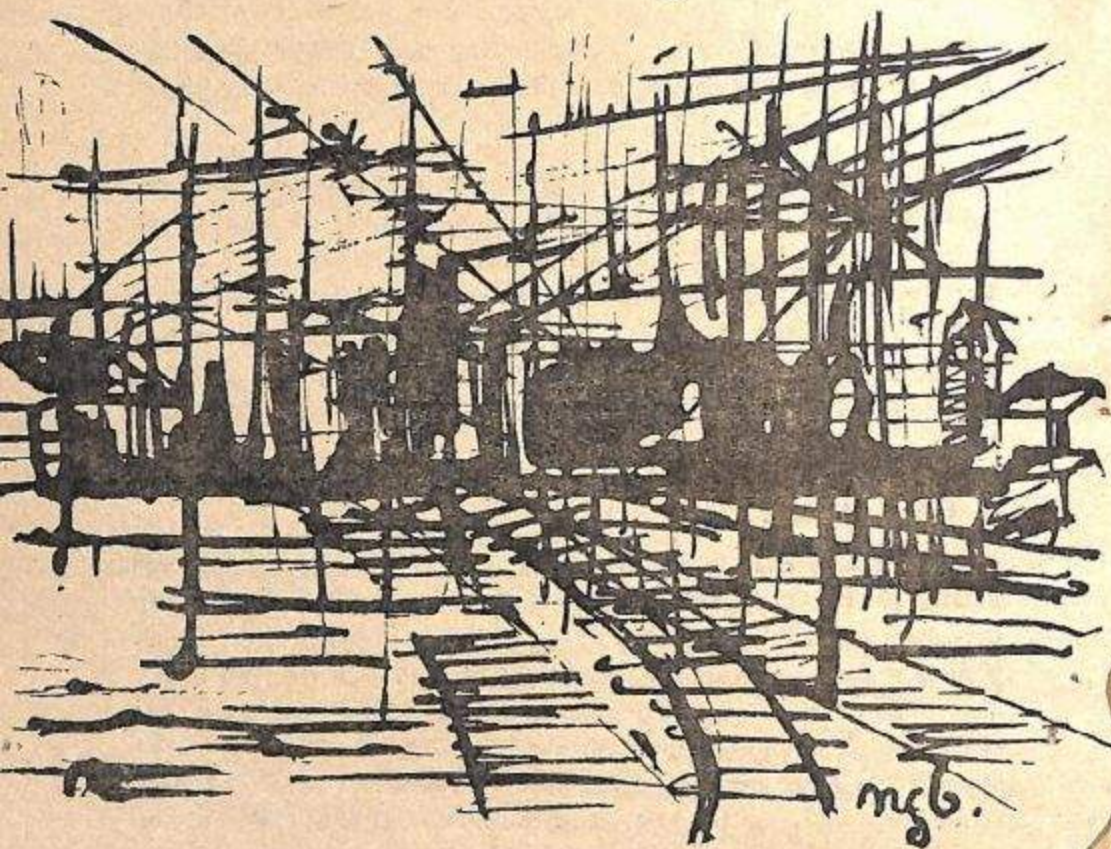
5. Tiếng nói đen.

Cuốn sách của Charles Wright là một tả chân trung thực với những lời bộc lộ bi thương nhất của những người trong giai cấp thấp kém nhất của thế hệ này. Không phải là một lời kết tội, không phải là một lời biện minh, cũng không có tính cách trữ tình bi đát như phần đông những tác phẩm đen từ trước đến nay, tiếng nói của một phát ngôn nhân nhiệt thành cho những ai đang tranh đấu cho giai cấp thấp kém bị lôi kéo giữa viễn ảnh một xã hội khả kính và sự tuyệt vọng vô bờ bến của chính họ. Đó là một tiếng nói náo lòng và bạo dạn. Cậu bé Charles, trong một phạm vi rộng lớn, đã vượt qua được lần tuyến văn hóa giữa Đen và Trắng : nhưng có lẽ là dễ khám phá ra rằng mình đang dự vào một nền văn minh chỉ gán mình ở danh từ mà thôi.

«Tôi biết mình là một người Da Đen... Tôi luôn luôn lang thang như một bóng ma chơi vơi giữa thế giới của người Da Trắng.»

HOÀNG NGỌC BIÊN (T)

charles wright



KHU PHỐ 49

Những đêm mùa xuân tôi hay ra ngồi ngoài thềm nhà. Những cô gái giang hồ dân gypsy cũng xuất hiện bên ngưỡng cửa nhà bên cạnh. Khách hàng của họ dĩ nhiên là nam giới. Trên chót bậc thềm, mẹ chủ ngồi vuốt ve cái váy lụa, cái mông lắc lư làm những xâu tiền va chạm kêu leng keng. Mẹ đã già, gương mặt cần cỗi lại được tô điểm với những vòng vàng lủng lẳng ở lỗ tai. Hôm kia báo loan tin mẹ bị bắt. Mẹ đã lừa gạt một viên công an lại còn định hối lộ gã mười đô la. Một cặp dân gypsy khác cũng xuất hiện : cậu bé sáu tuổi, cô bé năm. Cả hai đều bán bông giấy. Một người có vẻ khùng đang đi với một cô gái. Người đàn ông cho thằng bé mười xu rồi kéo tay cô gái đi vào khu xóm tối tăm, không đèn, đến những hoa giấy mà thằng bé chia ra cho họ. Gương mặt của thằng bé sáng lên, nó nhìn tôi thì thầm: «Bánh quà». Cô bé những lúc mặt mũi sáng sủa có dáng một người được sinh ra chỉ để mặc nhỡn cho họ

áo thành lễ. Gương mặt của cô có vẻ buồn bi, và những giọt nước mắt là chẳng rơi như hạt mưa nhẹ rất dễ làm cho người khác xúc động. Tuy nhiên, ít khi cô khơi được mối từ tâm của ai, và như thế cô bé sẽ nhảy đành dạch, đánh đồm độp vào cái vi tiền ở mông của họ.

Những đêm mùa xuân con đường 49 là giấc mơ đẹp của vũ trụ. Con đường này nằm giữa Đại lộ thứ sáu và thứ bảy, chan hòa những màu sắc hỗn loạn. Những quán ăn tàu và tây, những quán ăn lộ thiên, những quán ăn có máy phát tự động thường có những người lính chiến, thủy thủ hay những cô gái nạ giòng túc trực ở đấy. Những ga-ra và khu đậu xe đầy cả những người đi xem hát về. Cả những khách sạn dành cho du khách phương xa cũng đông nghẹt.

Một lát sau tôi trở lại phòng của tôi ở tầng lầu thứ năm. Bầu trời đêm mông lung với những ánh đèn màu da cam giăng mắc. Một màn sương phủ trên tòa lầu. Tòa Empire State sừng sững như một kim tự tháp. Khung cảnh chung quanh như một bức tranh Hy Lạp cổ mơ hồ. Trong sương mù tòa nhà dường như xiêu vẹo hư ảo.

Trong căn buồng tối lù mù này bỗng nhiên tôi cảm thấy sợ hãi. Phải chăng tôi đang ở trên miền đất của Mỹ Quốc. Những đồ vật, bàn ghế, trường kỷ có xác định được sự kiện này hay chăng? Căn buồng này và những đồ vật ở đây, chúng không nói được xuất xứ của mình.

Tôi luôn luôn cố nghĩ rằng mình đã không rời quá xa trung tâm của nước này và tôi thường bành diện với bất cứ cái gì mà tôi có thể bảo là của Hoa Kỳ. Tôi như đang bị lạc lõng giữa một cánh đồng cỏ xanh. Không gian mênh mông và vô tận. Tôi sợ hãi và không dám xê dịch. Quê hương này làm tôi hoang mang, đầu óc của tôi hình như bị phân tán vì mỡ của một con chim ưng. Cố gắng đến đâu tôi cũng khó có thể tìm sự yên tĩnh hợp nhất cho tâm hồn. Và cái khu phố già nua này im lặng chờ đợi sự tàn phá bắt nguồn từ các gác trọ với hai căn phòng rười rượi này. Phòng của tôi nhìn ra một khung trời kỳ diệu của Manhattan; trong hơn hai năm nương náu ở đây, tôi chỉ tốn mỗi tuần năm đô la vì có quen biết.

Người bạn tôi vừa mới vào, tôi liền giữ những vai tuồng phụ cho các vở hát. Tôi ngược mắt và thấy một đường da đầu chạy dài từ đỉnh đầu xuống tận cổ như sọc của một con ngựa vằn.

— Charlie, diễn hay sao mà ngồi trong tối như thế này. Uống hay đi làm cái gì không?

— Có bía thì tốt.

Y có vẻ tần ngần hình như muốn nói gì thì phải. Y đứng bất động một tay cầm nắm cửa, đôi mắt nằm trong cặp kính gọng thép chiếu thủng vào tôi. Cuối cùng y mở lời:

— Charlie, anh phải tạm dời chỗ ở. Không hiểu ai đã thốc mách với chủ nhà. Và tôi phải...

— Những dân bên này chứ ai. Họ thêm chỗ này lắm.

— Vâng. Ý đồng ý với tôi. Tuy nhiên Hội Đồng Thành Phố không cho mượn nhà này trừ phi vụ tranh chấp hay vi phạm gì đó được giải quyết. Như thế, vào ngày mai một nhân viên công lực sẽ đến đây và anh sẽ lại phải làm một chuyện như cũ.

— Được. Anh không thích uống bia chứ?

— Không.

Như thế, ngày mai tôi phải lo thu dọn đồ đạc và đem gởi những người ở phòng số bảy bảy cho bà mẹ của Maxine ở tầng lầu thứ hai. Tôi sẽ cố làm cho bụi đóng trên sân nhà, đóng chặt những cửa chớp cửa sổ lại, vung vãi bừa bãi những tàn thuốc lá và những tờ báo cũ, và tôi cũng phải lo cất đi cái nệm trên giường.

Không có cái gì bất diệt cả, tôi nhớ đã từng nói với Shirley như thế. Nàng điện thoại chúc mừng sinh nhật của tôi trong khi ngày sinh nhật đã qua rồi. Có lẽ ngày sinh nhật của tôi đã thoảng qua trong óc nàng.Ồ, nàng thật tốt. Nàng bảo là khi nàng thấy cần đến thăm tôi, nàng sẽ cho tôi biết. Tốt, cứ đến đi em bé. Anh sẽ chờ em chờ nơi ngưỡng cửa trong 5 giờ đồng hồ như đạo lễ Phục Sinh. Nàng cắt đứt điện thoại mà không có một lời chào. Chúng tôi đã tranh đấu nhọc nhằn và đã được đền bù được trong hai năm rồi. Chuyện này dĩ nhiên phải có khi người ta phải miễn cưỡng từ bỏ cả những công việc đang làm.

Tôi phải nhớ không được trút những mẫu vụn thuốc lá vào cái lon đồ hộp trong phòng. Tôi còn cần đến chúng để tạo cho cần buồng một vẻ vô chủ. Tôi sẽ ra đi và trở lại khi viên chức xét gia cư và ra đi.

trích « The Messenger »
HOÀNG NGỌC NGUYỄN dịch

Trên
lưu



Dei Anang

phút thần tiên

DEI ANANG (Ghana)

Theo học tại Achimota và Đại Học
Luân Đôn, hiện là công chức cao
cấp tại Accra.

Phút thần tiên đó trong tay anh

Khi em run rẩy,

Và ngừng thở,

Thiên nhiên man rợ

Đứng yên.

Con chim tu hú mềm giọng

Ngừng hót.

Và tiếng xào xạc của lá

Chết hẳn.

Không còn tiếng lá dừa thì thảo

Đều đều.

Biển quên dữ dội kêu gào

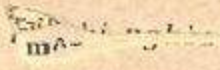
Phút thần tiên đó.

TA TRUNG-SƠN dịch

Vô danh (Zanzibar)

khúc ca của người nghèo

Hãy cho tôi một cái ghế
và tôi ngồi giữa các anh
ca tụng sự nghèo khó
và thiếu thốn.

Khuôn mặt của một 
có mọi vết nhăn
vì đói và khát
ở trong da dày hăn.

Một người nghèo không biết
phải ăn làm sao với một người giàu,
khi ăn cả
hăn ăn đầu trước.



Hãy tới mời hân
ai không có ăn bánh mì
đến ăn những vụn bánh
và gai góc trong đĩa.
Người nghèo chẳng là gì cả
vì hân không có gì.
Dù được sinh một cách cao qui
vẫn không hưởng chút diễm phúc nào.
Người nghèo là một con rắn
anh em tránh xa hân
vì những khổ đau
của kiếp nghèo.

Nhưng khi người nghèo đau,
sẽ có những người bạn
tử tế với hân;
khi người giàu đau
muốn đốt một cây đèn
phải chờ một tên nô lệ.

TA TRUNG-SON d



Điệu buồn cho CHARLIE

(BLUES FOR MISTER CHARLIE)

kịch của : JAMES BALDWIN

bản dịch : HOÀNG THỊ E.

(tiếp theo VH 56)

MERIDIAN: Tôi tự hỏi không biết họ có khai thác được bản ta không.

JUANITA: Khai thác hần Khai thác hần. Ông muốn có thiên đàng trên địa giới chắt. Dù sao, họ cũng chưa *phải* được hần. Và, hơn nữa — tại sao họ *phải* khai thác hần? Tại sao lại là hần? Hần cũng chẳng xấu gì hơn mọi người khác. Hần là một kẻ đáng trọng trong bộ lạc và hần sẽ được bảo vệ, bằng máu, cái danh dự và sự thịnh vượng của bộ lạc hần!

(THÀNH PHỐ TRẮNG : Lyle bế xốc con đặt lên đùi mình.)

JO:

Những người không có xe có *bạn* có xe.

LYLE:

Được rồi, nhưng những người bạn rồi cũng *đạp* chán chứ. Joel đã đến cửa hiệu này hai ngày rồi.

JO:

Papa D. ấy à? Ông đó không biết tính toán đâu. Anh vẫn có thể nắm ông ta bằng đầu ngón tay nhỏ mà —

LYLE:

Này nhé, em nghe không? Ông ta đến đây hai ngày nay rồi, mua một gói bột và *chuyện* *văn* với tôi, ông ta bảo. Bọn da đen đã *chán* chạy quanh để có lương thực rồi. Không ai đại gì đi bốn mươi lăm dặm để mua một gói bột — em nghĩ gì khi em bảo Joel không biết tính toán?

JO:

Em không nghĩ gì cả. Nhưng thật có một cái gì không phải đối với một kẻ khi dân họ ít nghĩ đến họ.

LYLE:

Joel là một người rất tốt, chỉ có vậy thôi. Anh nghĩ đến ông ta nhiều hơn anh nghĩ đến dân da trắng nữa, đó là sự thật. Và ông cũng biết việc gì là phải, lẽ cho dân ông.

JO:

(Đặt con vào giường): Được rồi. Bán một gói bột một lần trong tuần không có nghĩa là đem gửi con vào trường được. (Ngừng một lát) Nhưng anh định mở rộng cửa hiệu như thế nào đấy?

LYLE:

Anh đang nghĩ cách làm cho nó thêm — phải rồi, thêm rực rỡ hơn. Dân ta thích màu sắc mà —

JO:

Anh muốn nói là dân da đen thích màu sắc.

LYLE:

Trời đất, Jo này, anh có phải chỉ buôn bán với bọn da đen đâu! Em có chịu nghe anh không? Anh sẽ dựng nó lên có một mặt tiền mới, sẽ có đèn sáng — và em biết đấy, chúng ta sẽ được thoả đáng hơn ở đây. Rồi, tại sao chúng ta lại không mở một gian hàng áo quần đàn bà? Không có gì quá đáng cả, nhưng anh cam đoan với em nó sẽ đem lại chúng ta lợi nhiều.

JO:

Em chẳng biết nữa. Đa số những bà em quen cầu mua áo quần ở tiệm Benton, đường Decatur.

LYLE:

Nhưng dân da đen thì không — dù sao, chúng ta cũng có thể bán cho họ cùng thứ đó. Các bà da trắng, anh muốn nói —

- JO: Không. Không thể giống nhau được.
- LELY: Tại sao không? Một cái áo cũng chỉ là một cái áo thôi.
- JO: Nhưng nó lại có vẻ tốt hơn nếu anh bảo anh mua nó ở đường Decatur! Ở tiệm Benton. Dù sao đi nữa — anh kiếm tiền đâu ra để mở rộng cửa hiệu đã?
- LELY: Anh có thể vay ở nhà băng. Anh sẽ nhờ lão Parnell ký chung với anh hoặc nhờ hắn kiếm một ông bạn giàu có của hắn ký chung với anh.
- JO: Parnell có gọi anh sáng sớm nay — anh không có ở cửa hàng hôm nay.
- LYLE: Em nói gì, anh không có ở cửa hiệu à.
- JO: Vì Parnell gọi rất sớm và nói rằng ông muốn gặp anh tại cửa hàng nhưng đã không có ai trả lời cả.
- LYLE: Có chuyện gì đâu. Anh đi bách bộ mà.
- JO: Ông ta bảo có tin buồn cho anh.
- LYLE: Tin buồn làm sao?
- JO: Ông ta không nói gì cả. Chiều nay ông sẽ đến đây để đích thân cho anh biết.
- LYLF: Em đoán thử xem chuyện gì?
- JO: Em đoán họ sắp bắt anh?
- LYLE: Không đâu, họ sẽ không bắt. Họ đâu có điên.
- JO: Em nghĩ có thể lắm. Hồi sau này trong thành phố ta có nhiều chuyện lộn xộn và ngay trong báo chí Bắc Mỹ cũng vậy — và bây giờ, lại chuyện đó — chuyện thằng da đen ấy chết —
- LELY: Họ chẳng có lý do nào cả.
- JO: Không. Nhưng anh là người cuối cùng gặp thằng bé con điên rồi đó — ~~hắn nó có~~ ~~đang~~. Và bây giờ chắc mọi người nghĩ lại — cái lần trước kia.
- LYLE: Đó chỉ là đề tự vệ. Chính ông thị trưởng cũng nói như vậy. Mẹ cha nó, anh không phải là sát nhân. Đó là những chuyện mà anh không tin là đúng.
- JO: Người ta không còn nghe nói đến con bé xấu số đó nữa — con vợ nó ấy.
- LYLE: Không. Cô ấy biến đâu mất rồi.
- JO: Anh không nghe tin tức gì về cô ta cả sao?

- LYLE: Làm sao anh có thể nghe chuyện cô ta nhiều hơn kẻ khác được? Không, cô ta chỉ biến mất — Anh tin rằng cô ấy có bà con đâu đó ở Detroit. Anh đoán cô lẽ cô ta đến đó đấy.
- JO: Em rất buồn cho cô ấy. Hồi sau này mỗi khi em gặp cô ấy em thấy cô có vẻ lạc lõng, lang thang khắp thành phố — và cô ấy lại còn trẻ quá. Lại còn xinh đẹp nữa.
- LYLE: Với anh cô ta như một con khờ dại. Như cô ta [quá trẻ để lấy chồng vậy. Anh đoán cô ta còn [quá trẻ so với thằng chồng.
- JO: Trong cửa hàng người ta cũng nói vậy đó.
- LYLE: Chính thế.
- JO: Thiên hạ bàn tán nhiều quá! Đó là điều làm em sợ nhất bây giờ đây.
- LYLE: Bàn tán đâu có ăn thua gì. Anh hy vọng em sẽ không tin những gì em nghe đồn.
- JO: Nhưng mọi người ai cũng vậy. Em chắc đa số họ đều nghĩ như vậy.
- LYLE: Em không tin anh à?
- JO: Không. (Một lát) Anh biết đấy — sáng thứ hai — là chúng ta cười nhau được tròn một năm rồi!
- LYLE: Vâng, ai cũng bàn tán về *chúng ta* cả. Đứa con của chúng ta mới chỉ được có hai tháng.
- (Chuông reo ngoài cửa)
- JO: Parnell đấy.
- (Đi ra).
- (Lyle đi lên đi xuống, nhìn vào nồi. Jo và Parnell vào.)
- LYLE: Tôi g... này anh mới lộ mặt ra ở đây đấy ông bạn già à! Anh... rộn với bọn da đen đến nỗi không còn thì giờ dành cho bọn da trắng nữa. Anh có chắc anh sẽ không lấy một con bé da đen nào đó ở bên kia thành phố không? Bởi vì, tôi tuyên bố là—!
- PARNELL: Tôi tha cho chồng bà đấy, bà Britten ơ, thật đấy. Sự thật, tôi sợ phải lấy làm tội nghiệp cho lối thích đàn ông của bà đấy. Nếu tôi được gặp bà trước thôi, thưa bà, và nếu bà thấy tôi cũng dễ thương, thì tôi đã tránh được bao nhiêu là đau khổ rồi! Trong nhà có gì uống

không? Đừng bảo rằng không có nhé, cả hai chúng ta đều khát cả. Chúng ta ngồi xuống đi.

LYLE: Đem rượu lên đây, em ạ.
(Jo mang nước đá, ly, v.v. và rót).

Mấy ngày nay anh làm gì đấy?

PARNELL: À, dường như tôi đã thay đổi chiến địa rồi. Tôi không còn bênh vực cho dân da đen nữa, mà tuần này tôi đang bênh vực cho anh. Tôi vừa mới rời Cảnh Sát Trưởng ra đây.

LYLE: Thằng cha già lạc loài đó thế nào?

PARNELL: Có vẻ khá. Nhưng đúng hán là một thằng già lạc loài—
Lyle hán ta đang ra lệnh bắt giữ anh đấy.

LYLE: Hán sắp bắt tôi? Anh muốn nói là hán tin tôi đã giết thằng nhỏ đó sao?

PARNELL: Vấn đề nó tin hay không tin chẳng dính gì đến vụ này. Trường hợp này đưa ra nhiều hoàn cảnh rất đặc biệt và những hoàn cảnh này bắt buộc hán phải bắt anh. Tôi nghĩ chúng ta phải coi đó như một sự thật, rằng nếu hán nghĩ ra được một cách nào đó để khởi bắt anh, hán sẽ không bắt. Hán sẽ không bắt một người nào trừ những tên ăn mày mù lòa hoặc những con mụ da đen nếu hán nghĩ được một cách nào đó để khởi bắt—đầu óc hán nhỏ bé, lại nhát gan và to xác. Chúng có buộc tội là vụ ám sát.

JO: Vụ ám sát!

LYLE: Vụ ám sát!

PARNELL: Vâng; vụ ám sát.

LYLE: Tôi có phải là kẻ ám sát đầu anh biết như vậy chứ.

PARNELL: Tôi còn biết có kẻ đã giết thằng bé đó. Có kẻ đã nhét vào bụng nó hai mảnh đạn và đâm xác nó vào đồng cỏ bên cạnh đường rầy xe lửa ngay ngoài vùng ngoại ô. Có kẻ đã làm như vậy đó. Chúng tôi đã trả biết bao nhiêu tiền cho những kẻ lỏi lặc, đầu óc hẹp hòi, nhát gan, to xác để họ nắn lòng trước công việc tìm kiếm như vậy. Thật ra, chưa bao giờ họ nắn chỉ, nhưng còn—chúng tôi vẫn còn phải khám phá ra kẻ đã giết thằng bé đó. Và anh, anh bạn ơi, theo lời của Joel Davis, người ta cũng gọi là Papa D., anh là người cuối

cùng thấy thằng nhỏ lúc còn sống. Người ta còn biết rằng anh không tra thằng đó — có thể nói như vậy.

LYLE :

Thì có ai tra thằng đó đâu.

PARNELL :

A. Nhưng không ai giết nó. *Một kẻ nào đó đã giết nó.* Chúng tôi phải tìm ra kẻ đó. Và vì anh là người cuối cùng thấy mặt nó trước khi nó chết, chúng tôi phải bắt anh đề làm sáng tỏ vấn đề, hoặc đề thuyết phục anh.

LELY :

Họ sẽ không bao giờ thuyết phục được tôi đâu.

PARNELL :

Về chuyện đó, có lẽ anh đúng. Nhưng dù sao thì anh cũng sắp bị bắt.

LYLE :

Chừng nào ?

PARNELL :

Sáng thứ hai. Dĩ nhiên anh có thể trốn qua Mễ Tây Cơ

LYLE :

Tại sao tôi phải trốn ?

PARNELL :

Không phải tôi đề nghị anh phải trốn. Nếu anh trốn, tôi sẽ thúc giục vợ anh li dị ngay và cưới tôi.

JO :

A, nếu điều đó không tổng anh ra khỏi thành phố gấp, em không biết sẽ như thế nào đây! Ông ta cho anh dịp may đó, cưng à. Anh có chấp nhận không ?

LYLE :

Đừng có nói diên nói khùng nữa. Coi có vẻ xui cho anh lắm rồi, anh đoán vậy. Anh thà là anh không biết việc gì đã xảy ra với dân trong thành phố này cả!

PARNELL :

Việc này có vẻ không hay. Thật vậy, nếu thằng đó là da trắng, thì có lẽ sẽ rất bậy, *rất bậy*, và giờ đây anh đã đặt đít ngồi trong nhà tù rồi. Anh muốn nói sao, anh không biết việc gì xảy ra cho dân trong thành phố này à ?

LYLE :

Thật quá lo lắng cho một tên da đen — một tên ở miền Bắc nữa chứ.

PARNELL :

Nó sai... nó là con trai của Cha Meridian Henry.

LYLE :

Phải rồi, nhưng nó đi xa đã lâu, ta có thể coi nó như một tên da đen miền Bắc. Đi Bắc Mỹ, rồi hư hỏng và trở về lại đây để gây rối loạn — và họ còn bảo với tôi rằng nó cũng là một tên yêu quái mê hoặc nữa. Bận tâm làm gì ? Có lẽ nó bị một tên da đen khác giết — việc vẫn thường xảy ra — nhưng có ai nghĩ đến việc bắt họ không. Bỗng nhiên bọn da đen lại trở nên thần thánh trong thành phố này sao ?

PARNELL:

Ồ, Lyle tôi không đến đây để bàn luận về sự thần thánh của dân da đen. Tôi chỉ đến để cho anh biết có lệnh bắt anh. Anh có thể nghĩ rằng một tên da đen suy đồi từ miền Bắc trở về nhà để tìm lại thăng bằng trong tình thần là đáng bị giết chết—nhưng tôi thì không.

LYLE:

Đường như anh nghĩ rằng tôi chống lại bọn da đen thì phải—nhưng tôi không phải vậy đâu. Tôi thì là suốt đời không chống lại họ. Nhưng tôi chết mất nếu tôi phải chung lộn với họ. Chỉ có vậy thôi. Tôi không tin điều đó, và chỉ có vậy thôi. Tôi không muốn có một tên da đen thô lỗ khờ khạo nào bên cạnh Josephine và điều này có thể đưa đến chỗ đó, và anh biết rõ nó cũng như tôi! Tôi chống đối sự kiện và tôi sẽ làm bất cứ điều gì tôi phải làm để chặn đứng nó, vâng, tôi sẽ làm!

PARNELL:

Giả dụ như nó—thằng con đồ đầu của tôi kia—nó quyết định cưới một cô gái Trung Hoa. Anh biết, trên thế giới này có biết bao nhiêu là gái Trung Hoa—tôi cả anh không biết điều đó đâu. Nhưng có, có những cô gái đó. Ta hãy cho rằng nó lớn lên và nhìn chung quanh toàn là những người đàn bà da trắng chính cống và—xin miễn sự có mặt của bà ở đây, thưa bà—họ làm nó buồn nôn và do đó nó quyết định lấy một cô gái Trung Hoa chính cống. Anh sẽ làm gì? Bán nó để ngăn cản nó à? Hay anh sẽ bán cô kia?

LYLE:

Parnell, anh là bạn của tôi. Anh vẫn luôn luôn là bạn của tôi. Anh hiểu tôi nhiều hơn tất cả mọi người trên đời. Vậy thì việc gì đã xảy ra với anh vậy? Anh—anh không sắp trở mặt với tôi đấy chứ?

PARNELL:

Không. Không. Tôi không bao giờ trở mặt với anh đâu. Tôi chỉ cố gắng bắt anh phải suy nghĩ.

LYLE:

Tôi lưu ý rằng anh không cưới một cô gái Trung Hoa nào cả đấy. Chưa bao giờ anh lấy vợ cả. Đàn bà đang tìm cách gây khó khăn cho ông bạn già Parnell không biết đã từ bao lâu rồi—tôi cũng không biết bạn có được gì hay không, ông bạn của tôi, nhưng tôi sẽ chán lắm nếu bạn không biết xử dụng nó! Còn cô gì đó—cô Loretta—anh có định cưới cô ta không?

PARNELL:

Tôi không chắc.

JO:

Parnell, anh thật là ghê gớm. Ghê gớm!

- PARNELL : Tôi lại nghĩ tôi đang cho cô ta một đặc ân. Cô ta còn có tương lai hơn tôi nhiều. Tôi chỉ là một tên chủ bút của tờ báo sạt nghiệp — chủ bút một tờ báo không ai đọc — đang trong thời xuống dốc kinh khủng.
- LYLE : Tôi nghĩ anh thích nó ở đây.
- PARNELL : Tôi không thích nó ở đây. Nhưng tôi yêu nó ở đây. Hay có thể tôi không thích. Tôi không biết nữa. Tôi phải đi.
- LYLE : Làm gì với thể ? Sao không ở lại dùng cơm với chúng tôi đã?
- PARNELL : Loretta đang chờ. Tôi phải dùng cơm với cô ấy. Rồi tôi còn phải dạo một vòng dọc quanh thành phố nữa.
- LYLE : Đương đó họ đang bàn tán thế nào anh biết không ? Tôi đoán họ đang cầu nguyện ngày đêm sao cho tôi bị trở lại, có phải vậy không ? Chà, tôi cũng chẳng cần.
- PARNELL : Đừng. Đời giản dị hơn vậy nhiều. Dù sao, Papa D, là là người duy nhất bàn tán nhiều đấy.
- JO : Em đã bảo anh ông ấy không tốt, Lyle em đã bảo rồi mà!
- LYLE : Không hiểu có gì xảy đến với ông ta nữa ! Chúng ta quen nhau đã hàng bao năm nay mà ! Chắc có lẽ tại ông già rồi. Anh về và bảo ông ta rằng tôi nói ông đã lầm lộn — về chuyện giữa tôi và thằng bé đó. Bảo ông ta là chúng mình đã có nói chuyện với nhau và tôi bảo ông ta đã hơi lầm rồi đấy.
- PARNELL : Ngày mai tôi sẽ ghé qua, nếu có thể. Chào bà nhé, Jo, và cảm ơn nhiều. Chào Lyle.
- LYLE : Chào bạn.
- JO : Tôi đưa anh ra cửa.
- (Jo và Parnell đi ra. Lyle đi lên đi xuống.)

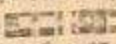
(còn tiếp)

HOÀNG THỊ-ĐOAN dịch



GIỜ I NGHIỆM

ĐỖ TIẾN ĐỨC

Khi bóng tối đã loáng nhạt, tôi vùng ngồi dậy, hai tay ôm gối nhìn ra ngoài trời. Thế là thêm một đêm không ngủ. Không ngủ nổi vì nằm trong chiếc chiếu mỏng trải trên mặt đất lạnh lấm. Vì thiếu chiếc gối vừa làm cao. Vì không có chiếc chăn lụa chần ngọc và gây hơi ấm. Mình thế mà yếu. Chịu đựng kém quá. Mai một vào lính, đi hành quân ngủ bờ ngủ yếu. Chịu đựng kém quá. Chả nhẽ quân đội lại có một tên sĩ quan được truy tặng bực thì làm sao. Chả nhẽ quân đội lại có một tên sĩ quan được truy tặng anh dũng bội tinh vì chết trong trường hợp  Một đêm qua thật dài. Người đại diện ban quân trị mới năm xuống đã ngày như thật bề, thỉnh thoảng lại còn ừ ừ la đừng có chen, đừng có chen, ai cũng có phần hết. Nước mắt kỷ này sao hồi quá.

Tôi quay vào nhìn ông ta vẫn co quắp, hai bàn tay dặt vào bên, một. Bàn tay tiếng gà gáy mỗi lúc một thều. Trong nhà, tiếng con nít khóc oai oai và tiếng  hơn. Tôi chợt lặn thần nghĩ, vậy không biết gáo nước hay nó ho. Nhưng có lẽ là tiếng reo vui chào bình minh vì gà đầu có những nỗi thống khổ của loài người.

Tối qua, tôi đã thấy những gia đình bên mâm cơm bày ngoài hiên âm thầm. Gọi là mâm nhưng không có chiếc mâm. Chỉ gồm một khoảng đất nhỏ giữa vài người ngồi quây tròn, đặt một nồi cơm, một miếng cá khô đặt trên mảnh lá xanh tươi. Một chiếc chén nhỏ đựng nước mắm. Không gia đình nào có thêm một chiếc đĩa đựng thức khác hai thứ ấy. Đã thế trời đất lại còn mang bóng tối và những cơn gió bụi trộn thêm vào chén cơm của họ. Để mâm mà hơn sao.



Hút xong hai điều thuốc, tôi lững thững ra giếng rửa mặt. Chi đang ngồi chõng mông đánh răng. Chiếc khăn mặt xanh bỏ trong ca nước đầy lênh bênh như mớ rong nuôi cá vàng. Chi gạt đầu chào, vội xúc miệng quay đi nơi khác nhờalet. Tôi cười nhẹ. Mình có mang đồ theo dân mã ra đây làm gì. Con nhỏ tưởng bỏ nghĩ mình dân cảnh tén nó đây. Chi chợt hỏi :

— Anh Phó lấy bàn chải và khăn em dùng tạm đi.

Bởi xung quanh toàn người lạ nên tôi bạo dạn gạt đầu :

— Thế thì hạnh phúc rồi còn gì. Có Chi cứ rửa mặt trước tôi còn đánh răng mà.

Chi dạ thật ngoan. Rồi ngửa mặt để chiếc khăn bọc bàn tay chà từ đôi má xuống tận cổ và sau gáy. Vài sợi tóc ướt rồi như cành lá đương sau trận mưa. Con nhỏ cũng xinh đấy chứ. Tôi cúi nhìn gót chân Chi. Tâm hồn tôi thật cởi mở. Mùi thơm từ chất kem đánh răng khác với thứ tôi thường dùng thấm vào lưỡi ngào ngọt trong miệng. Em Chi ơi, anh đang nuốt chút nơi thờ của em còn lại trong chiếc bàn chải rồi đấy nhé. Vậy có khác gianh và em hôn nhau đâu. Bất giác những xúc động ái ân bùng cháy trong các đường gân và mạch máu rung động khắp toàn thân. Tôi nhìn Chi say đắm, ân yếm. Đẹp như thế này mà sao lại đi theo anh trưởng-ty bưu điện thì lạ thật. Nó đã vợ ba con rồi, chẳng nhẽ Chi không biết? Vô lý, hay Huyền nói dối? Vô lý. Huyền nói dối chuyện này làm gì. Nhưng ở tại sao mình lại không lấy khẩu cung của em nhỉ? Tôi hỏi Chi sau một cái nuốt nước miếng:

— Có Chi quen anh Độ lâu chưa?

Chi ngưng mọi cử động, nhìn tôi, rồi rất nhanh lại lấy ngay được dáng điệu tự nhiên cũ. Tôi chợt liên tưởng tới Huyền. Sao Huyền và Chi có những cử chỉ và phản ứng giống nhau thế? Hai bàn chân Chi day day lên nhau kỳ lạ với những miếng nước từ chiếc ca trên tay Chi bắt xuống:

— Nhà em có họ và anh Độ mà. Nhưng anh hỏi để làm gì?

— Độ có nói với tôi về Chi về quận sớm.

Chi nhìn tôi chờ đợi trước khi nói:

— Thế đến ngày nào thì anh cho em về?

Tôi cười đùa trong lúc trả lại Chi chiếc bàn chải:

— Đến một ngày đẹp trời.

Đôi mắt Chi cúi xuống chớp liên liên những cái ngắn và mau. Tôi thấy không thể đứng với nhau lâu hơn. Nhờ đưa nào thấy lại tàn thối một cái thì mắt mất bầu cua hết. Vì vậy tôi trở lại với dáng điệu lãnh đạm và nghiêm nghị thường ngày. Chào Chi cảm ơn đã cho mượn, tôi sẽ nhớ mãi, nhớ mãi. Định nói nhờ mãi mùi hơi thở của Chi trong bàn chải đánh răng và mùi da thịt của Chi trong khăn. Tôi bỏ bờ giếng đi vào bờ. Giờ này ở nhà, Huyền đã sửa soạn đi học rồi. Và khi người bán xôi đi qua cửa, Huyền sẽ mất một tiếng gọi chủ có ăn xôi không. Liệu trong đêm qua, Huyền có thao thức chờ tiếng cánh cửa cọt kẹt khi mình mở khóa.

Ông đại diện ban quản trị thấy tôi, cười nói ông Phó dậy sớm sao ông không ngủ thêm. Tôi trả lời tại tỉnh ít ngủ. Nhờ đến câu nói sáng của ông đêm qua, nước mắt kỷ này sao hơi qua, tôi hỏi:

— Đò tiếp tế của tỉnh đạo này có vẻ kém trước, phải không bác?

Ông đại diện dạ dạ dề dặt chưa dám cho ý kiến thì người đàn ông già lom khom ngồi bên nói gay gắt:

— Ăn cắp bắt còn lấy đầu thứ tốt cho dân mà hỏi.

Ông đại diện:

— Đừng nói bậy bạ, ông Sáu.

Người đàn ông tên Sáu vênh mặt, nhường mắt kèm nhèm lên như cố muốn nhìn những đường nhăn nổi cồn trên khoảng trán hẹp và đen xạm:

— Bậy gì. Tôi thấy họ ăn cắp phần trợ cấp của mình thì tôi nói. Có chết thì chết, không cần. Gạo thì mục. Nước mắm thì hôi, mặn chát toàn muối. Cá thì phơi khô, con nào lớn nhất cũng chỉ bằng ngón tay. Bỏ bắt chúng tôi về đây để ăn những thứ đó à?

Ông đại diện nói giọng hơi gắt:

— Nhưng nếu mua thứ ngon thì phần của lại ít đi. Ông chịu không?

— Không biết. Tôi yêu cầu cho chúng tôi đủ ăn đủ mặc như đã hứa. Các ông mang tội tôi về thì phải lo cho tội tôi chứ. Không thì trả về xã đi.

Tôi nhìn cái thân gầy nhom của ông già, tâm hồn xáo trộn sự bức tức với lòng thương hại. Nhưng bức tức nhiều hơn. Ông lại đập cho vài cái vào mạng mỡ cho đỡ mây tịch luôn bây giờ. Tội Việt Cộng nó nhét phân vào trong đầu nhiều quá rồi nên nói là căm thù, là giai cấp. Khuôn mặt hằn choắt lại khiến cái mồm vênh ra. Trên mép lơ thơ mấy sợi

rầu. Cái mồm ấy đã nuốt được bao nhiêu miếng thịt heo thịt bò rồi. Tôi vùng vằng bỏ ra ngoài. Ông đại diện chạy theo kể lể khổ lắm, mấy người đó lộn xộn hoài. Bao nhiêu lần suốt đánh nhau với cán bộ tới chiến phim và học tập. Nó bảo đồ cấp phát toàn là đồ đế quốc Mỹ phế thải. Nào là tỉnh ăn chặn ăn bớt nên mua thực phẩm xấu, như ông Phó vừa nghe đây. Tôi gật đầu nói tôi sẽ tới đây luôn và tổ chức nhiều buổi học tập cho thấm nhuần chính sách quốc gia. Ông đại diện đề nghị tiếp theo là xin đề những người do các cuộc hành quân lừa về ở riêng nơi nào đó, đừng cho chung với những người tự ý lánh nạn. Không hông hết. Tôi thấy có lý, nói sẽ về trình ông tỉnh trưởng đề không cưỡng bách ai đi cư nữa. Với lại cái hạng người già ưa bệnh tật, bất khiển dụng, phé cảnh như thế phải đề lại cho tụi nó nuôi mới đúng chứ.

Chừng gần chín giờ, xe quận mới ra đón anh về. Tôi gật anh Hai tại sao chậm trễ. Anh Hai nhún mặt tại bà quận sai em chờ bà đi lễ chùa, tưởng chổng ngờ đâu bà lễ nhiều quá. Buổi sáng có điện thoại của tỉnh mời quận tới họp, nhưng đại úy đi khỏi, chắc ông Phó phải đại diện. Tôi hỏi họp mấy giờ. Anh Hai lắc đầu không biết.

Tôi bảo lái xe thẳng về nhà để thay quần áo. Căn phòng và chiếc giường mới xa một đêm mà đã thấy lạnh lẽo. Bao giờ mới có người đàn bà chờ mình ở nhà, lo cho mình những tiện nghi. Bao giờ mới có tiếng nói mỗi khi mình về gõ cửa. Tôi lăm lăm mở va ly lấy quần áo, thay xong lập tức khóa cửa đi. Anh Hai hỏi ông về quận hay lên tỉnh luôn. Tôi nói thôi cho tôi lên tỉnh thả sớm còn hơn chậm. Dù thế, khi tới tòa hành chánh thì buổi họp đã bắt đầu từ lâu. Nhìn vào phòng thấp thoáng những cái đầu, tìm tôi đập mạch, hồi hộp. Còn lại quắc mắt ông đi đầu mà giờ này mới lộ đồ tới cho xem. Nhưng tôi không thể lui được nữa. Thôi thầy kê, cha này cho uống cà phê trứng cũng không có gì ngạc nhiên. Tôi đẩy cửa bước vào. Mọi người quay cổ dò đón những con mắt lên người tôi. Còn cũng ngưng nói khi tôi cúi đầu chào. Ông không kịp đề tôi ngồi đã là lên:

— Ông đi đầu này bây giờ mới lộ đồ tới? Ông có biết ông đi họp hay ông đi xi-nê thường?

Tôi đứng thẳng người nói thật mạch lạc:

— Thưa Trung-tá, tôi mắc chút việc ở trại tạm trú nên về trễ.

-- Trại tạm trú, Ông đừng bịp tôi. Ông ra đây từ hồi nào ra và làm gì?

— Tôi ngủ đêm tại trại vì mắc tổ chức học tập cho đồng bào.

— Châm nhĩ.

Giọng ông đã chuyển sang điệu mỉa mai:

— Các ông được trời phú cho cái tài báo cáo hay lắm. Có thể đi đêm với gái rồi kể lể là công tác cũng ăm ắp.

Rồi lại nghiêm ngay nét mặt:

— Tôi nói để các ông biết, cộng sản nó tới sâu gây rối đấy. Liệu mà phê phớt, khơi khơi cốt cho hết ngày hết tháng để lãnh lương. Tôi không chịu nổi thái độ đó của các ông. Tôi nói các ông không nghe thì coi chừng tôi. Coi chừng tôi.

Còn nói một câu dài quá. Và kết quả ông thu được ở tôi là những sự bực tức định trình bày nhiều nhận xét về công việc, thấy không còn cần thiết nữa. Tôi cũng không hồ thẹn. Tôi cũng không nổi nóng. Tôi bật cười. Giá cha này ì vào khung vải như trên màn bạc có lẽ mình cười phá ra mất. Tôi xuống hàng ghế sau cùng, ngồi bên Lâu và Trai

Buổi họp có lẽ mới qua chừng mười phút. Trên cuốn sổ tay của mọi người mới ghi nguệch ngoạc được vài chi tiết, họp tính, đặc biệt về kế hoạch bình định. Kế hoạch bình định. Vấn đề của Quang. Vấn đề của chiếc xe lửa bị mìn. Vấn đề học tập cho dân trước khi nhận trợ cấp. Vấn đề mua cà, gạo, nước mắm, có đôi từ thư tốt lấy thư xấu thật không. Liệu mình có nên nói những ý nghĩ này? Còn có nghe hay lại nghĩ mình đại công chuộc tội nên tán bậy?

Nhưng buổi họp ấy tôi đã ngồi không nói một tiếng. Cũng không ai nói ngoài tiếng của ông Côn. Tinh hình an ninh như vậy là kém lắm. Tôi quyết định từ tuần này, công chức phải trực tại sở mỗi tối, năm mươi phần trăm. Vẫn không ai có ý kiến. Thiếu tá phó nội an ngồi rung rung từ cái đầu xuống đôi chân và đang mỉm cười với nét bất đưa trên trang giấy.

Buổi họp tan bằng những tiếng thở nhẹ nhõm của mọi người tham dự. Ông Côn bưng ly cà phê đá ra ngoài hiên sau, một tay chống ngang dây lưng. Tôi nhìn ông, trong đầu tuyệt nhiên không có một ý tưởng. Những câu ông nói như ở lại trong phòng này với ông. Tôi lững lờ ra. Lâu chờ tôi tới gần, cười hình hích, đâm vào vai tôi nói có phải em Huyền làm cậu thức đêm đấy không. Tôi nhìn sâu vào mắt Lâu, cười nhạt. Cậu chỉ đáng tội trả lời vậy thôi. Rồi cười thế thôi.

Từ trên cao chợt dội những tiếng ầm ầm mông mênh. Bốn chiếc máy bay phản lực đen như những mũi tên thần vun vút chấp vờn nhàn thành hình thoi. Những vệt để lại phía sau trắng xóa, nở dần bề rộng. Như bốn giải lụa bạch vắt ngang trời. Như những làn mây được thả từ trong máy bay để tổ diêm bầu trời. Âm thanh mỗi lúc một ào ào rung động cả không khí. Tôi tưởng đang ngồi trong thân máy bay, như buổi rời Sài Gòn. Chỉ Dung đi theo ra trạm khởi hành. Thời buổi này đừng có dờ dỗi anh hùng tàu làm gì. Ráng nhìn nhục, tìm nơi quen

biết mà như vậy, cốt khôi chết là được. Nước mắt chị ứa ướt diêm mi. Em hãy nhớ cái chết của anh Thắng như một bài học. Nhiều lúc chị giận anh ấy cay nghiệt. Hăng lắm. Lý tưởng lắm. Đang làm văn phòng thì xin đi mất trận. Chị Dung ơi, em vừa chiều lòng chị đấy nhé. Em đâu có anh hùng lùn, phải không chị.

Bỗng có tiếng gọi Đạm, Đạm ở phía sau. Tôi quay lại, thấy Độ đang rào bước và cười thật tươi. Anh lại định gạ cho em Chi của anh về quận chứ gì. Tôi đứng chờ. Độ hỏi cùng với cái bắt tay thật lâu và lắc lắc, tôi qua ngủ ngoài trại hả. Tôi gật đầu thỉnh thoảng phải sống chung với cán bộ xem cuộc sống họ ra sao chứ. Độ vào chuyện ngay. Các cậu ở quốc gia hành chánh có khác. Này có nghe Chi nói gì không.

Tôi cười:

— Chuyện anh và Chi thì ai mà không biết, cứ gì phải nghe Chi thuật lại.

Độ không che dấu hết sự sung sướng:

— Cậu cũng tin lời thiên hạ sao. Chi với moa có họ đấy chứ. Chẳng tin moa mới cậu vào nhà chơi, bà xã moa nói cho nghe. Về nhà moa nhé.

Dứt lời, Độ đẩy tôi lên xe rồi quay đầu lại phía xe ty mục súc, nói lớn Miên ơi moa về nhờ xe của quận Đạm, cảm ơn cậu nhé. Xong anh nói với Hải, anh chạy về ty bưu điện đi. Tôi toan từ chối đề về quận làm việc sợ từ sáng tới giờ nhiều người đợi đã sốt ruột chờ đồng lắm rồi. Nhưng anh Hải đã cho xe chạy ngả đường khác. Thôi kệ, chậm vài phút đã chết ai. Ngồi trong xe, Độ không chịu bỏ phi một phút nào. Anh hỏi đủ mọi chuyện. Sao chưa thấy cậu gửi điện tin bao giờ cả? Hôm nào cần đánh điện thì cho moa biết là cậu muốn thảo thông điệp dài mấy ngàn chữ cũng được. Chỉ xin cậu hai mươi đồng, đó là giá tối thiểu để lấy cái sổ gửi, chịu không. Tôi gật đầu cảm ơn nhưng chỉ sợ phiền anh nhiều. Độ không để tôi nói hết đã xuê xoa khua tay ở anh em có mà lo chi chuyện nhếch nhếch. Tiền thu được thì cũng nạp vô cốp chứ bỏ túi đâu mà tiện thiệt hơn. Xứ chánh án, xứ ngư nông, an thường dọa vợ bằng n... e bức điện... tại cả mấy trang. Bà vợ tưởng ông chồng chịu chơi, thôi lủi lủi nhưng vẫn xột ruột nhắc đừng biểu diễn kiểu tốn tiền ấy nữa. Moa chỉ một nhất là vụ ông giáo viên thi sĩ Triều. Hề ông sáng tác được bài thơ nào là bắt moa điện ngay về cho các nhật báo ở Sài Gòn. Rê bằng thư bảo đảm, lại mau và các ông chủ báo sẵn sàng cầm đồng bèn cho đăng gấp.

Hết vấn đề ấy, Độ lại gọi những câu ông tỉnh trưởng vừa tặng tôi, trong buổi họp. Có thật không cậu? Anh em đạo này bàn tán về cậu nhiều lắm đấy nhé. Rồi tiếp với giọng thương xót:

— Chả nhẽ cậu lại bị con Huyền nó xiết thật.

Tôi nhìn Độ, lòng gợn lên những ý nghĩ bất mãn. Và không kìm hãm nổi, tôi vụt hỏi một câu sống sượng :

— Thế anh đã ngủ với nó chưa ?

Độ trề môi nhún vai nói :

— Không phải riêng moa.

Câu nói của Độ thật bình tĩnh, tuy nhiên tôi vẫn có cảm tưởng không được chắc chắn. Do đó, tôi giả lờ phản đối bằng những tiếng thật mạnh :

— Đúng. Không phải riêng anh nói dộc mà cả tỉnh này nói dộc. Đứa nào cũng bỏ bô là đã ăn nằm với nó, rồi cục hỏi chi tiết về cái nhân vị của em kiến trúc ra sao thì mỗi đứa về một cái, đủ kiểu của thế gian. Không ngờ các anh chỉ vì tự ái rôm mà vô tình làm chết một người.

Độ quay nhìn tôi. Tôi thấy nụ cười mỉm đầy vẻ chế diễu và khinh thường. Chết cha rồi, mình đã tổ bảy. Nó sẽ cho mình cả quỳnh và bị em Huyền cho vào xiếc thật. Tôi chợt nhớ tới Huyền. Hay mình đã bị Huyền lừa dối rồi? Chú đã được uống nước mưa hạ thổ chưa. Chưa. Thật đáng tiếc cho chú. Hôm nào cháu sẽ mang biếu chú chút ít. Có lý nào mình đã bị Huyền cho vào xiếc mà không biết?

Tiếng Độ vang vang lên trầm trầm :

— Cậu sẽ mắc kẹt ở đấy. Tình yêu của đứa con gái có căn là chồn cáo sẽ làm cậu mù quáng. Moa không có lý do nào để nói xấu nó. Moa đã có vợ con. Và với nó moa đã quá hiểu, không còn gì để thêm tiếc nữa cả.

Tôi không trả lời Độ, ngồi im cho tới lúc xe ngừng trước ty bưu điện. Độ mời tôi vào căn phòng bên trong, đi qua căn ngoài dùng làm phòng làm việc. Thấy những lá thư tôi tập quăng ào thùng, và những chiếc tem, tôi nghĩ ngay tới con tem Hà-tiên. Cả tuần nay chưa có thư nào cho chị Dung đây. Trước đây, anh không bị lại trách bấy giờ. Ở mà mãi chưa thấy chị báo tin gì về Tuý. Tâm hồn tôi bỗng sao xuyến như thoáng một cơn gió lạ. Đó có phải là cái sao xuyến tâm linh của người bố như các ông văn sĩ thường tả linh vào hoa? Tôi mỉm cười, chả nhẽ trời đã chỉ định mình giữ vai trò mới lạ ấy rồi. Thấy ơ, đừng nhẽ, anh chưa biết đã đủ can đảm để nhận cái kết quả của một đêm từ đêm từ biệt như thế. Nặng lắm cho anh đấy em.

Độ vén những sợi dây nhựa xanh đỏ kết thành tấm màn cửa, nhường chỗ tôi bước vào. Gian phòng bày biện giản dị nhưng đẹp. Anh chàng bưu điện này cũng nghệ sĩ lắm. Vậy thì chuyện móc nối với

em Chi cũng không có gì ngạc nhiên. Độ kéo ghế mời tôi ngồi, rồi quay xuống nhà sau gọi lên :

— Phương ơi, có anh Đạm lại thăm chúng mình đây này.

Tiếng người đàn bà hỏi lại :

— Đạm nào anh? Có phải anh Đạm với con Huyền không?

— Bậy nào. Nói thế anh Đạm có trách thì rân mà chịu đấy nhé. Anh Đạm đời nào lại mê con Huyền. Chính anh ấy đang thăm dò dư luận về cô Chi nên tới đây gặp em mà.

Thoáng sau, người đàn bà hiện ra trước khung cửa. Chúng tôi nhìn nhau, chào bằng cái gật đầu và cười bằng đôi môi mở rộng. Độ lên tiếng :

— Tôi vẫn âm thầm cải chính cho anh hoài hoài nhưng thiên hạ đâu nó tin. Đồn bậy đồn bạ, gán ghép láo lếu, lung tung.

Tôi vẫn giữ nụ cười im trên môi, nhìn người đàn bà tên Phương và người đàn ông tên Độ. Thế là trên đời này mình lại biết thêm hai người nữa, một tên Phương, một tên Độ. Vợ Độ rót nước ra ba cái tách rồi đặt mình xuống, ngó tôi, lắc đầu nhăn mặt :

— Cảnh giác đề phòng đấy, anh Đạm à. Bố mẹ nó cáo đề lắm. Lơ mơ là nó làm tùm lum câu chuyện, mang tiếng chết.

Độ đặt tách nước vào góc bàn chỗ tôi ngồi, rồi nổi lời vợ :

— Thôi bỏ chuyện đó đi, anh Đạm có gì đầu mà bàn tán. Em có kể tiểu sử và cuộc đời cô Chi cho anh Đạm nghe thì bắt đầu đi. Đừng để người ta sôi ruột nhé.

Phương lắc đầu với chồng :

— Nói về cô Chi thì chính anh mới đầy đủ chi tiết chứ em biết bao nhiêu. Với lại cô Chi là nhân-viên anh Đạm mà, anh là ^{ông} anh. Nhưng anh Đạm đề ý có ^{gì} thật à.

Những câu tiếp theo trong ít phút tôi ngồi nấn lại chỉ thấy quanh quẩn về Chi và Huyền. Đôi lần, giọng nói của Phương có cái gì xa vời, mĩa mai hờn dỗi. Và đôi mắt tôi gặp lần đầu ấy, thường nhìn tôi thật lâu, như có những thương yêu dồn cho tôi. Nếu được gọi người đàn bà này là chị nhỉ. Những chiều tối, những ngày nghỉ tôi với bà chị mà tâm sự, có lẽ đời bớt sầu nhiều lần. Tôi đã được đem theo chút ao ước và nhớ tiếc ấy ra về. Nhưng những thắc mắc về nhân vật Độ giữa câu chuyện về Chi và Huyền lại mạnh hơn bắt tôi phải suy nghĩ. Đề làm gì khi anh chàng ấy định tâm ghép mình với em Chi?

Làn gió thoảng bơ vơ trên hàng cây, chợt gây những xúc động êm ái trong tôi. Hơi thở bỗng như vẫn phảng phất nhiều mùi hương lại chưa tan từ buổi sáng bên bờ giếng. Nhà em có họ với bên ngoại của anh Độ mà. Nhưng anh hỏi làm gì. Huyền tròn mắt vậy chú chưa biết mối tình của chị Chi với ông trưởng ty bưu điện. Một vấn đề đấy nhé. Chắc chú không còn thích một cô cháu bé bỗng như cháu Huyền của chú nữa? Thật đáng thương cho cháu lắm. Những điều nhớ lại vụn vặt, mâu thuẫn khiến tôi mông lung hoang mang. Rồi cục, tôi bật cười ngao ngán hết hiều nỗi những con người của tỉnh lẻ rồi. Độ yêu Chi. Chi có họ với Độ. Độ ghép mình với Chi. Mình thì bị Huyền cho vào xiếc. Huyền làm dĩ, đã ngủ với Độ. Còn gì nữa. Còn gì nữa. Thủy có mang thật không mà chị Dung chưa cho tin.

Tôi trở về quận thật vội vã. Mình phải vui đầu vào những chồng công văn họa. may mới khỏi loạn óc. Đại úy quận trưởng đi kiểm tra nghĩa quân các xã vẫn chưa về. Tin tức của phòng nội an báo cáo cả xấp nhưng không có kết quả về cuộc hành quân An-Dân 27 mà Đạt tham dự. Thằng cha liệu có còn sống để về ty bưu điện lục thư của đứa em trai từ Sài Gòn gửi ra đều đều? Đang lúc ấy, hai cánh cửa chắn gió bật mở. Anh Vinh dẫn bốn người lạ mặt chen nhau bước vào.

— Thưa ông Phó, những ông này ở xã Lạc-Nghiệp muốn được gặp ông Phó.

Tôi gật đứng dậy bước tới chào cả nhóm. Vinh đã mang tới thêm hai chiếc ghế nữa, đủ cho bốn người ngồi. Một ông già để râu, sợi đen sợi trắng, đặt xuống trước mặt tôi tờ giấy trắng kẻ ô, nét chữ viết tay đã đen đặc. Tôi đọc thoáng cho đến những tên và những chữ ký, những vết điểm chỉ cuối đơn mới ngừng lên. Tôi mỉm cười, gây cảm tình:

— Chắc các bác cũng thừa biết là chính phủ đâu có sung sướng gì khi phải đốt mía của đồng bào. Đây là bất đắc dĩ. Việt Cộng nó thường nấp trong ruộng mía để bắn lên mình, hay giật mìn xe cộ. Nếu khai quang thì làm cách nào để có thể loại được chúng.

Ông già ban nãy chồm nửa thân người tới phía tôi:
— Kính thưa ông, ông phải hiểu cho là chúng tôi chỉ sống với những ruộng mía ấy. Rồi thuê nước nông giang của hiệp hội nông dân. Rồi tiền phân bón của ty nông tín. Tiền mua gốc của trung tâm mía. Bây giờ đốt hết. Xe thiết giáp quăng quăng hoai đến nỗi không còn một cây đề tráng miệng. Ông quận xét coi tại tôi lấy gì để trả nợ, lấy gì để sống đây.

Một người đàn ông khác, giọng nói xiên xiết giữa hai hàm răng rụng gần hết:

— Tại tôi đâu có phải Việt cộng mà nó giết hại tàn nhẫn thế.

Tôi cố gắng giảm bớt sự bức tức của bốn người :

— Các bác đã biết, ngay với Việt cộng chính phủ còn tha, còn chiều hỏi thì sao lại hăm hại đồng bào. Tôi tin là chính phủ đã nghĩ tới vấn đề bồi thường cho các bác rồi chứ không phải chờ khiêu nại đâu. Các bác tin đi.

Nói mãi các ông già này vẫn không chịu tin gì hết. Họ ngồi im. Có ông chùng hết chuyện, ngồi cấn móng tay và ngắm những ngón tay cong queo, đen thui như cái lạp xưởng nướng để nguội. Nhiều lúc tôi đã to tiếng một cách chủ tâm vì nghĩ biết đâu chẳng đem lại kết quả tốt. Tôi cũng đã định điện thoại tòa hành chánh để xin chỉ thị, đẩy trách nhiệm cho cấp trên. Thôi vội gì, chờ đại ủy quận trưởng về giải quyết. Hấp tấp vớ phải Cồn Chè là có hy vọng được châu cà phê oan. Vì vậy lời đi tiếng đại đẳng đại cho tới giờ tan việc. Tôi dùng dây sũa soạn vẽ, bắt đầu dĩ họ phải theo ra phổi phòng. Mình có quyền gì đâu trong vụ này.

Buổi chiều, tới quận, tôi đã bị bốn người đó vây lấy đòi giải quyết đơn buổi sáng. Tôi mệt mỏi vì nói quá nhiều. Nói những lời đã nói, lặp đi lặp lại chỉ có từng ấy ý. Như tên bán hàng quảng cáo trên lễ đường. Như ông giáo sư chạy suốt các lớp đệ tứ, giảng một bài thần thế Hồ Xuân Hương. Rồi đến sáu giờ, tôi ra khỏi công quận với trạng thái tâm hồn thật cô đơn. Nếu Đạt không hành quân, hai đứa ra biển chơi thú biết mấy. Tôi thêm một lần gió từ ngoài khơi ào ào tấp vào người. Hương thơm mặn mà tinh khiết như được gãi gãi một sự quen thuộc nào đó.

Nhưng chiều nay không có Đạt. Cũng không có ai khác. Phương mới quen, còn xa lạ quá. Huyền rắc rối với những lời đồn đại. Tôi bỏ về nhà, tắm rửa xuống giường im lặng cùng bóng đen đang dần loang trong phòng. Bên nhà Huyền linh như đang ăn cơm. Tiếng bát đĩa va chạm nhau lách cách. Chợt có tiếng Huyền con đề nghị với má lên nấu canh rau muống với tôm, nên đẩy vung lại. Tiếng bà Ph... bầu sao vậy. Huyền trả lời tại mẹ không đẩy vung nên tôm... ăn... hết, con chưa thấy xác con nào cả. Tiên sư mày... hoai. Tôi trở mình lăn vào vách tường chong chóng giữa hai nhà. Đứa con gái ấy mà là con điểm thật sao ?

Mãi tới gần tám giờ tối tôi mới đi ăn cơm. Lúc trở về, thấy ông Phước giắt xe ra đường. Đằng sau xe đeo thêm một gói lớn chấn mền. Huyền đứng một mình dưới cây trứng cá, bộ đồ trắng mờ nhạt lung linh như khối ánh sáng của ngày đọng lại đang tan dần.

— Bác đi trực ?

— Vâng. Số gì đâu mà mời tua đầu đã dính ngay rồi.

Huyền bật cười những tiếng ngắn :

— Con tưởng rồi đây Ba sẽ tỉnh nguyện đi trực ấy chứ. Ba sẽ có lý do chính đáng để đi suốt đêm, sương băng chết.

Ông Phước quay vào lớn tiếng :

— Mày tưởng tao đi chơi phông ? Tao đi kiểm cơm đồ vào mồm mày đây mà. Con nhà gì vô ơn bạc nghĩa vậy.

Tôi vội can :

— Huyền nó đùa cho bác vui đấy, giận làm gì.

Huyền nhìn tôi, rồi soay người bằng hai gót chân, vọt lều vào trong đôi cánh cửa mở ngỏ. Ông Phước đứng nhìn theo mãi mới lắc đầu uể oải ghéch đuôi lên ngồi xe đườn người và đạp ghàn xuống mặt đường cho hai bánh truồn tới. Tôi đi vào hiên lười biếng không muốn lấy chìa khóa mở cửa. Trong đó có gì ảm cúng hơn ngoài này đâu. Tôi ngồi bệt xuống bộ cửa. Hơi nóng ẩm ỉ bốc lên đủ nóng khắp móng dít. Tôi bâng khuâng rút điếu thuốc gài lên môi, rồi quẹt cây diêm cho ánh sáng lóe lên. Tuổi trẻ cũng như cây diêm chỉ cháy được có một lần thôi. Giờ này chị Dung ở đâu và đang nghĩ tới em không, chị. Em buồn quá, buồn hết chịu nổi nữa rồi. Tuổi trẻ của em đang bập bùng cháy. Thân xác em sắp chỉ còn là nắm than, nhưng em có đốt được sợi tóc nào đâu. Tôi thở dài xong hít một hơi dài, nhắm mắt lại và ngậm khói trong mồm. Tại sao mình lại ra tới cái vỉa hè xù này mà ngồi nhĩ. Vì sự nghiệp ? Vì hạnh phúc ? Vì tổ quốc ?

Đang mơ màng, tôi chợt nghe tiếng động nhẹ từ cửa nhà bên. Linh tính tôi nghĩ tới Huyền, nên vội quay sang. Huyền khi ấy đã đứng trong vùng ánh sáng giữa khe cửa. Chiếc bóng đồ dài rậm ngang trước mặt tôi. Lòng tôi tự nhiên vui lên, phoi phới đón những làn gió bờ ngõ rớt từ cánh cây trảng cá xuống. Huyền đi lại gần tôi thêm vài bước. Vẫn chỉ có tiếng gió rung rinh như những lời vui xa. Mãi sau, mới hồi hút thuốc có đỡ buồn không chứ. Tôi không đáp nhưng hỏi lại sao Huyền không vào học bài, sắp thi rồi. Tôi không nhìn rõ mặt Huyền những vẫn tin có tiếng thở. Ông câu nói :

— Cháu không thấy ham thích cái gì cả nữa là làm sao. Cháu chỉ còn một cái thú là đi lang thang trong bóng tối, một mình.

— Ngồi đây với chủ. Lát nữa tới giờ giờ nghiêm, chú chờ đi chơi. Huyền ngoan ngoãn ngồi xuống bên tôi. Chúng tôi cùng lặng yên. Tôi ướm lại những điếu thuốc trên môi không bằng ánh lửa diêm. Huyền ngồi thu người tròn nhỏ lại. Khuôn mặt đặt trong hai bàn tay đang hình chiếc nạng chống trên đầu gối. Lưng Huyền tạo thành đường cong êm ả, thanh thoát. Như vậy cho tới mười giờ. Những người cảnh sát với những chiếc

xe đạp loảng quảng, thổi tu huyết và hò lớn vào nhà đi, vào nhà đi, đóng cửa lại, tới giờ giới nghiêm rồi. Tôi bảo Huyền lên xe ngồi để các ông ấy vui nhé. Huyền không nói, lăm lăm đứng dậy theo tôi trèo lên xe. Mỗi người ngồi riêng một ghế và sự im lặng lại tiếp nối.

Chưa nghe tiếng súng đại bác nào bắn đi trong tối nay. Sự thiếu vắng ấy bỗng gây nên niềm chờ đợi thấp thỏm. Và riêng đường phố hoang vắng trong giờ giờ nghiêm như hoang vắng thêm, thêm một chút u hoài. Tôi bỗng cảm thấy lạnh. Hơi thuốc đã tê đầu lưỡi và khói thuốc quện vào làm cay mắt. Nếu bây giờ nước mắt mình trào ra thì không biết vì khóc tủi, vì gió lạnh hay vì khói thuốc cay nữa đây.

Tôi cho xe chạy trên những ngã đường không định trước. Con phố nào lúc này cũng giống nhau. Những cửa hàng chỉ còn buôn bán sự im lặng bí ẩn. Những thùng rác trên vỉa hè thấp thoáng những con chó ngằn ngo nhìn không đi. Tự nhiên tôi thấy thêm cất tiếng hát. *Ngày ấy có em đi nhẹ vào đời*. Tôi tiếp tục những câu không thuộc bằng những lời ngẫu nhiên nhưng đầy vẻ say sưa. Do đó, sự buồn thảm đã chìm xuống. Hình như sống giữa cảnh vật cô đơn, tâm hồn tôi lại tìm được sự ấm cúng và tin yêu nhiều hơn. Tôi quay sang Huyền. Không rõ em đang nghĩ gì lúc này. Ôn lại cuộc đời đã trải qua, hay tưởng tượng tới đêm nay, sẽ chịu cùng mình cộng tác tìm lạc thú. Huyền vẫn ngồi yên. Những mái tóc bay giạt về phía sau thành một vệt đen lớn ôm kín bầu má. Mình có gì để hành diện nếu được ôm Huyền ngủ trong đêm nay? Bởi nó đã qua bao người rồi. Nó đã qua bao nhiêu người rồi, Tôi bực tức đập mạnh chân ga. Chiếc xe vọt trườn lên vội vã với tiếng rú lớn.

Khi xe tới cổng trường Tư-Do, tôi chợt gặp luồng ánh sáng của hai ngọn đèn pha khác quét trên lùm cây ngủ lãng. Một chiếc xe jeep không mui trườn tới. Tôi bật lên hai tiếng Côn Cho. Trung tá tỉnh trường trông thoáng giây đã nhào tới ngang tôi hỏi sáng đi hóng gió hay đi tuần đấy, cậu? Tôi cố cười cùng với cử chỉ cúi đầu chào thưa trung tá, tôi đi tuần.

— Ai ngồi bên anh ?

— Cô này đi tro... giờ giờ nghiêm... Quận.

— Đổ xe lại.

Như vớ được con mồi, trung-tá tỉnh-trưởng hấp tấp đi vòng qua đầu xe, tới chỗ Huyền.

— Cô ở đâu ? Làm nghề gì ? Đi đâu trong lúc giờ nghiêm ?

Huyền dương mắt nhìn tôi. Tôi nhìn Huyền. Bỗng một tiếng bốp trên má Huyền. Cả thân người Huyền lạng vào phía trong. Bàn tay của Trung-tá tỉnh trưởng vẫn còn dơ cao. Tôi hốt hoảng kêu lên Trung-tá.

— Anh mang nó về quận, sáng mai gửi sang cảnh sát gấp. Con gái ở ngoài phố giờ này tất nhiên không phải hạng lương thiện rồi, anh tin đi.

Rồi ông hùng hục cúi đầu bỏ đi. Ngọn đèn sau xe ông đỏ rực như con mắt của loài yêu tinh. Tôi bỗng thấy con mắt ấy rời khỏi xe, chập chồn trong phố xong bốc lên cao cùng với những vì sao. Cứ lơ lửng như thế mãi, mỗi lúc trôi đi một xa. Như đèn hiệu của con tàu trong chuyến bay đêm trinh sát. Tôi bắt đầu sang số, lái xe chạy sang ngã đường khác. Về thôi. Tiếng động cơ đều đều êm ái. Hơi xăng cháy không hết phảng phất thơm như ngửi bên người yêu đang tỏ móng tay. Chút ánh sáng từ bảng đồng hồ mờ mờ như của ngọn đèn ngủ đầu giường.

Tôi đợi tiếng khóc nức lên của Huyền, nhưng chưa thấy.

ĐỖ TIẾN ĐỨC

(trích Má hồng)

NGUYỄN-DU, NHƯ LÀ MỘT HUYỀN THOẠI

Hay thơ văn chữ Hán của Nguyễn-Du như là những chứng nhân sự phản ánh cuộc đời hiện thực, kỳ quái của ông trong đoạn Trường Tân Thanh

(tiếp theo)

G.S THANH-LÃNG

3. Những Người Tôn giáo trong Kiều.

Kiều không phải là một câu truyện thường mà Kiều là một sự suy tư, một sự chiêm ngưỡng siêu hình về thân phận con người, và thân phận làm nô lệ của Nguyễn Du.

Phần lớn thơ văn chữ Hán của Nguyễn Du đều là đề nói lên nỗi băn khoăn, sợ hãi trước cái mịt mờ đáng đe dọa của thân phận con người trong tương lai.

Trong lúc viết truyện Kiều, Nguyễn Du đã đứng ở ngôi thứ nhất mà giả vờ đứng ở ngôi thứ ba, cho nên bao nhiêu điều ông đã nghĩ, băn khoăn, đã lo sợ, ông đã chuyển đi sang ngôi thứ ba. Các người tôn giáo, hay đúng hơn các tiếng nói tôn giáo trong Kiều vừa là dự phóng những lo lắng sợ hãi của Nguyễn Du, vừa là dự phóng những mong mỏi, ước nguyện của Nguyễn Du muốn cắt nghĩa những mâu thuẫn cuộc đời.

Bốn nhân vật được Nguyễn Du luôn luôn lôi ra để can thiệp và Nguyễn Du đã rèn rĩ trong suốt mấy trăm bài thơ chữ Hán của ông.

Mụ quản gia

Trong lúc Kiều bị bắt làm nô lệ ở nhà Hoạn Thư, mụ quản

gia, một thứ tu hành tại gia, đã động lòng hiếu sinh mà «đem lời phương tiện» nhủ bảo Kiều:

*May, rủi đã đành
Liều bỏ mình giữ lấy mình cho hay
Cũng là oan nghiệp chi đây
Sa cơ mới đến thế này không đứng
Ở đây tại vách mạch rừng
Thấy ai người cũ cũng đừng nhìn chi
Kéo khi sấm sét bất kỳ
Con ong cái kiến kêu gì được oan.*

Tiếng nói của quân gia thật đã biểu hiện đúng tâm thức đa nghi, lo lắng, sợ hãi, cô đơn... của Nguyễn Du: lời mù tố cáo sự mất an ninh của xã hội trong đó con người triền miên sống trong đe dọa không một lực lượng nào bảo đảm được sự an toàn: những chữ «*tại vách mạch rừng*» «*kéo khi sấm sét bất kỳ*», thân phận con người ví như con ong cái kiến có oan đi nữa biết kêu với ai. Nguyễn Du, qua lời quân gia, chỉ mới đặt ra một vấn đề, một dấu hỏi mà chưa có trả lời: câu «*cũng là oan nghiệp chi đây*» là một câu nghi vấn đầy băn khoăn, bao trùm trong vòng bí mật.

Sư trưởng Giác-Duyên

Sau khi trốn khỏi nhà Hoạn Thư, Kiều tìm đến nương náu tại «Chiêu-ân-am» một ngôi chùa nhỏ mà vị sư trưởng là Bà Giác-Duyên. Trong những ngày ở «Chiêu-ân-am», tình nghĩa giữa Kiều và vị sư nữ, tuy chẳng phải là lạnh nhạt, nhưng cũng chẳng lấy gì làm thắm thiết lắm. Vậy mà từ đây cuộc đời hai người như là gần bó với nhau, gặp nhau đi gặp nhau lại. Ta thử duyệt lại đây điệu bộ và ngôn-ngữ của sư bà Giác-Duyên.

Thật ra Kiều nói nàng là môn đệ của vị sư trụ trì chùa Bắc-Kinh, là một sự dối trá với mình, Sư bà Giác-Duyên ân tiếp đón Kiều. Nhưng khi nghe nàng đã trốn khỏi một cửa nhà Hoạn-Thư, thì Giác-Duyên lo sợ không dám chứa nàng nữa:

*Ở đây, cửa Phật là không hẹp gì
E chẳng những sợ bất kỳ
Đề nàng cho đến thế thì cũng thương
Lánh xa trước liệu tìm đường
Ngồi chờ nước đến nên đường còn quê
Có nhà họ Bạc bên kia
Am mây quen lối đi về dầu hương»*

Sau này, khi trở nên bậc mệnh-phụ ngồi xét xử, trả án, trả oán, Kiều lại gặp lại Giác-Duyên. Trong khi nhận quả do tay Kiều trao tặng Giác-Duyên đã kể hết sự tình cho Kiều nghe, nhất là thuật cho Kiều nghe về lời tiên tri của Đạo cô Tam-Hợp vốn là bậc tiên tri. Giác-Duyên nói:

«Cũng chẳng mấy lâu
Trong năm năm lại gặp nhau đó mà
Nhớ ngày hành cước phương xa
Gặp sư Tam Hợp vốn là tiên tri
Bảo cho hội hợp chi kỳ
Năm nay là một, nữa thì năm năm
Mới hay tiên định chẳng lầm
Đã tin diễm trước ắt nhằm việc sao
Còn nhiều ân ái với nhau
Cư duyên nào đã hết đâu? Với gì?»

Từ giả Kiều rồi, Giác-Duyên lại tìm gặp lại Bà Tam-Hợp đạo cô đề hỏi Bà về những điều mầu nhiệm đang bao vây cuộc sống mà Giác-Duyên không hiểu. Giác-Duyên hỏi Tam-Hợp đạo cô:

«Người sau hiểu nghĩa đủ đường»
Kiếp sao chịu những đoạn trường thế thôi

Sau khi nghe Tam Hợp Đạo cô giải thích, sư bà Giác-Duyên yên trí, bỏ chùa đi thuê thuyền chờ đón đề cứu Kiều rồi ra sẽ làm nạn sau này. Khi cứu được Kiều Nguyễn Du không dè cho Giác-Duyên nói năng gì thêm. Cho mãi đến khi Kiều gặp lại gia đình, lúc ấy Giác-Duyên mới lại lên tiếng lần cuối cùng vừa đề mừng vừa đề giả từ nàng:

«Nhân quả với nàng
Lâm-Truy buổi trước, Tiên Đường buổi sau
Khi nàng gieo ngọc trăm châu
Ta, nhau tôi để ở hương hoa về
Cung nhau nường cửa bồ đề
Thảo am đó cũng gần kề chẳng xa
Phật tiền ngày bạc lán la
Đăm đăm nàng cũng nhớ nhà khôn khuây»

Nguyễn-Du gọi Giác-Duyên là sư trưởng, chủ trì một ngôi chùa, nhưng Nguyễn-Du đã về cho ta thấy một nhà tu hành không có vẻ gì là thông liễu Phật pháp cho lắm.

Gặp người bốn đạo gian-chuân như Kiều, nhất là đang cần được

những lời chỉ giáo theo đúng giáo lý nhà Phật. Vậy mà Nguyễn Du đã không để cho sư Bà Giác-Duyên làm công việc ấy. Giác-Duyên xem ra cũng bần khổn, xao-xuyến, lo sợ trước những mâu nhiệm tàn nhẫn của cuộc đời. Chính Bà đã khổ sở đặt câu hỏi đầy bi hiềm với đạo cô Tam-Hợp :

*«Người sao hiểu nghĩa đủ đường
Kiếp sao chịu những đoạn trường thế thôi?»*

Giác-Duyên quả thực đã nhập thể Nguyễn-Du để nói lên tiếng nói hồ nghi, tiếng uối-lo sợ của Nguyễn-Du.

Tam Hợp Đạo cô.

Chính Kiều không lần nào được trực-tiếp gặp đạo cô Tam-Hợp, mặc dầu đạo cô hai lần như được xuất hiện trong Kiều.

Cứ như lời Sư Bà Giác Duyên, thì đạo cô Tam Hợp đã can thiệp vào đời Kiều lần thứ nhất trong khi Sư Bà Giác-Duyên hành cước phương xa, tức là trước khi Kiều lấy Từ Hải. Theo Giác Duyên sư trưởng, thì đạo cô Tam Hợp báo trước Bà Giác Duyên sẽ còn gặp Kiều hai lần nữa mà lần một gặp Kiều trong lúc nàng báo ân báo oán và lần sau thì chưa biết.

Từ già Kiều đi, Sư Bà Giác Duyên lại tái gặp đạo cô Tam Hợp lần hai. Lần này thì đạo cô Tam Hợp nói rõ về trường hợp mà Giác Duyên sẽ gặp Kiều, gặp ở dòng nước Tiền Đường. Đạo cô Tam Hợp nói lên những điều suy tư to tát, hệ trọng, về thân phận của Kiều, về thân phận làm người...

Để trả lời câu hỏi của Sư Bà Giác-Duyên.

*«Người sao hiểu nghĩa đủ đường
Kiếp sao chịu những đoạn trường thế thôi?»*

Đạo cô Tam-Hợp trả lời

*«Phúc họa đạo trời
Cội nguồn cũng ở người mà ra
Có trời mà cũng tại ta
Tu là cội phúc, tình là dây nan
Thúy Kiều sắc sảo khôn ngoan
Vô duyên là phận hồng nhan đã đành
Lại mang lấy một chữ tình
Khư khư mình bước lấy mình vào trong
Vây nên những chốn thương đông
Ở không yên ổn, ngồi không vững vàng*

Ma đưa lối, quỷ đưa đường
 Lại tìm những chốn đoạn trường mà đi
 Hết nạn nọ, đến nạn kia
 Thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần
 Trong vòng giáo dục gươm trần
 Kẽ lưng hùm sói, gửi thân tôi đòi
 Giữa dòng nước chảy sóng giời
 Trước hàm rồng cá gieo mồi thủy tinh
 Oan kia theo mãi với hình
 Một mình, mình biết, một mình, mình hay
 Làn cho sống đọa thác đây
 Đoạn trường cho hết kiếp này mới thôi»

Nói một thời một hồi như vậy, đạo cô Tam Hợp đã khiến cho sư Giác Duyên rụng rời vì thương Kiều. Để trấn an Giác Duyên đạo cô lại tiếp.

«Song chẳng hề chi,
 Nghiệp duyên căn lại nhắc đi còn nhiều
 Xét trong tội nghiệp Thúy Kiều
 Mặc điều tình ái khỏi điều tà dâm
 Lấy tình thâm trả nghĩa thâm
 Bản mình đã động kiêu tâm đến trời
 Hại một người cứu muôn người
 Biết điều khinh trọng biết lời phải chăng
 Thừa công đức ấy ai bằng?
 Túc khiên đã rửa lằng lằng sạch rồi
 Khi nên trời cũng chiều người
 Thệ nhàng nợ trước đền bởi duyên sau
 Giác Duyên dầu nhớ...
 Tiến đường thả một bè lau rước người
 Trước sau chọn vẹn một lời
 Duyên ta mà cũng phúc trời chi không?»

Ít khi Nguyễn Du đề ai nói dài, nói lâu như ông đã đề cho đạo cô Tam Hợp nói. Về nhân vật Tam Hợp, có lúc Nguyễn Du gọi là sư, có lúc ông gọi là đạo cô. Sư dĩ nhiên chỉ nhà tu hành môn đệ của Phật; còn đạo cô là bậc môn đệ chuyên lý số theo đạo Lão. Nhưng quan sát kỹ lưỡng nhân vật Tam Hợp, ta thấy nàng không phải chỉ là môn đệ của Phật, hay chỉ môn đệ của Lão mà thực ra nàng là môn đệ thuần khiết:

nguyên du

của cả Phật, Lão và Nho. Phải chăng vì vậy mà Nguyễn Du gọi nàng là Tam Hợp, tức như Tam giáo đồng nguyên.

Có lẽ hơn tất cả mọi vai truyện, vai Tam Hợp đã là Nguyễn Du đích thực hơn cả. Tiếng nói của đạo cô Tam Hợp là Nguyễn Du, suy tư, chiêm ngưỡng về thân phận con người và thân phận làm người. Trong Tam Hợp — tức trong Nguyễn Du — người ta gặp lại tất cả mọi niềm tin dị biệt đúc kết lại, nào là niềm tin Phật, tin Lão, tin Không, nào là niềm tin dân gian cổ truyền. Phản ánh niềm tin Phật, đạo cô Tam Hợp nói đến «duyên nghiệp» đến «túc khiên», đến «nợ nước» đến «duyên sau», «kiếp sau». Phật ngôn viên của Nho giáo, đạo cô Tam Hợp nói đến «đạo trời», đến «hiếu tâm», đến «hại một người, cứu muôn người» đến điều «khinh trọng»...

Nhưng có lẽ niềm tin của Lão giáo mới thực là niềm tin sâu xa của đạo cô. Đạo cô luôn luôn được xuất hiện trước tiên là một nhà lý số một nhà tiên tri, tin vào bói toán, đoán biết vận người. Chính vì vậy mà đạo cô cho là biết trước mọi việc xảy đến cho Kiều và giải thích thỏa được mọi bế tắc đang dằn vặt thể xác tâm thức Kiều.

Ngoài ra, đạo cô Tam Hợp còn nói tiếng nói của dân gian, còn mang những niềm tin của dân quê, theo đó thân phận con người chẳng những ở kiếp sau mà ở cả kiếp này đều bất bênh, vô định. Chính vì vậy mà đạo cô nói đến thái độ hốt hoảng «ở không yên ổn, ngồi không vững vàng», nói đến «ma đưa lối quỷ đưa đường» nói đến «kẻ lưng hùm sói», nói đến «trước hăm rồng cá, gieo mồi thủy tinh».

Tất cả những từ ngữ bí hiểm, tất cả những sao xuyến, hốt hoảng mà Nguyễn-Du đã đề lộ ra ở thơ chữ Hán của ông thì nay ông đem đề nó vào thái độ hay vào cửa miệng đạo cô Tam Hợp. Thế nên đạo cô Tam Hợp là tiếng suy nghiệm chiêm ngưỡng, về thân phận làm người của Nguyễn Du.

Dạm Tiên

Văn chữ Hán của Nguyễn-Du luôn luôn nói đến mồ mả, tha ma, nghĩa địa, tin... ảnh hưởng của đạo cô Tam Hợp, nghĩa địa đã được đặt ngay lên đầu câu truyện khiến từ đây khởi đầu tất cả câu truyện:

Thanh minh trong tiết tháng ba
Lễ là tảo mộ, hội là Đạp-thanh
Gần xa nô nức yến oanh
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân
Dập dìu tài tử giai nhân
Ngựa xe như nước áo quần như nen
Ngõn ngang gò đồng kéo lên

Ta nên chú trọng đến câu thơ cuối cùng «Ngôn ngang gò đồng kéo lên». Phải chăng gặp thời ly loạn, đói khát, dân chết ngập đường, người ta bỏ đầu chôn đáy như Ngô Thời-Chí hay Phạm Đình-Hổ đã từng ghi nhận, cho nên mới có cái Cảnh mồ mả ngôn ngang, nằm la liệt ngay bên vệ đường.

Nhưng trong đám mồ mả ngôn ngang ấy, Nguyễn-Du đã chú ý đến một ngôi mộ, ngôi mộ không có hương khói, mà té ra lại phải ngay ngôi mộ của một ca sĩ, tức ngôi mộ của một người có tài nghệ. Người con gái này bị thần chết đến cướp sự sống vào giữa lúc tuổi xuân. Đạm-Tiên biểu thị của mồ mả, của tha ma, nghĩa địa, của sự chết, nhất là của niềm xao xuyến, bồn khoăn về cái mịt mờ của kiếp sau. Thơ văn chữ Hán của Nguyễn-Du luôn luôn được ông nói đến nỗi lo âu, sự hãi rồi mai ngày khi nằm xuống dưới nấm vui nông kia, có ai tưới cho ly rượu hay chén nước lá không, hay rồi thân mình thành ra cỏ hồn ma đói, hồn khát, đi lang thang, thất thiêu...

Đạm-Tiên đã nhập thể mọi dự phóng siêu hình của Nguyễn-Du về thân phận con người của ông và của cả đồng loại ở kiếp sau.

Đạm-Tiên đã xuất hiện bốn lần trong đời Kiều.

Lần đầu tiên, trong lúc Kiều đang lâm râm khấn vái bên nấm mồ lạnh hương khói của nàng :

*Ao ào đồ lộc rung cây
Ở trong đường có hương bay ít nhiều
Đè chừng ngọn gió lần theo
Dấu giày từng bước in rêu rành rành*

Lần đầu này, Đạm-Tiên hiện ra mà không nói năng gì cả. Nhưng từ ngày ấy, nh ảnh Đạm-Tiên chấp chớn, lảng vảng, như tỏa ra, như thấm vào, như bao trùm vũ trụ Kiều.

Lần hai, sau bữa gặp nhau ở dọc đường, Kiều gặp lại Đạm-Tiên trong giấc chiêm bao. Không phải chỉ là chiêm bao hư-huyền mà cuộc gặp gỡ sự thực ; Kiều nhớ hình dáng của nàng, nhớ lời nói với Đạm-Tiên ; nhớ lời Đạm-Tiên trả lời mình :

*Thoắt đầu thấy một tiên Kiều
Có chiều thanh vận, có chiều thanh tân
Sương in mặt, tuyết pha thân
Sen vàng lờng thững như gần như xa*

Sau khi tả Đạm-Tiên như vậy, Kiều thuật lại lời Đạm-Tiên :

*“Thưa rằng : Thanh khí xưa nay
Mới cùng nhau lúc ban ngày đã quên
Hàn gia ở mấy tây thiên*

Dưới giòng nước chảy bên trên có cầu
 Mấy lòng hạ cố đến nhau
 Mấy lời hạ tứ ném châu gieo vàng
 Váng trĩnh hôi chủ xem trường
 Mà xem trong sỏ đoạn trường có tên
 Âu đành quả kiếp nhân duyên
 Cùng người một hội một thuyền đầu xa
 Nay mười bài mới, mới ra
 Cầu thần lại mượn bút hoa vẽ vờ

(Kiều, Lê Văn Hòe)

Lần ba, Đạm Tiên lại xuất hiện vừa sau khi Kiều đâm mình tự tử khi bị Tú Bà hành hạ, nàng rỉ vào tai Kiều :

«Nhân quả đồ dang
 Đã toan trốn nợ đoạn tràng được sao?
 Sỗ càn nặng nghiệp má đào
 Người đầu muốn quyết trời nào đã cho
 Hãy xin hết kiếp liễu hồ
 Sông Tiên Đường sẽ hẹn hò về sau»

(Kiều, Lê Văn-Hoè)

Và khi bị gả ép cho một thổ quan, đang chờ mình đi trên thuyền ở mặt nước Tiên Đường, Kiều nhớ đến lời Đạm Tiên dặn khi trước cho nên nàng gọi Đạm Tiên :

Đạm-Tiên nàng nhẽ có hay
 Hẹn ta thì hẹn dưới này nước ta

(Kiều Lê Văn-Hoè)

Sau đây, Kiều gieo mình xuống sông Tiên Đường. May mà đã có lời của bà Giác Duyên lường chờ nàng cho nên trong lúc nàng vừa cứu được thì Đạm Tiên lại hiện đến:

«Răng tôi đã có lẽ nào
 Mất công mười mấy năm thừa ở đây
 Chị sao phận mỏng đức dày
 Kiếp xưa đã vậy lòng này dễ ai
 Tâm thành đã thấu đến trời
 Bán mình là hiếu cứu người là nhân
 Một niềm vì nước, vì dân
 Âm công cất một đồng cân cũng già»

tự thú

thân đã mỏi theo chiều con sóng động
hồn đã dày rêu cỏ mọc quanh năm
những nhọc nhằn nổi trôi cùng cuộc sống
tôi hóa thân làm sỏi đá âm thầm

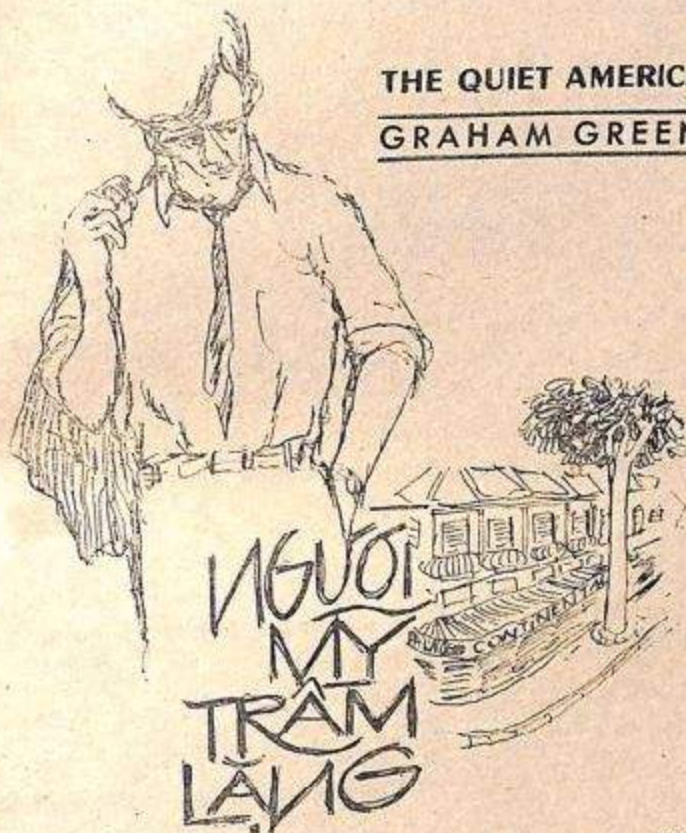
kể từ đó từng vòng lẩn chổng mặt
áo cơm xin tình cảm mượn vay nhờ
sống vội vã như một loài bọ chết
không ngại ngần chui rúc cả trong mơ
miệng vẫn nở những lời to nghĩa lớn
lòng trống không, không cả vòng tay tình
tôi dối lừa tôi mới là đau đớn
có ai còn muốn hiểu nghĩa văn minh

thôi cũng đàn hát ca và góp mặt
tôi đã buồn như thế hai mươi năm
vỡ lẽ sống trong tâm, cùng cái chết
để hồn hiền phải thẹn nỗi xa xăm

chút ý nghĩa còn vương trên mái tóc
tôi chải đầu giữ vốn liếng đời tư
thôi danh vọng trả cho người mời mọc
tấm thân này không xứng nửa đồng xu

THANH TON
(Thấp tình)

THE QUIET AMERICAN
GRAHAM GREENE



(tiếp theo)

CHƯƠNG III

1 | Lần đầu tiên Pyle gặp lại Phương tại khách sạn Continental, có lẽ hai tháng sau khi Pyle đến trú ngụ ở đó. Hôm ấy, một buổi chiều, không khí hơi mát lúc mặt trời vừa khuất bóng và những ngọn cây vươn lên tại các quầy hàng bên kia phố. Tiếng súc sắc rào rào trên mặt bàn của người Pháp đang đánh bài và những thiếu nữ quần lụa dài trắng, đạp xe trên đường Cinat trở về nhà. Phương uống một ly nước cam, còn tôi uống bia; và chúng tôi ngồi yên như búp bê, lắng nghe tiếng nói chung với nhau. Pyle thân trọng bằng qua đường và tôi đã giới thiệu Phương với Pyle. Hắn có cái lối nhìn chăm chú vào một thiếu nữ, chẳng khác nào như hắn không thấy gì trước mặt hay vật trước mặt bị che khuất.

Pyle nói:

— Tôi tự hỏi anh và cô đây có quá bộ sang ngồi chung bàn với tôi không? Một trong những tùy viên của chúng tôi...

Đoạn trường sờ rút tên ra
 Đoạn trường thơ phải đón mà trả nhau
 Còn nhiều hưởng thụ về sau
 Duyên xưa tròn trặn, phúc sau dồi dào

(Kiều, Lê văn-Hoè)

Đạm-Tiên là hiện thân của những dự phóng của Nguyễn-Du về các niềm tin tưởng Lão-giáo : Nguyễn-Du luôn mơ về một cõi tiên :

Trắc thân bất xuất hữu hình ngoại
 Thiên tuế trường vu vị tứ tiên
 Phù lợi vinh danh chung nhất tán
 Hà như cập tảo học thần tiên

Đạm-Tiên là một hình ảnh rùng rợn nhưng không kém vẻ say sưa quyến rũ ; rùng rợn vì dầu sao thân phận Đạm-Tiên phủ đầy màu nhiệm, say sưa quyến rũ vì Đạm-Tiên đã thoát ra được bên ngoài thế giới hữu hình để chơi vui trong thế giới thần tiên. Đạm-Tiên là một sự chiêm ngưỡng siêu hình có nhiều tính cách nghệ sĩ, là mục tiêu mơ về của Nguyễn-Du giữa một thế giới điên đảo, bội bạc, tàn nhẫn, hung ác.

Nhưng Đạm-Tiên chẳng phải chỉ là một thánh nhân của đạo Lão mà nàng là thánh nhân kết tinh của tất cả mọi niềm tin khác. Nàng là hiền thánh của đạo Nho, phán xét và ghi công cho những giáo dân đã có tâm thành biết vì hiếu mà bán mình, vì nhân mà cứu người, biết trung quân, ái quốc :

Bán mình là hiếu, cứu người là nhân
 Một niềm vì nước vì dân

(Kiều, Lê văn Hoè)

Nhưng ra, Đạm Tiên còn là một bồ tát đã rửa sạch nợ, đã thấu hiểu lẽ luân hồi, đã giải hết nghiệp báo và chỉ đường cho chúng sinh Kiêu đi vào cơ đường giải thoát.

Ấu đành quả kiếp nhân duyên...

Nhân quả dở dang...

đời này nặng nghiệp má dao...

Hãy xin hết kiếp liễu bờ...

Kiếp xưa đã vậy lòng này để ai...

Nhưng tất cả thứ Nho, Phật, Lão ấy, Nguyễn Du đem pha trộn vào với các niềm tin sẵn có của dân gian, như lòng tin vào trời đất, vào kiếp sống bên kia mà không hẳn là Niết bàn, không hẳn là cõi tiên mà một nơi nào đó người chết còn phải sống nhờ vả vào người sống từ chén nước, ly rượu, đến làn hương khói. Đạm Tiên là một Nguyễn Du

chống hình thức, chống nghi lễ, chống giáo điều. Được vớt lên ở sông Tiền Đường mà Kiều được Đạm Tiên tuyên bố là đã tu thành đạo hết nghiệp hết nhân duyên.

Chẳng những Đạm Tiên mà tất cả các con người tôn giáo trong Kiều, từ hành vi, cho đến ngôn ngữ giảng giải giáo lý .. đều tỏ ra là những người muốn hiểu và sống đạo một cách rất linh động, rất thoáng. Các thứ giáo điều gò bó, khô khan chẳng kỳ là của Nho, Lão, Phật đều bị Nguyễn Du âm thầm bài trừ. Kiều đáng lẽ phải được Nguyễn Du nhân danh giáo lý Nho để mà quở trách. Đằng này không. Ông quan niệm giáo lý Nho linh động bằng cách cho Kiều được nhiều hành vi tự do mà người nho chính thống cho rằng chà đạp lên đạo lý.

Theo Nguyễn Du, *Chân Kinh* của nhà Phật phải là Kinh Phật không chữ mà tất cả mọi thứ *Chân Kinh* đều phải là thứ *Kinh Không Chữ*.

Như vậy các người tôn giáo như Quân giả, như sư Giác Duyên, như đạo cô Tam Hợp, như Đạm Tiên, với tiếng nói tôn giáo của họ, là dự phóng con người siêu hình của Nguyễn-Du như là được mô tả trong thơ chữ Hán của ông. Họ đã đóng vai đúng con người tôn-giáo linh động, dễ dãi chấp nê, không câu nệ, không hình thức, không giáo điều của Nguyễn-Du vậy. Họ và giáo lý của họ chưa thỏa-mãn ai hoàn toàn mà như chỉ gợi lên đây một sự suy nghĩ, một sự đi tìm còn vẩn vơ nhiều bí mật màu nhiệm cho nên hình ảnh họ, nhất là hình ảnh Đạm Tiên chẳng hạn, là hình ảnh khơi động sự sợ hãi, sự đe dọa, sự bấp bênh

(còn tiếp)

THANH-LÃNG

ĐÃ PHÁT HÀNH

Đôi Mắt Trên Trời

Truyện DƯƠNG NGHIÊM MẬU

Đó là một tùy viên kinh tế. Từ trên sàn thượng, người tùy viên nhìn chúng tôi bằng một nụ cười thật niềm nở, đầy tin tưởng như một người biết quý bạn bè và hẳn có quyền xử dụng quyền dò xét của hắn. Tôi được biết tên hắn là Joe đã nhiều lần rồi, song chưa bao giờ tôi biết rõ tên họ của hắn là gì. Hắn kéo ghế thật ồn ào và gọi bồi, tuy rằng cử chỉ ấy của hắn tại khách sạn Continental có thể chỉ là gọi một chai bia, hay một soda với rượu vermouth.

Hắn nói :

— Fow'ler này, có phải tôi chờ gặp anh ở đây không nhỉ ? Chúng tôi chờ những thằng từ Hanoi vào đây. Đường như ở ngoài đó có chiến tranh thực sự. Anh không đi với bọn họ à ?

Tôi nói :

— Tôi nản cái trẻ phải đi phi cơ trong 4 tiếng đồng hồ để dự một buổi họp báo rồi.

Hắn nhìn tôi bất bình và nói :

— Những thằng đó kiên nhẫn lắm. Tại sao, tôi hy vọng bọn họ có thể kiếm tiền gấp đôi trong việc kinh doanh hay kiếm tí tiền trên đài phát thanh mà không cần phải liều mạng gì hết.

Tôi nói :

— Họ phải làm việc chứ.

Hắn tiếp tục lải nhải, không quan tâm đến những lời mà chính hắn cũng không tra :

— Đường như bọn họ đánh hơi được các cuộc giao tranh chẳng khác loài ngựa trong thời chiến tranh. Nay Bill Granger, anh không thể lòi hẳn ra khỏi cuộc chiến này hay sao ?

— Tôi hy vọng anh có lý. Tôi đã gặp hắn một chiều nào đó tại bar Sporting.

— Anh quen thân với hắn à, tôi muốn nói như vậy ?

Hai người đập xích lò hừng hực đập trên đường Catinat và ngồi trên xe chụp hình, phía trước khách sạn Continental. Một da Granger. Chiếc xe thứ hai, một gói đồ màu xanh, đã Granger bỏ là via hè. Hắn nói :

— Nào, lên Mick, lên lên chứ.

Sau đó hắn mặc cả tiền trả xích lò. Hắn bảo :

— Đây cầm lấy hay là thôi.

Hắn chăm chú đến người đang cúi khom khom trên đường Catinat.

Gã tùy viên kinh tế nói bằng một giọng hơi khó chịu :

— Tôi cho rằng những thằng cha đó đáng được nghỉ xả hơi một chút chứ.

Granger ném mình xuống ghế. Sau đó hắn đề ý đến Rhurong. Hắn bảo :

— Tại sao anh và thằng Joe già khụ này tìm được cô ta ở đâu vậy? Các anh không biết là đời các anh lên hương đó sao À, tôi xin lỗi phải đi tìm cái bình đã chửi. Trông dùm họ thằng Mick này nghe.

Tôi nói :

— Sự bướng bỉnh của hắn chẳng khác nào một quân nhân ấy.

Pyle nói một cách hăng say :

— Tôi đâu có mời hai anh đến đây, nếu tôi nghĩ là...

Cái đồng thủ tù trên ghế chuyển động, đầu hắn gục xuống bàn và bất động.

Tôi hỏi Pyle :

— Anh có quen hắn không?

— Không. Hắn là người của báo chí phải không?

— Không biết chừng hắn là một thông tin viên mới của hãng thông tấn UP đó.

— Không phải hắn đâu. Tôi biết hắn mà. Thế còn nhiệm vụ kinh tế của anh thế nào? Anh không tài nào hiểu được dân đây đâu — đến hàng trăm người ấy chứ?

Gã tùy viên kinh tế lên tiếng:

— Tôi không nghĩ là hắn thuộc vào... Ồ, tôi không nhớ nổi hắn nữa rồi.

Pyle đề nghị :

— Chúng ta có thể lục xem căn cước của hắn được đó.

— Trời ơi, đừng có đánh thức hắn đi. Một ly rượu cũng đủ rồi. Hay là... biết rõ hắn.

Hắn lững thững... rửa mặt đi ra và tôi :

— Bà này là ai?

Pyle trả lời :

— Cô Phurong là bạn của Fowler. Chúng tôi muốn biết ai...

Hắn lại tiếp :

— Fowler tìm được cô nàng ở đâu vậy. Anh nên coi chừng cái thành phố này nghe. Cảm ơn Chúa đã cho Penicilline.

Gã tùy viên kinh tế nói :

— Bill nói chúng tôi muốn hiểu Mick là người như thế nào?

— Anh cần văn tôi à.

— Nhưng anh mang hẳn đến đây mà.

— Bọn nhái bên đâu có biết uống rượu Tô Cách Lan đâu chứ.

— Hẳn là người Pháp phải không ? Tôi thấy anh gọi hẳn là Mick mà.

Granger nói :

— Bộ phải gọi hẳn để hẳn cho biết một vài điều sao.

Granger tựa vào Phụng và bảo :

— Cô uống một ly cam nữa nghe ? Đêm nay cô có hẹn ai không?

Tôi nói :

— Đêm nào Phụng cũng có hẹn cả.

Gã tùy viên kinh tế nói vội vã :

— Chiến tranh thế nào hả Bill ?

— Thắng lớn tại Tây Bắc Hanoi. Pháp tái chiếm hai ngôi làng, người ta không cho chúng ta biết là Pháp tổn thất như thế nào. Bọn Việt Minh bị tổn thất nặng. Pháp cũng chưa ước lượng sự tổn thất, nhưng chúng ta sẽ rõ trong một hay hai tuần mà.

Gã tùy viên kinh tế lên tiếng :

— Có tin đồn cho rằng bọn Việt Minh đã vào được tỉnh Phát Diệm, đốt nhà thờ và tìm giám mục địa phận.

— Người ta không hề cho chúng ta biết như vậy tại Hanoi cả. Đó không phải là chiến thắng.

Pyle bảo :

— Một trong những đoàn y tế của anh không tài nào rời khỏi Nam Định.

Gã tùy viên kinh tế lại hỏi :

— Bill à, anh cũng chẳng biết gì hơn cả sao ?

— Thế anh nghĩ tôi là người thế nào chứ ? Tôi là một thông tin. Tôi đáp phi cơ đến phi trường Hà Nội. Người ta vẫn phải chờ bay trên hai ngôi làng iếc xe để đi đến trại báo chí. Người ta vẫn phải chờ bay. Sau nà Pháp tái chiếm và chỉ cho tôi xem chiếc cò tam tài giải thích với ch ó, chúng tôi tham dự một buổi họp báo và viên đại tá giải thích với ch ó, tôi về những gì tôi đã được thấy tận mắt. Thế rồi chúng tôi đánh điện g bị kiểm duyệt. Sau đó chúng tôi nhậu nhẹt với những tay bợm nhậu nh Đổng Dương và đáp phi cơ trở lại Saigon.

Gã tùy viên kinh tế nói :

— Bill này, anh đã đánh giá anh quá thấp. Anh đã mệnh danh cho đại lộ 66 là gì ? Phải chăng là xa lộ xuống Địa Ngục — đáng được một giải thưởng Pulitzer. Anh có hiểu chuyện tôi nói đây không, chuyện của một người bay đầu dưới một chiếc hổ, còn kẻ khác thì không còn là con người nữa.

— Anh có nghĩ là tôi đi gần đến xa lộ Địa Ngục sao? Nhà văn Stephen Crane có thể mô tả chiến tranh mà không bao giờ được nhìn thấy chiến tranh. Tại sao tôi không thể làm như thế được? Thực ra đó chỉ là một cuộc chiến tranh thuộc địa đáng tởm. Cho tôi xin một ly rượu khác đi. Và sau đó chúng ta cùng đi tìm một người đàn bà. Anh phải cần đàn bà và tôi cũng vậy.

Tôi bảo Pyle :

— Liệu anh có nghĩ là có điều gì xảy ra về tin đồn tại Phát Diệm hay không?

Hắn nói :

— Tôi cũng không hiểu. Có quan trọng lắm không? Tôi muốn đi quan sát nếu thấy cần thiết.

— Quan trọng đối với sự mạng kinh tế lắm chứ...

— Được, anh không thể vạch ra những đường lối cứng rắn. Y tế cũng phải là một thứ vô khí nữa chứ, phải không anh? Những người Công giáo ở đó chống Cộng rất hăng, có phải như thế không?

— Bọn họ giao thương với bọn Cộng sản. Vì giám mục đã tịch thu bò, và tre của bọn Cộng sản để xây nhà... Tôi không thể nói đúng những gì mà York Hardings đã đề cập đến một Lực Lượng Thứ Ba

Granger hét lên :

— Thôi bỏ câu chuyện đó đi. Chúng ta không thể mất thì giờ tại đây được. Tôi đi nhà thờ đã.

Pyle nói :

— Liệu anh và cô Phụng có đi ăn cơm chiều với tôi không nào.

Granger ngắt lời Pyle và bảo :

— Anh có thể ăn tại Chalet, trong khi tôi làm ăn với một cô gái ở phòng bên cạnh. Nào đi Joe. Dù sao anh cũng là một người đàn ông mà.

Tôi tự hỏi thằng đàn ông là cái quái gì chứ, song tôi có cảm tình với Pyle. Hắn hỏi xa Granger, tay xoay xoay cốc bia như có vẻ nghĩ đến một nơi xa xôi nào đó. Hắn bảo Phụng :

Tôi có cảm tưởng rằng cô chán ngấy cái quán này rồi ý tôi muốn đi đến xứ sở của cô phải không?

Thế là thế nào?

Gã tuy... lại hỏi :

— Chúng ta phải đối xử với thằng Mickey như thế nào?

Granger nói :

— Đề kệ hắn đây đi ?.

— Anh không làm như thế được, dù anh không biết tên hắn là gì nữa.

— Chúng ta có thể cho hắn đi theo và để cho bọn diêm sản bóc lột hắn cũng được.

(còn tiếp)

GRAHAM GREENE

BUI NGOC DUNG dịch



Văn
HỌC

CHÂN TRỜI

DUYÊN-ANH
TRẦN-H-OANH
NG-XUÂN-HOÀNG ghi

TRONG NƯỚC :

TẠP CHÍ VĂN VỚI CÁC TÁC PHẨM BÁN GIÁ PHỔ BIẾN

Anh Trần Phong Giao, thư ký tòa soạn Văn, đã làm một cuộc thí-nghiệm hơi «đáng lo» trong việc in các tác phẩm sáng tác cũng như dịch t... bán với giá rất rẻ. Truyện dài «Tuổi Núi Đạc» của Dương Nghiễm Mậu, dày ngót 200 trang, in rất mỹ thuật, đề giá có 20 đồng. Truyện dịch của Lê Huy Oanh, truyện sáng tác của Nguyễn Mạnh Côn đều đồng giá 20 đồng cả.

20 đồng một tác phẩm văn nghệ, một món ăn tinh thần cho một đời người, giá thì tương đương với... trong thế... buổi... 30... cho... đó... phần trăm cho nhà phát hành. Chưa kể tiền bản quyền mỗi lần in mỗi cuốn là 10 ngàn đồng. Người ta «lo» cho anh Trần Phong Giao biết Văn in truyện-bán-rẻ ở nhà in nhà.

In 6000 cuốn, nếu bán hết mới có một chút lãi. Ế 1000 cuốn thì đã đủ lỗ vốn rồi. Nhưng thiện chí và sáng kiến của anh Trần Phong Giao đã được đền đáp một cách xứng đáng. Truyện do tạp chí Văn của anh xuất bản bán rẻ đã được độc giả tiếp đón một cách nồng hậu. Sách bán véo véo. Trong vòng 20 ngày, bán hết 6000 cuốn sách in thật mỹ thuật, sự thật rất công phu. Chưa có nhà xuất bản nào có sách bán chạy như thế.

Ngày xưa, thi hào Tản Đà đã chủ trương sách in «xoàng xoàng» thôi, nhưng bán giá rẻ để phổ biến được nhiều. Ngày nay, anh Trần Phong Giao tiến bộ hơn Tản Đà, loại sách do anh chủ trương in thật đẹp, vẫn bán rẻ. Mục đích cũng giống mục đích Tản Đà. Anh Trần Phong Giao đã thành công trong cuộc thi nghiệm của anh. Xin thành thật có lời khen ngợi anh Trần Phong Giao và cầu chúc anh thành công hơn nữa, trong sứ mạng phổ biến văn nghệ phẩm của anh.

Giữa thời buổi mà văn nghệ, mệnh «thắng nào thắng ấy làm», «thắng nào» có tiền hãy nghĩ tới chuyện in sách. Và in sách chẳng biết thu nào mới thu được vốn về, chẳng biết làm sao để sách mình tới tay độc giả, anh Trần Phong Giao đã thực hiện nổi một công việc cao quý, giúp ích cho cả tác giả lẫn độc giả. Buồn thay, một công việc hữu ích như vậy, không tìm ra một lời an ủi, một câu khuyến khích của những người vạm, không tìm ra một lời an ủi, một câu quan văn hóa. Nói trắng ra, chẳng quan tâm tới văn hóa», của các cơ quan văn hóa. Nói trắng ra, của Bộ Văn Hóa Giáo Dục. Dĩ nhiên, anh Trần Phong Giao và tạp chí Văn không cần Bộ Văn Hóa Giáo Dục phải khen công việc mình làm. Nhưng đó là bổn phận của Bộ. Chẳng lẽ, Bộ chỉ biết chê mà không biết khen? Buồn thay, một công việc hữu ích như vậy, mà Bộ Thông Tin và Chiêu Hồi không nâng đỡ bằng cách cấp bổng giấy. Nếu không phải mua giấy đen, tôi đoán chắc, giá 20 đồng sẽ chỉ còn 15 đồng. Và, anh Trần Phong Giao dám ấn hành mỗi lần 12 ngàn cuốn thay vì 6000 cuốn.

Điêu buồn thay sự thật là, nhật báo Chính Luật, một tờ báo lớn nhất ở đây, đã viết một bài thật dài để ca tụng cái sự bán sách rẻ ở Aah. Và, không hề viết lấy một cột nhỏ ca tụng cái sự bán sách rẻ ở Việt Nam. Tại tỉnh thần vọng ngoại, tự ti mặc cảm hay lòng đố kỵ?

SẮP BỊ LÀM «RÁC» Ở SÂN ĐÌNH

Số Văn Học trước, nhận khen một thái độ ngay thẳng của dịch giả Văn Mông, tôi đã bị một số các dịch giả không giống Văn Mông nổi giận. Cho là... dốt. Đồng ý là dốt. Có bao giờ tôi khoe gì ngoại ngữ đâu? Xét của tôi hoàn toàn chủ quan. Nhưng tôi đang chờ, hoặc anh TRẦN MINH HOÀNG (nghe nói vậy), hoặc anh Trần Phong Giao «đay bảo», nay ra, như... nay về sau tôi hết dốt. Xin hai anh một câu, có chê nhau, đừng ký Mỏ Làng Văn nữa. Kể đến lúc «đay bảo» nhau không «đến nơi đến chốn», tôi chẳng hiểu phải «tìm» anh nào để «rach móc»

Dịch giả Văn Mông ơi! Khen ngài không ăn cái giải gì đã sắp bị làm «rác» ở sân đình làng.. Văn do. Có gì, ngài «gào» giùm nhau một tí nhé!

NGUYỄN ĐÌNH TOÀN ỒM NẶNG

Từ Tết tới nay, trên Văn Học cũng như Văn, độc giả không được đọc một sáng tác mới nào của Nguyễn Đình Toàn. Và gần đây, trong

mục «*Nhạc có chủ đề*» của Đài Sài Gòn, thỉnh giả cũng thấy vắng cái giọng trầm ấm, dễ thương của Nguyễn Đình - Toàn. Nhiều người hỏi «*Nguyễn Đình Toàn đâu?*» Và tự trả lời: «*Nguyễn Đình Toàn đi xa chẳng?*» Toàn chẳng đi đâu cả. Toàn vẫn ở Saigon trong căn nhà khiêm tốn gần Đài Saigon với «*cô*» vợ rất ngoan hiền, với «*chú*» con trai rất kháu khỉnh. Nhưng Toàn bị ốm nặng. Đạo này Toàn gầy và xanh xao lắm. Toàn bị bệnh phổi. Không phải lao đâu. Mấy năm nay, bệnh hoạn đã làm Toàn chân nắn và, do đó, không sáng tác được nhiều. Bác sĩ Tây chân lại bác sĩ... Ta. Mà bệnh chưa chịu hết. Mách Toàn một danh y đông phương nhé! Toàn thử tới Thượng tọa Thích Tâm Ấn xem sao. Minh Đăng Khánh đã đưa con tới chữa bệnh sưng phổi và đã hết lời ca ngợi Thượng Tọa Thích Tâm Ấn đấy. Toàn à!

MỘT TẬP TRUYỆN CỦA HOÀNG VĂN ĐỨC CÒN ĐỀ DÀNH

Nhà văn Hoàng Văn Đức, một tác giả «*ruột*» của Văn Học, đã hoàn thành tập truyện ngắn đầy sự chăm chút của anh. Tập truyện, trước đây, anh Hoàng Văn Đức định đặt cái «*tên*» chung là «*Cánh tay người thương binh*». Có thể, anh sẽ đặt cho «*đứa con*» yêu dấu của mình một tên khác. Nghe nói tập chỉ Văn Học đã đề nghị xuất bản nhưng anh Hoàng Văn Đức còn bắt chờ đợi. Chờ đợi bao lâu đây, anh Đức? Độc giả Văn Học nóng lòng muốn đọc, sáng tác anh lắm rồi đấy.

THẾ UYÊN: GÓC ĐẦU TRỀ

Nhà văn Thế Uyên, sau một thời gian chấp chính quá ngắn ngủi, lại trở về nghề của anh: nghề gõ đầu trẻ. Hiện nay, Thế Uyên đang dạy ở trường Quốc Gia Nghĩa Từ gần... Lăng Cha Cả.

ĐI ĐẾN ĐAU RỒI CÁC ĐÀN ANH

Đã có một lần, các đàn anh văn nghệ... góc tiếp xúc với chính quyền để thảo luận nhiều vấn đề chi đó. Đồn rằng, có vấn đề chi... quyền tài trợ cho văn nghệ. Chẳng hạn, đàn anh Vũ Khắc Khoan, một vài triệu để dựng kịch. Chẳng hạn, đàn anh Năm Châu sẽ nhận một vài triệu để dựng... trọng. Chẳng hạn, đàn anh Phạm Duy sẽ nhận một vài triệu để dựng... tân nhạc. Chẳng hạn, đàn anh Nguyễn M. nh... Cán sẽ nhận một vài triệu để dựng văn nghệ. Văn văn...

Nền văn nghệ đói rách, nền văn nghệ hạn hán của chúng ta mới một trận mưa «*xôn*» của chính quyền «*của những người nghèo*» ghê gớm. Sau những lần bị ông Ngô Trọng Hiếu cho ăn bánh vẽ, văn nghệ x... này đã lấy lại tin tưởng. Tưởng chắc, lần này văn nghệ lên hương, văn nghệ có nhiều phương tiện để chén hương, để phục hưng, để khởi sắc...

Các đàn anh họp hành sôi nổi, thiện chí tỏ ra âm ỉ, tự ái dè dặt hết, chỉ cần nghĩ tới đại cuộc, Rốt cuộc, từ hôm tiếp xúc tới nay có

khí hơi lâu mà «phương tiện» chính quyền hứa giúp đỡ vẫn còn ở...

(kiểm duyệt 16 hàng)

VĂN CÒN SÔI NỔI

Sau nhà thơ Viên Linh «đọa» sẽ trả lời nhà văn Vũ Hạnh về thơ tự do, đến lượt nhà thơ Nguyễn Nghiệp Nhượng, Trần Đức Uyển cũng «đọa» sẽ trả lời Vũ Hạnh. Giữa lúc thời thế sôi nổi một cách buồn thảm các nhà văn nghệ tìm cách «đánh đấm» nhau, thật là hợp thời. Chắc chắn nó sẽ vui lắm đây.

TIN ĐỐT SÁCH

Trong chiến dịch lành mạnh hóa văn nghệ sắp xảy ra, nghe nói, người ta sẽ đem các tác phẩm của Chu Tử và Lê Xuyên ra bùng binh chợ Bến Thành đốt. Đốt sách. Chưa có chôn sống nhà văn đâu. Đừng có lo. Văn nghệ nói, người ta sẽ đặt ra những tiêu chuẩn để nhà văn dùng làm mẫu mực trong khi sáng tác. Đại khái: cấm dâm dật, buồn nôn, phi lý, nổi loạn... Mà phải hướng về... trung, hiếu, tiết, nghĩa

(kiểm duyệt 66 chữ)

DUYỄN ANH

KỶ SAU: Những bài thơ, những bài văn trung, hiếu, tiết, nghĩa làm mẫu.

ĐÌNH CHÍNH: Số trước, thầy cô đã sửa GLAS thành GRAS trong truyện Pour qui sonne le glas của Hemingway. Vậy xin sửa lại cho

CÁC BẠN SINH VIÊN, HỌC SINH MUỐN CÓ
SÁCH HAY GIÁ TRỊ HÃY ĐẾN:

VIỆT - BẢNG

78, Đại lộ Lê Lợi - SAIGON

CÓ NHIỀU SÁCH NGOẠI QUỐC MỚI VỀ

NGOÀI NƯỚC :

NHÀ VĂN LIÊN SÔ VALERY TARSIS ĐÃ TUYÊN BỐ NHỮNG GÌ VỀ CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN VÀ MẦM MÔNG CHỐNG ĐỐI Ở LIÊN SÔ ?



Ngày 18-3 vừa qua, nhà văn Liên Sô Valery Tarsis tuyên bố tại thủ đô Luân Đôn rằng phần đông nhân dân Liên Sô đều căm thù chủ nghĩa Cộng Sản và hiện nay có nhiều lực lượng mới nổi dậy chống chính sách của nhà nước đối với văn nghệ sĩ.

Nhà văn Tarsis là một công dân thuần túy Liên Sô, đến Anh quốc hồi tháng trước để mở các cuộc diễn thuyết và ông đã nêu ra những lời tuyên bố chống chính quyền Liên Sô. Trong một bữa tiệc trưa cùng ngày, nhà văn

Tarsis tuyên bố với các phóng viên báo chí Luân Đôn rằng hiện nay có thêm nhiều tổ chức bí mật tại các quốc gia theo chủ nghĩa Cộng Sản và xã hội chủ nghĩa. Ông nói như sau : «Tôi chắc chắn rằng tất cả những lực lượng nổi loạn đó sẽ đoàn kết với nhau thì chủ nghĩa Cộng Sản sẽ phải chịu một vết rất đau dù chủ nghĩa đó đe dọa chinh phục nhân loại» (*I am certain that if all these rebellious forces will unite, Communism, which threatens to conquer humanity, will suffer a fatal blow.* ASSOCIATED PRESS).

Nhà văn Valery Tarsis cũng còn cho biết thêm rằng tư tưởng cách mạng hiện mỗi ngày một tăng gia tại Liên Sô, nhất là trong thế hệ trẻ. Ông ngỏ ý tiếp: «Không bao giờ chúng ta nên quên rằng Hung Gia Lợi và Ba Lan sẽ có thể được giải phóng khỏi ách nô lệ của Cộng Sản». Nhà văn Tarsis cũng viết cuốn tiểu thuyết chống chính quyền Liên Sô, dưới nhan đề *W. and Seven*. Cuốn tiểu thuyết này thành hình nhờ phần lớn kinh nghiệm của chính tác giả trong một đường đường thân kinh tại Liên Sô, rồi mà ông bị nhà nước Mạt Tư Khoa giam giữ vì viết văn chống chính quyền. Sau cùng, nhà văn Tarsis còn tiết lộ với báo chí Luân Đôn rằng ông có ý định rời Anh Quốc ngay mai để đi du lịch quanh thế giới trước khi lập nghiệp tại Ý.

THÊM 46 HỌA PHẨM CỦA DANH HỌA CLAUDE MONET TÌM THẤY TẠI PHÁP.

Hôm 13-3, người ta loan báo rằng một hầm chứa 46 họa phẩm của danh họa Claude Monet đã được khám phá. Các họa phẩm này trị giá 19 triệu Phat Lãng (khoảng 150 triệu bạc Việt Nam). 46 bức tranh này của Monet đều thuộc loại ấn tượng. Đây là lần thứ hai người ta tìm thấy một số họa phẩm của Monet. Lần thứ nhất, người ta tìm được một số họa phẩm quý giá của Monet lẫn lộn với một số họa phẩm của

của các danh họa khác, hồi tháng 2 năm 1966. Tất cả số họa phẩm mới tìm được của Monet sẽ được trưng bày tại bảo tàng viện nhỏ, khá nổi tiếng Marotian, thuộc phía Tây thủ đô Ba Lê.

Người tìm thấy 46 họa phẩm lần thứ nhì là Yves Bourdon, một quản lý của Michel Monet, con trai nhà danh họa Monet. Ông Michel Monet từ trần trong một tai nạn xe hơi và hưởng thọ 87 tuổi. Lần thứ nhất, tranh của Monet tìm thấy trong một căn hầm của nhà ông Michel Monet tại Sorel-Mausse, thuộc vùng Normandie. Lần thứ nhì ông Bourdon tìm được tại một ngôi nhà ở Givernie, cũng thuộc vùng Normandie, nơi mà danh họa Claude Monet từ trần năm 1926. 46 họa phẩm của Monet vừa tìm được phần nhiều là những tranh được thực hiện năm 1905 và 1926 và một số họa phẩm được thực hiện trong tuần lễ cuối cùng của danh họa Monet.

Hiến Bình Pháp đã được điều động đến các nhà chứa họa phẩm vì lý do an ninh, cho đến khi họa phẩm của Monet chuyển đến Ba Lê để chuẩn bị trưng bày.

HỌA SĨ SHEILA ISHAM TRƯNG BÀY NHỮNG HỌA PHẨM TRƯU TƯỢNG HIỆN ĐẠI

Phòng triển lãm Franz Bader ở Hoa Thịnh Đốn vừa cho trưng bày những họa phẩm trưu tượng hiện đại của họa sĩ Sheila Isham. Để tái hiện chọn các cảnh vật ở Hương Cảng, nơi mà bà Isam cũng chồng là cựu lãnh sự Hoa Kỳ đã từng cư trú từ 1962 đến năm ngoái. Trong ba năm đó, bà đã học được lối vẽ của Trung Hoa với một họa sĩ trẻ danh người Trung Hoa và nhiều bức tranh của bà lấy Đường Thi làm đề tài, đã tạo cho họa phẩm của bà một sắc thái đặc biệt.

Phòng triển lãm Bader còn trưng bày một sưu tập về tả sự hấp hối của Chúa Jesus có chính bà sáng tác cho nhà thờ của Giáo Hội Anh Quốc ở Hương Cảng. Mỗi tranh mang một màu riêng biệt, có tính cách trọng trưng và chu chỉnh, cảnh cô độc hay hấp hối. Theo bà nhiều lộ tình bày, sự an nhàn, cảnh cô độc hay hấp hối. Theo bà, ông góp chính của nền văn hóa Trung quốc vào các tác phẩm của bà là "cảnh tàn lụi và công hiệp cho nghệ thuật hiện đại những hình ảnh thơ mộng". Bà Isam cho rằng "Cổ nghệ sĩ Tây Phương có thể học hỏi nhiều ở nghệ thuật Đông Phương và thần được nhiều lợi vì nghệ thuật đã trở nên quốc tế".

11 CUỐN TIỂU THUYẾT CẨM LƯU HÀNH TRÊN LÃNH THỔ THÁI LAN

Ngày 26.3 vừa qua, Bộ Cảnh Sát Thái Lan loan báo rằng chính phủ Thái ra chỉ thị cấm lưu hành 11 cuốn tiểu thuyết vì những tiểu thuyết này chứa đựng những tư tưởng có tính cách đầu độc quần chúng và làm cho thanh niên suy thoái hóa.

Trong số 11 cuốn tiểu thuyết bị cấm lưu hành ở Thái Lan, người ta thấy có 3 cuốn tiểu thuyết của nhà văn Henry Miller (Hoa Kỳ): *Sexus*, *Tropic of Cancer* và *Tropic of Capricorn* (Trong VĂN HỌC số trước, chúng tôi đã loan báo các tác phẩm này của Miller bị cấm lưu hành tại Tân Gia Ba).

8 cuốn tiểu thuyết khác bị cấm ở Thái Lan gồm có: *Lady Chatterley's Lover* của D.H. Lawrence, *My Life and Love* của Frank Harris, *Fanny Hill* của John Kelland, *Last Exit to Brooklyn* của Hubert Selby Jr., *Borrowed Lover* của Jim Gane, *Second Time Woman* của Elaine Dorian, *Fever in the Sun* của Sheldon Lord và *Candy* của Terry Souther và Mason Hoffenburg.

Các viên chức Thái Lan cho hay cuốn tiểu thuyết *Candy* là một sỉ nhục đối với Phật giáo. Sở dĩ có biện pháp ngăn ngừa 11 cuốn tiểu thuyết nói trên vì chính phủ Thái Lan không muốn cho phổ biến một thứ văn chương tiểu thuyết đầu độc tầng lớp thanh thiếu niên biện này.

VỢ CỔ VẤN VĂN HÀO HEMINGWAY XIN PHÉP BỘ NGOẠI GIAO HOA KỲ CHO BÀ ĐƯỢC DU LỊCH SANG CUBA.

Cũng ngày 26-3 vừa qua, bà Mary Hemingway, vợ của cố văn hào Ernest Hemingway cho biết là bà yêu cầu bộ ngoại giao Hoa Kỳ cho phép bà được du lịch sang Cuba. Bà Mary Hemingway cũng cho hay là bà đã xin phép cách đây 6 tuần lễ, song bà chưa nhận được tin tức gì của bộ ngoại giao Hoa Kỳ phúc đáp lời yêu cầu của bà.

Bà Mary Hemingway tỏ ý hy vọng được lưu lại 4 ngày trên lãnh thổ Cuba vào tháng Tư này vì việc riêng, liên quan đến việc xuất bản một tập án tiểu thuyết của chồng bà. Bà đã không cho biết gì thêm về vấn đề này.

Người ta được biết cố văn hào Ernest Hemingway và bà vợ đã sống nhiều năm tại Cuba vì nơi đây nhà văn Hemingway có một căn nhà riêng.

MỘT PHIM CỦA TIỆP KHẮC CHIẾM GIẢI NHẤT Ở ĐẠI HỘI ĐIỆN ẢNH Ở Á CẦN ĐÌNH.

Ngày 14-3 mới đây, một phim Tiệp Khắc dưới nhan đề *Long Live The Republic*, do nhà đạo diễn Karel Kachyma thực hiện, đã chiếm giải nhất tại Đại Hội Điện Ảnh ở Mar Del Plata, thuộc Á CẦN ĐÌNH.

Giải thưởng điện ảnh khác dành cho một nhà đạo diễn người Ý với phim *I Knew Her Well* của Antonio Pietrangeli. Ngoài ra, nữ minh tinh Pháp, cô Mireille Darc đã chiếm giải nhất về tài diễn xuất trong phim *Galia*. Còn nam tài tử Nga số Avdim Derbene được bầu làm nam tài tử đóng giải nhất trong phim *The Last Month of Autumn*.

TRẦN HOÀNG-QUÂN

— JACQUES PERRY: Giải Thưởng Quán 1966

Ngày 21-3-1966 trước sự hiện diện của văn hào André Maurois, Giải Thưởng Quán đã được trao cho nhà văn JACQUES PERRY với tác phẩm *LAVIE D'UN PAÏEN* (cuộc đời một kẻ tà giáo). Giải Thưởng Quán được thành lập từ năm 1955 và trong những năm gần đây giải này đã được trao tặng cho các nhà văn JOSÉ CABANIS với quyển *Les Cartes du Temps* (1963), PIERRE MOINOT với quyển *Le sable vif* (1964) và JACQUES PEUCHMAUR với quyển *Le soleil de Pelicorna* (1965).

Năm 1952, Jacques Perry được trao tặng giải Théophraste-Fenaudot với quyển *L'Amour de rien*. Từ đó ông lần lượt cho in những tiểu thuyết khác như *L'Amour de toi*, *Le Mouton noir*, *M. d'Ustelles Dieu Préfère* và quyển *La Grande Idée* năm 1959. Trong 5 năm liên tiếp, kể từ 1953, ông im hơi lặng tiếng không viết gì thêm, cho đến quyển *La Vie d'un Païen* được giải Thưởng Quán năm nay.

Trái hẳn với quyển *L'Amour de rien* một quyển tiểu thuyết bày tỏ nỗi buồn bã chán chường, không thiết đến sự sống và kết thúc bằng cái chết, quyển *La Vie d'un Païen* đưa ra một con người ham sống và yêu đời.

Tuần báo Tin Văn (Les Nouvelles Littéraires) số 2012 ra ngày 24-3-1966 đã đăng bài phỏng vấn nhà văn Jacques Perry của Ginette Guitard-Auviste. Chúng tôi xin tóm lược những nét chính yếu trong bài phỏng vấn của Guitard-Auviste về quyển *La Vie d'un Païen*, quyển thứ nhất trong bộ trường thiên tiểu thuyết của Jacques Perry.

— Về quyển tiểu thuyết mới nhất của ông đây, người ta cho rằng ông đã thay đổi, rằng Jacques Perry bốn mươi không còn là Jacques Perry ngày nào nữa. Ông nghĩ sao?

Thật ra thì giọng điệu có thay đổi. Đối với tôi, những giọng điệu của tiểu thuyết vô cùng quan trọng. Nó giống như một bản nhạc. Tôi bắt đầu tiên âm thì tôi bắt đầu tiên của một khúc nhạc, nhưng tôi muốn làm một cái gì khác với cái « văn chương mô phạm » (*littérature des professeurs*), cái bập bập, với nhạc cầm, với tinh lực. Phải thoát ra ngoài cái giọng văn đó, những *impairfaits du subjonctifs* đã làm tôi khó chịu khi đọc lại quyển *L'Amour de rien*, phải bắt chộp ngay cái về sống động và chối bỏ cái tri thức tĩnh. Khi đầu, tôi chỉ biết rằng nhân vật của tôi sẽ là một họa sĩ, một nhà họa sĩ đại tài vì là một hữu thể của bản năng, mà không thành kiến.

— Không phải vô tình mà ông đã chọn Charles như một họa sĩ? Ông nghĩ họa sĩ họa chăng?

— Tôi muốn được là một họa sĩ. Tôi đã bỏ hàng giờ để vẽ nguệch ngoạc. Những bức tranh nhỏ bé mà tôi không cho ai xem hết. Tuy nhiên tôi có hời ý kiến những người bạn họa sĩ xem tôi dùng chữ cỡ dùng chẳng: hình thức bức tranh bết và cò.

— Cuộc đời của một kẻ tà giáo là một đề tựa hơi có vẻ chàm chọc. Ông không ngại gây ra sự hiểu lầm giữa cái nghĩa chữ tà giáo mà ông dùng và cái nghĩa mà một loại độc giả có thể hiểu sai? Phải chăng chữ païen với cái nghĩa phi luân toàn diện thoát tiên và sau đó không có vẽ ngạc ngược sao?

— Bao giờ thì ông cho xuất bản quyển kể Uếp?

— LA BEAUTÉ À GENOUX sẽ phát hành trong vòng mười lăm hôm nữa. Hiện giờ tôi sắp viết về tuổi già của Charles, về cuộc chiến tranh từ 40 đến nay. Bước từ cái tuổi (de la second souffle), một lãnh vực mà kinh nghiệm bản thân của tôi đã cho tôi biết để phóng thích vào một thế giới của tôi trong tương lai, khó lắm. Nhưng tôi thích thú bởi vì tôi đã có một đề tài trước mắt tôi. Những đề tài đến với tôi một cách khó nhọc vô cùng.

Lỗi với tôi một quyển sách chấm dứt có nghĩa là rơi vào một lỗ hổng.

NGUYỄN XUÂN-HOÀNG

Đính chính

Vì lý do kỹ thuật, bài: «Vấn đề tạo lập tư bản tại các xứ chậm tiến» của Lê-Linh in trong số này, trang 8, dòng 26 câu: «Nh... trong giai đoạn phục hưng và phát triển kinh tế bản địa... phát triển, và...» thiếu một từ. Xin đọc lại là: «Nhưng trong giai đoạn phục hưng và phát triển kinh tế, các quốc gia nhận viện trợ cần nhờ đó để thoát khỏi những trạng thái kinh tế bấp bênh, để phát triển và...»

Xin cáo lỗi cùng tác giả, và mong bạn đọc sửa dùm. Cảm tạ.

V.H.

Cơ thể bải hoại, thận yếu

Hai đấy đêm, nhức đầu mệt mỏi, đau lưng, đi động huyết tính sinh lực suy kém, dùng thuốc bổ thận :

THẬN-TRUNG-BỬU

LA-VẠN-LINH

CÁC CHỨNG BỆNH

thần minh, đau lưng nhức mỏi. Già cả ban đêm đau mình khó ngủ các chứng phong thấp nên dùng thuốc !

HOÀN-KIỆN-ĐƠN

(2 loại : hoàn một và ngâm rượu)

Tê thấp, đau xương, nhức gân, tê bại, oải gân, đi đứng khó khăn, ngoài da tê lạnh, tê đầu ngón tay ngón chân, tê rần nửa

LA-VẠN-LINH

(có đề bán ở các tiệm thuốc Bắc)
số 532, Đường Khâm-Hồ-CHOLON
K. N. số 605.608 N. 18-12-63

Tổng phát hành :

PHONG NGŨA



“GHỀ CHÓC, LỖ LỎI
“GÀI TÔI ĐAU, ẪN LAN TỐI ĐỎ

KHÔNG PHẢI THOA PHẾT SỮ SÀI
NGOÀI DA MÀ HẾT, DẦU CÓ HẾT
CHỖ NÀY CŨNG LỖ LẠI CHỖ KIA

NÊN UỐNG

GIẢI PHONG

SẮT-ĐỘC-HOÀN
ÔNG-TIÊN

30 NĂM DANH TIẾNG

PHÂN QUỐC CÔNG-TEV
PHU LAM
CHOLON
KH. B.Y.
SỐ 21-8-62

HỎI CÁC TIỆM THUỐC HÒA VIỆT SAIGON. 228 LÊ T. ANH. T. C.